



BE VIETNAM WISE · KINH DOANH TẠI VIỆT NAM

Cẩm nang pháp lý cho nhà đầu tư nước ngoài và nhà đầu tư Việt Nam

Chương 10/11

Khoáng sản, khai thác mỏ, dầu khí

Khoáng sản và dầu khí thuộc sở hữu của Nhà nước, vì vậy mọi mỏ khoáng sản và mọi mỏ dầu, khí tại Việt Nam đều dựa trên sự cho phép của Nhà nước: giấy phép đối với khoáng sản và hợp đồng ký với Petrovietnam đối với dầu khí. Cả hai chế độ pháp lý này đều được xây dựng lại trong giai đoạn từ năm 2022 đến năm 2026. Luật Địa chất và khoáng sản mới được áp dụng từ ngày 1 tháng 7 năm 2025 và được sửa đổi từ ngày 1 tháng 1 năm 2026, chức năng quản lý nhà nước về khoáng sản được chuyển giao cho Bộ Công Thương từ ngày 15 tháng 9 năm 2026, và Luật Dầu khí mới có hiệu lực từ ngày 1 tháng 3 năm 2027. Chương này phản ánh quy định tại thời điểm ngày 10 tháng 10 năm 2026.

Rà soát ngày 10/10/2026. Biên soạn bởi một luật sư chuyên về đầu tư nước ngoài (đã nghỉ hưu) với 20 năm kinh nghiệm hành nghề trong lĩnh vực pháp luật đầu tư Việt Nam.

Thông tin pháp lý và thuế, không phải ý kiến tư vấn pháp lý. Thuế suất, ngưỡng và thủ tục có thể thay đổi: trước khi hành động, hãy xác nhận mọi vấn đề quan trọng với cơ quan có thẩm quyền hoặc luật sư được phép hành nghề tại Việt Nam. Bản tiếng Việt được dịch từ bản tiếng Anh; chỉ văn bản pháp luật gốc bằng tiếng Việt mới có giá trị pháp lý.

Đọc trực tuyến, có cập nhật, liên kết và Lawbot: <https://bewiseapps.com/kinh-doanh-tai-viet-nam/khoang-san-va-dau-khi/>

© Be Wise Apps

Mục lục

10 Tổng quan chương

10.1 Khung pháp lý về khoáng sản và cơ quan quản lý

10.2 Nhóm khoáng sản, cấp phép và đấu giá

10.3 Giấy phép thăm dò và giấy phép khai thác khoáng sản

10.4 Khoáng sản chiến lược, đất hiếm và xuất khẩu

10.5 Thuế, phí khai thác khoáng sản và môi trường

10.6 Khung pháp lý về dầu khí và Petrovietnam

10.7 Hợp đồng dầu khí và các điều khoản tài chính

10.8 Thu dọn công trình dầu khí, nội địa hóa và Luật năm 2027

Thông tin pháp lý và thuế, không phải ý kiến tư vấn pháp lý. Thuế suất, ngưỡng và thủ tục có thể thay đổi: trước khi hành động, hãy xác nhận mọi vấn đề quan trọng với cơ quan có thẩm quyền hoặc luật sư được phép hành nghề tại Việt Nam. Bản tiếng Việt được dịch từ bản tiếng Anh; chỉ văn bản pháp luật gốc bằng tiếng Việt mới có giá trị pháp lý.

Khoáng sản, khai thác mỏ, dầu khí

Rà soát ngày 10/10/2026 · Biên soạn bởi một luật sư chuyên về đầu tư nước ngoài (đã nghỉ hưu) với 20 năm kinh nghiệm hành nghề trong lĩnh vực pháp luật đầu tư Việt Nam · Thông tin pháp lý và thuế, không phải ý kiến tư vấn pháp lý · Cách chúng tôi kiểm tra (tiếng Anh) · Mở trong ứng dụng

TÓM LƯỢC

Văn bản pháp luật điều chỉnh

- Hiến pháp năm 2013, Điều 53 (tài nguyên thiên nhiên thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước đại diện chủ sở hữu)
- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 (từ ngày 1 tháng 7 năm 2025), được sửa đổi bởi Luật số 147/2025/QH15 (từ ngày 1 tháng 1 năm 2026)
- Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 2 tháng 7 năm 2025, được sửa đổi bởi Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16 tháng 1 năm 2026; Nghị định số 351/2026/NĐ-CP (chuyển giao về Bộ Công Thương)
- Luật Dầu khí số 12/2022/QH15 (từ ngày 1 tháng 7 năm 2023), cùng Nghị định số 45/2023/NĐ-CP và mẫu hợp đồng chia sản phẩm dầu khí kèm theo
- Luật Dầu khí số 10/2026/QH16, được thông qua ngày 23 tháng 8 năm 2026, thay thế Luật số 12/2022/QH15 từ ngày 1 tháng 3 năm 2027
- Luật Thuế tài nguyên số 45/2009/QH12 cùng Nghị quyết số 1084/2015/UBTVQH13; Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15, khoản 4 Điều 10

Cơ quan làm việc

- Bộ Công Thương: địa chất và khoáng sản kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2026 (giấy phép khoáng sản nhóm I, đấu giá và Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam) và dầu khí (thẩm định hợp đồng, đăng ký đầu tư, kế hoạch phát triển mỏ và kế hoạch thu dọn công trình dầu khí)
- Thủ tướng Chính phủ: phê duyệt hợp đồng dầu khí, danh mục lô dầu khí được hưởng chính sách ưu đãi đầu tư và việc chuyển nhượng quyền lợi tham gia, đồng thời có ý kiến chấp thuận bằng văn bản đối với mọi giấy phép thăm dò, khai thác đất hiếm
- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: cấp giấy phép đối với khoáng sản nhóm II, III và IV, khoáng sản nhóm I tại khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ đã được khoanh định và khai thác tận thu khoáng sản, cùng với các vấn đề về đất đai, đấu giá tại địa phương và đóng cửa mỏ
- Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam (Petrovietnam, PVN): thay mặt Nhà nước ký kết và quản lý mọi hợp đồng dầu khí, phê duyệt chương trình công tác và ngân sách, kiểm toán chi phí và quản lý quỹ bảo đảm nghĩa vụ thu dọn công trình dầu khí
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường: quản lý đất đai và đánh giá tác động môi trường; Bộ Tài chính và Cục Thuế: thuế tài nguyên, phí và thuế thu nhập doanh nghiệp

Số liệu chính

Giấy phép thăm dò khoáng sản **Tối đa 48 tháng, gia hạn tối đa 24 tháng**

Thay đổi trong giai đoạn 2025–2026

- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 thay thế Luật năm 2010 từ ngày 1 tháng 7 năm 2025, với Nghị định số 193/2025/NĐ-CP là nghị định hướng dẫn chính.

Giấy phép khai thác khoáng sản	Tối đa 30 năm, gia hạn tối đa 20 năm
Vốn chủ sở hữu để được cấp giấy phép khai thác	Tối thiểu 30% tổng vốn đầu tư, hoặc có cam kết tài trợ vốn
Thuế TNDN đối với khoáng sản quý hiếm	50% (40% tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn)
Ngưỡng chế biến đất hiếm	Sản phẩm có hàm lượng TREO tối thiểu 90%
Thời hạn hợp đồng dầu khí	30 năm (35 năm đối với lô dầu khí được hưởng chính sách ưu đãi đầu tư)
Mức trần thu hồi chi phí	50% / 70% / 80% sản lượng hằng năm
Thuế TNDN đối với hoạt động dầu khí	Từ 25% đến 50%, ấn định theo từng hợp đồng

- Luật số 147/2025/QH15, có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2026, chuyển thẩm quyền cấp phép khoáng sản nhóm II, III và IV cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, mở rộng các khu vực không đấu giá và đặt đất hiếm dưới chế độ chuỗi giá trị khép kín, không xuất khẩu khoáng sản thô.
- Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16 tháng 1 năm 2026 bổ sung các quy định về đất hiếm: Thủ tướng Chính phủ chấp thuận mọi giấy phép và mọi giao dịch chuyển nhượng, và việc khai thác phải gắn với chế biến ra sản phẩm có hàm lượng tổng các ôxit đất hiếm tối thiểu 90%.
- Nghị định số 351/2026/NĐ-CP chuyển chức năng quản lý nhà nước về địa chất và khoáng sản từ Bộ Nông nghiệp và Môi trường sang Bộ Công Thương từ ngày 15 tháng 9 năm 2026.
- Petrovietnam được đổi tên thành Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam theo Quyết định số 733/QĐ-TTg ngày 9 tháng 4 năm 2025, và Luật số 10/2026/QH16 thay thế Luật Dầu khí năm 2022 từ ngày 1 tháng 3 năm 2027.

Đối tượng áp dụng. Pháp luật về khoáng sản và pháp luật về dầu khí áp dụng như nhau đối với nhà đầu tư Việt Nam và nhà đầu tư nước ngoài khi nhà đầu tư hoạt động thông qua một pháp nhân đáp ứng điều kiện: giấy phép khai thác khoáng sản được cấp cho doanh nghiệp thành lập theo Luật Doanh nghiệp, do đó nhà đầu tư nước ngoài trước tiên phải thành lập công ty Việt Nam và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, trong khi công ty dầu khí nước ngoài ký hợp đồng trực tiếp với Petrovietnam và mở văn phòng điều hành tại Việt Nam. Đất hiếm và các khoáng sản chiến lược khác chịu thêm các hạn chế, tác động nặng nề nhất đến nhà đầu tư nước ngoài.

Vì sao tài nguyên cần một chương riêng

Ở phần lớn các lĩnh vực, câu hỏi của nhà đầu tư nước ngoài là thị trường có mở cửa hay không và dự án cần loại giấy chứng nhận nào. Trong lĩnh vực khai thác khoáng sản và dầu khí, có một câu hỏi phải đặt ra trước: nhà đầu tư cần được Nhà nước trao quyền đối với chính tài nguyên đó. Điều 53 Hiến pháp quy định khoáng sản và các tài nguyên thiên nhiên khác là tài sản công thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước đại diện chủ sở hữu. Quyền sử dụng đất, dù vững chắc đến đâu, cũng không bao gồm quyền đối với những gì nằm dưới bề mặt đất, và không hợp đồng nào giữa các bên tư nhân có thể tạo ra quyền đó. Khoáng sản được giao cho nhà đầu tư thông qua giấy phép thăm dò và giấy phép khai thác cấp theo Luật Địa chất và

khoáng sản; dầu khí thông qua hợp đồng dầu khí ký với Petrovietnam và được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Các quy định thông thường về đầu tư, doanh nghiệp, đất đai, thuế và môi trường được áp dụng bổ sung cho việc trao quyền đối với tài nguyên, chứ không thay thế cho việc đó.

Cả hai chế độ pháp lý đều thay đổi sâu rộng trong giai đoạn từ năm 2022 đến năm 2026, và hiện đều thuộc thẩm quyền của Bộ Công Thương. Các tài liệu hướng dẫn cũ, và nhiều biểu mẫu vẫn đang được lưu hành, còn dẫn chiếu Luật Khoáng sản năm 2010, Bộ Tài nguyên và Môi trường và Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Không tên gọi nào trong số đó còn hiện hành. Khung pháp lý, các cơ quan có thẩm quyền và việc chuyển giao chức năng quản lý địa chất và khoáng sản về Bộ Công Thương vào tháng 9 năm 2026 được trình bày tại mục [Khung pháp lý về khoáng sản và các cơ quan quản lý](#).

Khoáng sản: nhóm khoáng sản, giấy phép và đấu giá

Điều 6 Luật số 54/2024/QH15 phân loại khoáng sản thành bốn nhóm theo mục đích sử dụng: nhóm I (khoáng sản kim loại, khoáng sản năng lượng, đá quý, đá bán quý và khoáng chất công nghiệp), nhóm II (khoáng sản làm nguyên liệu sản xuất xi măng, gạch ốp lát, sứ vệ sinh, thủy tinh, đá ốp lát, vôi công nghiệp và vật liệu chịu lửa), nhóm III (khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường, than bùn, bùn khoáng, nước khoáng thiên nhiên và nước nóng thiên nhiên) và nhóm IV (khoáng sản làm vật liệu san lấp). Nhóm khoáng sản quyết định cơ quan nào cấp giấy phép. Kể từ khi Luật số 147/2025/QH15 có hiệu lực ngày 1 tháng 1 năm 2026, Bộ cấp phép đối với khoáng sản nhóm I và các khu vực biển nằm ngoài ranh giới vùng biển của cấp tỉnh, trong khi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp phép đối với khoáng sản nhóm II, III và IV, khoáng sản nhóm I tại khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ đã được khoanh định và khai thác tận thu khoáng sản. Theo nguyên tắc chung tại Điều 100, quyền khai thác khoáng sản tại các khu vực đã có trong quy hoạch được đấu giá, kèm theo danh mục các trường hợp ngoại lệ đã được lần sửa đổi năm 2025 mở rộng. Các nhóm khoáng sản, phân định thẩm quyền cấp phép, quy định về đấu giá và tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được trình bày tại mục [Nhóm khoáng sản, cấp phép và đấu giá](#).

Sau đó, dự án lần lượt trải qua giai đoạn giấy phép thăm dò khoáng sản có thời hạn tối đa 48 tháng, việc công nhận trữ lượng bởi Hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản quốc gia hoặc cấp tỉnh, và giấy phép khai thác khoáng sản có thời hạn tối đa 30 năm, có thể được gia hạn tổng cộng tối đa 20 năm. Nghị định số 193/2025/NĐ-CP yêu cầu tổ chức thăm dò bảo đảm toàn bộ dự toán thăm dò bằng vốn chủ sở hữu hoặc bảo lãnh ngân hàng, và tổ chức khai thác phải có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng 30% tổng vốn đầu tư hoặc có cam kết tài trợ cho toàn bộ dự án. Khoáng sản nhóm IV làm vật liệu san lấp được khai thác mà không cần giấy phép thăm dò. Trình tự, thủ tục, thời hạn, quy định về chuyển nhượng và các căn cứ thu hồi giấy phép được trình bày tại mục [Giấy phép thăm dò và giấy phép khai thác khoáng sản](#).

Đất hiếm, xuất khẩu và chi phí khai thác

Đất hiếm hiện được quản lý như một loại khoáng sản chiến lược đặc biệt. Theo lần sửa đổi năm 2025 và các điều khoản được Nghị định số 21/2026/NĐ-CP bổ sung vào Nghị định số 193/2025/NĐ-CP, mọi giấy phép thăm dò, khai thác đất hiếm và mọi giao dịch chuyển nhượng đều phải có văn bản chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ, việc khai thác phải gắn với chế biến ra sản phẩm có hàm lượng tổng các ôxit đất hiếm tối thiểu 90%, khoáng sản đất hiếm chưa qua chế biến không được xuất khẩu, và hợp tác quốc tế chỉ được thực hiện với các đối tác được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận. Việc xuất khẩu các khoáng sản khác bị giới hạn trong danh mục và quy chuẩn kỹ thuật do Bộ Công Thương và Bộ Xây dựng ban hành, và nhiều loại quặng phải chịu thuế xuất khẩu. Xem mục [Khoáng sản chiến lược, đất hiếm và xuất khẩu](#).

Một mỏ khoáng sản phải nộp thuế tài nguyên theo thuế suất quy định tại Nghị quyết số 1084/2015/UBTVQH13 (ví dụ: 14% đối với quặng sắt, 17% đối với vàng và 18% đối với đất hiếm), tiền cấp quyền khai thác khoáng sản tính theo công thức $T = Q \times G \times R$ quy định tại Điều 132 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP, phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản, thuế xuất khẩu trong trường hợp áp dụng, và thuế thu nhập doanh nghiệp mà khoản 4 Điều 10 Luật số 67/2025/QH15 quy định ở mức 50% đối với khoáng sản quý hiếm, hoặc 40% nếu ít nhất 70% diện tích nằm tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản phải kèm theo quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc giấy phép môi trường, và tổ chức khai thác phải ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường và đóng cửa mỏ bằng chi phí của mình. Xem mục [Thuế, phí khai thác khoáng sản và môi trường](#).

Dầu khí: Petrovietnam và hợp đồng chia sản phẩm dầu khí

Hoạt động dầu khí được điều chỉnh bởi Luật số 12/2022/QH15, có hiệu lực từ ngày 1 tháng 7 năm 2023, và Nghị định số 45/2023/NĐ-CP. Bộ Công Thương là cơ quan quản lý; Thủ tướng Chính phủ phê duyệt hợp đồng, danh mục lô dầu khí được hưởng chính sách ưu đãi đầu tư và việc chuyển nhượng quyền lợi tham gia; và Petrovietnam, được đổi tên thành Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam vào tháng 4 năm 2025 nhưng vẫn được gọi là PVN, thay mặt Nhà nước ký kết và quản lý mọi hợp đồng. Việc phê duyệt hợp đồng thay thế cho thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư, và sau đó Bộ Công Thương cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà thầu. Chế biến dầu khí, kho cảng nhập khẩu LNG và nhà máy nhiệt điện khí nằm ngoài phạm vi điều chỉnh của Luật Dầu khí và được cấp phép theo pháp luật về đầu tư, điện lực và pháp luật chuyên ngành. Xem mục [Khung pháp lý về dầu khí và Petrovietnam](#).

Hợp đồng chia sản phẩm dầu khí là hình thức tiêu chuẩn, và Nghị định số 45/2023/NĐ-CP có kèm theo hợp đồng mẫu. Nhà thầu được lựa chọn thông qua đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế, chào thầu cạnh tranh hoặc chỉ định thầu. Hợp đồng có thời hạn tối đa 30 năm với giai đoạn tìm kiếm thăm dò tối đa 5 năm, hoặc lần lượt 35 năm và 10 năm đối với lô dầu khí được hưởng chính sách ưu đãi đầu tư. Theo Điều 33 của Luật, mức thu hồi chi phí tối đa là 50% sản lượng hằng năm đối với lô thông thường, 70% đối với lô dầu khí được hưởng chính sách ưu đãi đầu tư và 80% đối với lô dầu khí được hưởng chính sách ưu đãi đầu tư đặc biệt; thuế thu nhập doanh nghiệp được ấn định theo từng hợp đồng trong khoảng từ 25% đến 50%, và theo Điều 54, lô ưu đãi đầu tư chịu thuế suất 32% và thuế xuất khẩu dầu thô 10%, lô ưu đãi đầu tư đặc biệt lần lượt là 25% và 5%. Xem mục [Hợp đồng dầu khí và các điều khoản tài chính](#).

Thu dọn công trình dầu khí, nội địa hóa và Luật năm 2027

Mọi nhà thầu phải nộp kế hoạch thu dọn công trình dầu khí trong thời hạn một năm kể từ ngày có dòng dầu, khí thương mại đầu tiên và nộp tiền hằng năm vào quỹ bảo đảm nghĩa vụ thu dọn công trình dầu khí do PVN quản lý; các khoản nộp này là chi phí được thu hồi. Hợp đồng cũng phải bao gồm các cam kết về đào tạo, quỹ nghiên cứu khoa học và ưu tiên sử dụng lao động, dịch vụ Việt Nam, và nhà thầu phải bán dầu thô và khí tại Việt Nam khi Chính phủ yêu cầu. Luật số 10/2026/QH16, được thông qua ngày 23 tháng 8 năm 2026 và có hiệu lực từ ngày 1 tháng 3 năm 2027, giữ nguyên mô hình chia sản phẩm nhưng phân cấp thẩm quyền phê duyệt cho cơ quan quản lý nhà nước và PVN, bổ sung ưu đãi đối với mỏ nhỏ, mỏ cận biên, mỏ nước sâu và xa bờ, đồng thời thiết lập khung pháp lý về thu giữ và lưu trữ carbon gắn với hoạt động dầu khí. Nghị định hướng dẫn Luật này vẫn đang ở dạng dự thảo tại thời điểm rà soát. Xem mục [Thu dọn công trình dầu khí, nội địa hóa và Luật Dầu khí năm 2027](#).

Cách sử dụng chương này

Nhà đầu tư vào lĩnh vực khoáng sản nên đọc lần lượt ba mục đầu tiên, sau đó đọc mục về khoáng sản chiến lược nếu đối tượng là khoáng sản kim loại hoặc khoáng sản thiết yếu, và mục về thuế và môi trường trước khi xây dựng mô hình tài chính. Công ty dầu khí nên bắt đầu từ mục khung pháp lý về dầu khí và đọc mục về hợp đồng trước khi đề xuất lô dầu khí hoặc nhận chuyển nhượng quyền lợi tham gia (farm-in). Các nội dung đã được trình bày ở phần khác được dẫn chiếu thay vì nhắc lại, đặc biệt là Chấp thuận chủ trương đầu tư, Thu hồi đất, bồi thường và đất chậm đưa vào sử dụng, Thuế thu nhập doanh nghiệp và Tranh chấp giữa nhà đầu tư và Nhà nước và khiếu kiện theo điều ước. Mỗi mục kết thúc bằng các câu hỏi thường gặp liên quan, nguồn văn bản chính thức và một câu hỏi để gửi Lawbot về tình huống cụ thể của bạn. Quy định được phản ánh tại thời điểm ngày 10 tháng 10 năm 2026; những thay đổi năm 2027 đối với Luật Dầu khí và các nội dung sửa đổi tiếp theo đối với Luật Địa chất và khoáng sản dự kiến có hiệu lực ngày 1 tháng 1 năm 2027 cần được kiểm tra trước khi hoàn tất bất kỳ giao dịch nào.

NGUỒN CHÍNH THỨC

- Cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản pháp luật (vbpl.vn): Luật số 54/2024/QH15; Luật số 147/2025/QH15; Nghị định số 193/2025/NĐ-CP; Nghị định số 21/2026/NĐ-CP — <https://vbpl.vn>
- Bộ Công Thương (quản lý địa chất và khoáng sản kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2026) — <https://moit.gov.vn>
- Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam (văn bản hợp nhất Nghị định số 193/2025/NĐ-CP, dữ liệu khoáng sản) — <https://dcks.mae.gov.vn>
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ (nghị định và quyết định của Thủ tướng Chính phủ) — <https://chinhphu.vn>
- Cổng Dịch vụ công quốc gia (nộp hồ sơ trực tuyến các thủ tục về khoáng sản) — <https://dichvucong.gov.vn>
- Cục Hải quan (thuế xuất khẩu và thông quan khoáng sản) — <https://www.customs.gov.vn>
- Cục Thuế (kê khai thuế tài nguyên, phí và thuế TNDN) — <https://gdt.gov.vn>
- Bộ Tài chính (dự thảo luật sửa đổi Luật Thuế tài nguyên, tháng 7 năm 2026) — <https://mof.gov.vn>
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường, ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường) — <https://mae.gov.vn>
- Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam (Petrovietnam) — <https://www.pvn.vn>

Khung pháp lý về khoáng sản và các cơ quan quản lý: quyền sở hữu của Nhà nước theo Điều 53 Hiến pháp, Luật Địa chất và khoáng sản năm 2024 được sửa đổi năm 2025, Nghị định số 193/2025/NĐ-CP, việc chuyển giao về Bộ Công Thương vào tháng 9 năm 2026, thẩm quyền của cấp tỉnh, khoáng sản và đất đai, và sự tham gia của nhà đầu tư nước ngoài

Rà soát ngày 10/10/2026 · Biên soạn bởi một luật sư chuyên về đầu tư nước ngoài (đã nghỉ hưu) với 20 năm kinh nghiệm hành nghề trong lĩnh vực pháp luật đầu tư Việt Nam · Thông tin pháp lý và thuế, không phải ý kiến tư vấn pháp lý · [Cách chúng tôi kiểm tra \(tiếng Anh\)](#) · [Mở trong ứng dụng](#)

NHỮNG ĐIỂM CẦN NHỚ

- Khoáng sản là tài sản công thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước đại diện chủ sở hữu (Điều 53 Hiến pháp năm 2013), vì vậy quyền sử dụng đất không bao gồm quyền đối với khoáng sản nằm dưới đất và mọi mỏ khoáng sản đều phải có giấy phép.
- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 được áp dụng từ ngày 1 tháng 7 năm 2025, được sửa đổi bởi Luật số 147/2025/QH15 từ ngày 1 tháng 1 năm 2026, cùng với Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 2 tháng 7 năm 2025 được sửa đổi bởi Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16 tháng 1 năm 2026.
- Nghị định số 351/2026/NĐ-CP chuyển chức năng quản lý nhà nước về địa chất và khoáng sản từ Bộ Nông nghiệp và Môi trường sang Bộ Công Thương từ ngày 15 tháng 9 năm 2026; Luật sửa đổi dẫn chiếu đến bộ được giao làm đầu mối thay vì nêu tên một bộ cụ thể.
- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp giấy phép đối với khoáng sản nhóm II, III và IV, khoáng sản nhóm I tại khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ đã được khoanh định và khai thác tận thu khoáng sản, đồng thời công nhận kết quả thăm dò đối với các giấy phép do mình cấp (Điều 51 và Điều 108, đã được sửa đổi).
- Giấy phép khai thác khoáng sản được cấp cho doanh nghiệp thành lập theo Luật Doanh nghiệp (Điều 53), do đó công ty Việt Nam có vốn đầu tư nước ngoài đáp ứng điều kiện khi đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; doanh nghiệp nước ngoài có chi nhánh hoặc văn phòng đại diện có thể được cấp giấy phép thăm dò khoáng sản (Điều 37).

Quyền sở hữu của Nhà nước và ý nghĩa đối với nhà đầu tư

Điều 53 Hiến pháp năm 2013 quy định đất đai, tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản, nguồn lợi ở vùng biển, vùng trời và các tài nguyên thiên nhiên khác là tài sản công thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý. Toàn bộ chế độ pháp lý về khoáng sản đều bắt nguồn từ quy định này. Nhà nước không bán mỏ khoáng sản; Nhà nước trao quyền có thời hạn để thăm dò và sau đó khai

thác khoáng sản, đổi lại nhà đầu tư nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và thuế tài nguyên đối với sản lượng khai thác. Quyền này gắn với chủ thể được cấp giấy phép, chỉ được chuyển nhượng khi có sự chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép, và chấm dứt cùng với giấy phép (Câu hỏi thường gặp 102).

Cũng nguyên tắc đó tách bạch khoáng sản với đất đai. Quyền sử dụng đất, dù do người Việt Nam, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hay chính Nhà nước nắm giữ, đều không bao gồm quyền đối với khoáng sản hoặc dầu khí nằm dưới đất. Người sử dụng đất phát hiện sét, cát hoặc quặng trên đất của mình không được khai thác để bán khi chưa có giấy phép, và nhà đầu tư mua một khu đất để khai thác đá chỉ nhận được phần bề mặt. Ngược lại, chủ giấy phép không đương nhiên có quyền đối với bề mặt đất. Đối với dự án đã được cấp phép, Điều 79 Luật Đất đai số 31/2024/QH15 (Luật Đất đai năm 2024) cho phép Nhà nước thu hồi đất để thực hiện hoạt động khai thác khoáng sản đã được cấp phép, kèm theo bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho người sử dụng đất, và Điều 205 điều chỉnh việc cho thuê đất để hoạt động khoáng sản, thông thường theo hình thức thuê đất trả tiền hằng năm; tổ chức khai thác cũng có thể thỏa thuận nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ người đang sử dụng đất. Thủ tục về đất đai được trình bày tại mục Cách doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tiếp cận đất đai và Thu hồi đất, bồi thường và đất chậm đưa vào sử dụng.

Điều 8 Luật số 54/2024/QH15 bổ sung khía cạnh cộng đồng. Địa phương và người dân nơi có khoáng sản được khai thác được chia sẻ lợi ích thông qua ngân sách nhà nước và kết cấu hạ tầng, và tổ chức khai thác phải hỗ trợ các hộ gia đình bị ảnh hưởng, bao gồm hỗ trợ đào tạo nghề, và ưu tiên sử dụng lao động địa phương. Các nghĩa vụ này được thực thi thông qua giấy phép và đăng ký đầu tư, và trên thực tế chúng định hình sự chấp thuận của cộng đồng đối với hoạt động của dự án không kém bất kỳ phê duyệt nào.

Luật Địa chất và khoáng sản năm 2024

Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 được thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày 1 tháng 7 năm 2025, thay thế Luật Khoáng sản năm 2010. Phạm vi của Luật không chỉ giới hạn ở khai thác khoáng sản mà còn bao gồm điều tra địa chất và thông tin, dữ liệu địa chất. Đối với nhà đầu tư, các chương cốt lõi là các chương về quy hoạch khoáng sản và khu vực khoáng sản (bao gồm khu vực cấm hoạt động khoáng sản và khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản theo Điều 26, khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ theo Điều 27 và khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia theo các Điều từ 28 đến 34), thăm dò khoáng sản (các Điều từ 37 đến 52), khai thác khoáng sản nhóm I, II và III (các Điều từ 53 đến 66), khai thác tận thu khoáng sản (các Điều từ 67 đến 71), khoáng sản nhóm IV làm vật liệu san lấp (các Điều từ 72 đến 74), chế biến khoáng sản (Điều 77 và Điều 78), bảo vệ môi trường và đóng cửa mỏ khoáng sản (các Điều từ 79 đến 85), tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (Điều 98 và Điều 99) và đấu giá quyền khai thác khoáng sản (các Điều từ 100 đến 106). Trách nhiệm quản lý nhà nước được quy định tại Điều 107 và thẩm quyền cấp giấy phép tại Điều 108.

Có bốn điểm phân biệt Luật năm 2024 với luật trước đó. Luật phân loại khoáng sản theo mục đích sử dụng thành bốn nhóm thay vì theo các loại trước đây, và xác định cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép theo nhóm khoáng sản (Điều 6). Luật thiết lập cơ chế đơn giản đối với khoáng sản nhóm IV làm vật liệu san lấp, được khai thác mà không cần giấy phép thăm dò (Điều 73). Luật đưa ra cơ chế thu hồi khoáng sản trong phạm vi dự án xây dựng, theo đó chủ đầu tư có thể sử dụng hoặc bán khoáng sản phát hiện trong quá trình thi công sau khi đăng ký. Và Luật chuyển tiền cấp quyền khai thác khoáng sản sang hình

thức nộp hằng năm, tính trên trữ lượng ghi trong giấy phép và sau đó quyết toán theo sản lượng khai thác thực tế (Điều 98 và Điều 99). Quy định chi tiết về từng nội dung được trình bày tại mục Nhóm khoáng sản, cấp phép và đấu giá và Giấy phép thăm dò và giấy phép khai thác khoáng sản.

Lần sửa đổi năm 2025 và Nghị định số 193/2025/NĐ-CP

Chưa đầy sáu tháng sau khi Luật có hiệu lực, Quốc hội đã sửa đổi Luật. Luật số 147/2025/QH15 được thông qua ngày 11 tháng 12 năm 2025 và có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2026. Các thay đổi chính gồm: chuyển thẩm quyền cấp phép đối với khoáng sản nhóm II, III và IV, và khoáng sản nhóm I tại khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ, cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; mở rộng các khu vực cấp quyền khai thác khoáng sản không qua đấu giá, bao gồm khu vực cần thiết cho an ninh năng lượng, quốc phòng và khoáng sản chiến lược, vật liệu cho các dự án quan trọng quốc gia, dự án đầu tư công và dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư, và nguyên liệu cho các nhà máy chế biến đang hoạt động; cho phép cấp phép khai thác khoáng sản nhóm III làm vật liệu xây dựng cho các dự án công cụ thể mà không phụ thuộc vào phương án quản lý khoáng sản cấp tỉnh; cho phép lấy mẫu để thử nghiệm công nghệ chế biến; và đặt đất hiếm dưới chế độ chuỗi giá trị khép kín, trong đó thăm dò, khai thác và chế biến được gắn kết với nhau và quặng đất hiếm thô không được xuất khẩu (Câu hỏi thường gặp 101, Câu hỏi thường gặp 105). Luật sửa đổi cũng thay thế các dẫn chiếu đến một bộ cụ thể bằng dẫn chiếu đến bộ được giao làm đầu mối giúp Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về địa chất và khoáng sản, nhờ đó việc chuyển giao sau này về Bộ Công Thương được thực hiện mà không cần sửa đổi Luật thêm.

Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 2 tháng 7 năm 2025, có hiệu lực cùng ngày, hướng dẫn thi hành Luật với hơn 150 điều: danh mục khoáng sản thuộc từng nhóm, năng lực tài chính, trình tự, thủ tục và thời hạn cấp phép, công nhận trữ lượng, công thức tính và phương thức nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, đấu giá, đóng cửa mỏ và khoáng sản chiến lược. Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16 tháng 1 năm 2026, cũng có hiệu lực kể từ ngày ký, sửa đổi Nghị định số 193/2025/NĐ-CP để hướng dẫn Luật số 147/2025/QH15, chuyển nhiều thời hạn sang tính theo ngày làm việc, viết lại các quy định về năng lực tài chính và bổ sung một nhóm điều mới, từ Điều 110a đến Điều 110g, về đất hiếm. Các dẫn chiếu trong chương này đến Nghị định số 193/2025/NĐ-CP được hiểu là Nghị định đã được sửa đổi như trên.

Cơ quan quản lý: chuyển giao về Bộ Công Thương

Từ khi hợp nhất các bộ năm 2025 cho đến ngày 14 tháng 9 năm 2026, địa chất và khoáng sản do Bộ Nông nghiệp và Môi trường quản lý, sau khi bộ này tiếp nhận Bộ Tài nguyên và Môi trường trước đây. Nghị định số 351/2026/NĐ-CP chuyển chức năng quản lý nhà nước về địa chất và khoáng sản sang **Bộ Công Thương** kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2026, cùng ngày với việc chuyển chức năng quản lý nhà nước về khu công nghiệp từ Bộ Tài chính sang Bộ Công Thương theo Nghị quyết số 66.25/2026/NQ-CP của Chính phủ. Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam được chuyển theo chức năng này, và hiện nay Bộ Công Thương cấp giấy phép thăm dò và giấy phép khai thác khoáng sản nhóm I, tổ chức đấu giá cấp bộ, quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia về địa chất và khoáng sản và, thông qua Hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản quốc gia, công nhận kết quả thăm dò đối với các khu vực do bộ cấp phép (Điều 51). Bộ Công Thương vốn đã ban hành danh mục và tiêu chuẩn xuất khẩu đối với khoáng sản nhóm I và khoáng chất công nghiệp và quản lý hoạt động chế biến, vì vậy việc chuyển giao đưa cấp phép, chế biến và thương mại về một đầu mối.

Bộ Nông nghiệp và Môi trường tiếp tục quản lý đất đai và bảo vệ môi trường, do đó đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường và ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường đối với mỏ khoáng sản vẫn thuộc hệ thống của bộ này và của cấp tỉnh (Câu hỏi thường gặp 89). Bộ Xây dựng ban hành danh mục và tiêu chuẩn xuất khẩu đối với khoáng sản làm vật liệu xây dựng. Bộ Tài chính và Cục Thuế thu thuế tài nguyên, tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và thuế thu nhập doanh nghiệp. Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch khoáng sản quốc gia, các khu vực cấm hoạt động khoáng sản do cấp tỉnh khoanh định, các khu vực không đấu giá thuộc thẩm quyền của bộ và mọi giấy phép đối với đất hiếm. Các biểu mẫu và quyết định ban hành trước ngày 15 tháng 9 năm 2026 dưới danh nghĩa Bộ Nông nghiệp và Môi trường vẫn có hiệu lực; các hồ sơ đang giải quyết được Bộ Công Thương tiếp tục xử lý.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

Cấp tỉnh luôn có vai trò quan trọng trong hoạt động khai thác khoáng sản tại Việt Nam vì kiểm soát đất đai, đường giao thông, nguồn nước và trật tự tại địa phương. Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2026, xét về số lượng, cấp tỉnh còn cấp phép cho phần lớn các mỏ. Theo Điều 108 được sửa đổi bởi Luật số 147/2025/QH15, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp, gia hạn, cấp lại, điều chỉnh, chấp thuận trả lại, chấp thuận chuyển nhượng và thu hồi giấy phép đối với khoáng sản nhóm II, nhóm III và nhóm IV, khoáng sản nhóm I tại khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ đã được bộ khoanh định và công bố, và khai thác tận thu khoáng sản. Trường hợp khu vực cấp phép nằm trên địa bàn hai tỉnh trở lên, tỉnh có phần diện tích lớn nhất quyết định sau khi lấy ý kiến các tỉnh còn lại. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cũng công nhận kết quả thăm dò đối với các giấy phép do mình cấp (khoản 2 Điều 51), khoanh định và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt khu vực cấm hoạt động khoáng sản và khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản (khoản 4 Điều 26), phê duyệt các khu vực không đấu giá thuộc thẩm quyền (Điều 100), tổ chức đấu giá tại địa phương và phê duyệt đóng cửa mỏ đối với các giấy phép do mình cấp.

Hồ sơ do cơ quan chuyên môn cấp tỉnh được giao quản lý khoáng sản tiếp nhận và thẩm định. Sau đợt sắp xếp tổ chức năm 2025, chức năng này thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường; một số tỉnh có thể giao lại chức năng này sau khi việc chuyển giao ở trung ương về Bộ Công Thương được thực hiện, và người nộp hồ sơ cần xác nhận cơ quan tiếp nhận trước khi nộp. Cấp tỉnh cũng quy định mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trong khung do trung ương ban hành, vì vậy chi phí của một mỏ đá có thể khác nhau giữa các tỉnh.

Các luật khác áp dụng đối với dự án khai thác khoáng sản

Pháp luật về khoáng sản là điểm xuất phát, không phải toàn bộ khung pháp lý. Nhà đầu tư nước ngoài thành lập công ty và đăng ký dự án theo Luật Đầu tư số 143/2025/QH15 (Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư). Các phê duyệt về môi trường được thực hiện theo Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14, đất đai theo Luật Đất đai năm 2024, và các khoản thu tài chính theo pháp luật về thuế tài nguyên, thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế xuất khẩu. Khoáng sản phóng xạ, và các sản phẩm phụ có tính phóng xạ của một số loại quặng đất hiếm, cũng thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Năng lượng nguyên tử. Việc cấp phép phải tuân thủ quy hoạch khoáng sản: quy hoạch quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt bởi Quyết định số 866/QĐ-TTg năm 2023, và quy hoạch cấp tỉnh bao gồm khoáng sản nhóm III và nhóm IV.

Sự tham gia của nhà đầu tư nước ngoài

Điều 53 của Luật cho phép cấp giấy phép khai thác khoáng sản cho doanh nghiệp thành lập theo Luật Doanh nghiệp hoặc hợp tác xã, và Điều 37 cho phép cấp giấy phép thăm dò khoáng sản cho các chủ thể đó và cho doanh nghiệp nước ngoài có văn phòng đại diện hoặc chi nhánh tại Việt Nam. Do đó, nhà đầu tư nước ngoài có ý định khai thác khoáng sản phải thành lập công ty Việt Nam, và vì trong phần lớn trường hợp công ty này có trên 50% vốn nước ngoài, công ty trước tiên phải được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, điều mà nhà đầu tư trong nước không phải thực hiện (Câu hỏi thường gặp 106). Thăm dò và khai thác khoáng sản là ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, và nhà đầu tư cần kiểm tra danh mục ngành, nghề tiếp cận thị trường tại Phụ lục I Nghị định số 96/2026/NĐ-CP đối với loại khoáng sản cụ thể trước khi xây dựng cấu trúc đầu tư (Tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài).

Hai hạn chế khác tác động nặng nề hơn đến nhà đầu tư nước ngoài. Điều 65 yêu cầu nhà đầu tư nước ngoài vào khoáng sản chiến lược, quan trọng phải đáp ứng điều kiện tiếp cận thị trường theo pháp luật về đầu tư và chấp hành sự định hướng của Nhà nước đối với hoạt động này, và Nghị định số 193/2025/NĐ-CP quy định nhà đầu tư nước ngoài tham gia thăm dò các khoáng sản đó được xác định theo hiệp định liên Chính phủ, với ưu tiên cấp quyền khai thác cho doanh nghiệp trong nước hợp tác với nhà đầu tư nước ngoài trong chế biến. Đất hiếm được dành cho các doanh nghiệp do Nhà nước chỉ định hoặc cho phép. Các quy định này được trình bày tại mục Khoáng sản chiến lược, đất hiếm và xuất khẩu.

Những câu hỏi đầu tiên đối với mọi cơ hội về khoáng sản

Những câu hỏi mà nhà đầu tư nước ngoài, hoặc tư vấn của nhà đầu tư, cần trả lời trước khi ký bản điều khoản chính cho một dự án khoáng sản tại Việt Nam hoặc một phần vốn tại doanh nghiệp nắm giữ giấy phép.

☐ Khoáng sản thuộc nhóm nào?

Điều 6 của Luật và danh mục tại Nghị định số 193/2025/NĐ-CP xác định nhóm khoáng sản, và nhóm khoáng sản quyết định cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép, yêu cầu thăm dò và việc có phải đấu giá hay không.

☐ Khu vực có nằm trong quy hoạch khoáng sản không?

Kiểm tra quy hoạch quốc gia đối với khoáng sản nhóm I và nhóm II (Quyết định số 866/QĐ-TTg) hoặc quy hoạch cấp tỉnh đối với khoáng sản nhóm III và IV, và khu vực đó có phải là khu vực cấm, khu vực tạm thời cấm, khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia hay khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ hay không.

☐ Giấy phép thực sự bao gồm những gì?

Thu thập bản giấy phép, tọa độ, độ sâu, trữ lượng, công suất và thời hạn, quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và lần quyết toán gần nhất.

☐ Ai nắm giữ giấy phép, và giấy phép có được chuyển nhượng không?

Quyền thăm dò khoáng sản chỉ được chuyển nhượng sau khi đã thực hiện 50% dự toán thăm dò (Điều 46); quyền khai thác khoáng sản chỉ được chuyển nhượng sau khi đã hoàn thành xây dựng cơ bản và mỏ đã đi vào khai thác (Điều 58).

☐ **Nhà đầu tư có được nắm giữ giấy phép không?**

Xác nhận điều kiện tiếp cận thị trường, thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và khoáng sản có phải là khoáng sản chiến lược hoặc đất hiếm hay không, vì khi đó phát sinh thêm yêu cầu chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ và điều kiện theo hiệp định liên Chính phủ.

☐ **Các phê duyệt về môi trường và đất đai đã có chưa?**

Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc giấy phép môi trường, chứng từ ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường, quyết định cho thuê đất hoặc thu hồi đất và hồ sơ bồi thường.

☐ **Các nghĩa vụ tài chính đã được thực hiện đầy đủ chưa?**

Thuế tài nguyên, tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, phí bảo vệ môi trường và thuế thu nhập doanh nghiệp; khoản nợ đọng có thể cản trở việc chuyển nhượng và dẫn đến thu hồi giấy phép.

Khung pháp lý về khoáng sản tại thời điểm ngày 10 tháng 10 năm 2026

Văn bản	Nội dung điều chỉnh	Hiệu lực
Hiến pháp năm 2013, Điều 53	Tài nguyên thiên nhiên thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý	Ngày 1 tháng 1 năm 2014
Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15	Quy hoạch, khu vực khoáng sản, thăm dò, khai thác, đóng cửa mỏ, tiền cấp quyền, đấu giá, thẩm quyền cấp giấy phép	Ngày 1 tháng 7 năm 2025
Luật số 147/2025/QH15	Cấp tỉnh cấp phép khoáng sản nhóm II đến nhóm IV, mở rộng khu vực không đấu giá, khoáng sản nhóm III cho dự án công, chuỗi giá trị đất hiếm	Ngày 1 tháng 1 năm 2026
Nghị định số 193/2025/NĐ-CP	Quy định chi tiết: nhóm khoáng sản, năng lực tài chính, thủ tục, công thức tính tiền cấp quyền, đấu giá, đóng cửa mỏ, khoáng sản chiến lược	Ngày 2 tháng 7 năm 2025
Nghị định số 21/2026/NĐ-CP	Sửa đổi Nghị định số 193/2025/NĐ-CP; các Điều từ 110a đến 110g về đất hiếm; thời hạn tính theo ngày làm việc	Ngày 16 tháng 1 năm 2026
Nghị định số 351/2026/NĐ-CP	Chuyển chức năng quản lý nhà nước về địa chất và khoáng sản sang Bộ Công Thương	Ngày 15 tháng 9 năm 2026
Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Điều 79 và Điều 205	Thu hồi đất để khai thác khoáng sản đã được cấp phép; cho thuê đất để hoạt động khoáng sản	Ngày 1 tháng 8 năm 2024
Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14	Đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường, ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường (Điều 137)	Ngày 1 tháng 1 năm 2022
Quyết định số 866/QĐ-TTg (năm 2023)	Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	Năm 2023

VÍ DỤ MINH HỌA

Xác định các cơ quan có thẩm quyền đối với dự án vonfram có vốn nước ngoài tại vùng núi phía Bắc

Một công ty thương mại Nhật Bản và một công ty khai khoáng quy mô nhỏ của Úc thành lập công ty liên doanh tại Việt Nam (70% vốn nước ngoài) để nhận chuyển nhượng một giấy phép thăm dò vonfram có diện tích 12 km² được cấp năm 2024, trong đó công tác thăm dò đã hoàn thành 60%. Vonfram là khoáng sản kim loại nhóm I và, theo khoản 4 Điều 10 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, là khoáng sản quý hiếm. Các dữ kiện và mốc thời gian chỉ mang tính minh họa.

Công ty và Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	Công ty liên doanh đăng ký dự án tại Sở Tài chính theo Luật số 143/2025/QH15; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư được cấp vào tuần thứ 5; công ty được đăng ký thành lập vào tuần thứ 6.
Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép	Bộ Công Thương (khoáng sản nhóm I nằm ngoài khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ), kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2026. Trước ngày đó, hồ sơ được nộp cho Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
Chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản	Được phép vì đã thực hiện trên 50% dự toán thăm dò (Điều 46); bên nhận chuyển nhượng phải đáp ứng Điều 37 và quy định về năng lực tài chính tại Điều 26 của Nghị định (phần dự toán còn lại được bảo đảm bằng vốn chủ sở hữu hoặc bảo lãnh ngân hàng). Giấy phép được cấp lại cho công ty liên doanh cho thời hạn còn lại.
Công nhận trữ lượng	Hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản quốc gia, trên cơ sở báo cáo kết quả thăm dò, trong thời hạn sáu tháng sau khi giấy phép thăm dò khoáng sản hết hạn (khoản 3 Điều 50).
Giấy phép khai thác khoáng sản	Tiếp tục là Bộ Công Thương; hồ sơ bao gồm quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, báo cáo nghiên cứu khả thi và tài liệu chứng minh vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng 30% tổng vốn đầu tư hoặc cam kết tài trợ vốn (Điều 55 của Nghị định).
Môi trường	Báo cáo đánh giá tác động môi trường được thẩm định trong hệ thống của Bộ Nông nghiệp và Môi trường hoặc cấp tỉnh, tùy thuộc vào loại dự án theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP đã được sửa đổi.
Đất đai	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thu hồi đất theo Điều 79 Luật Đất đai năm 2024 và cho công ty thuê đất trả tiền hằng năm theo Điều 205; phương án bồi thường được thống nhất với các hộ gia đình bị ảnh hưởng.
Thuế	Thuế tài nguyên đối với vonfram ở mức 20% (Nghị quyết số 1084/2015/UBTVQH13); thuế thu nhập doanh nghiệp ở mức 50%, hoặc 40% nếu ít nhất 70% diện tích nằm tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Nếu khoáng sản là đá vôi dùng cho nhà máy xi măng của chính công ty liên doanh (nhóm II), Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh sẽ cấp phép, và khu vực này có thể được giao không qua đấu giá với tư cách là nguồn nguyên liệu cho nhà máy chế biến đang hoạt động.

Nếu đối tượng là mỏ đất hiếm, việc chuyển nhượng và mọi giấy phép sau đó đều phải có văn bản chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ, và tư cách của nhà đầu tư sẽ phụ thuộc vào việc được Nhà nước chỉ định hoặc cho phép.

Câu hỏi nhà đầu tư thường gặp về khung pháp lý khoáng sản

Ai sở hữu khoáng sản được phát hiện dưới đất của tôi tại Việt Nam?

Nhà nước. Điều 53 Hiến pháp quy định khoáng sản là tài sản công thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước đại diện chủ sở hữu, vì vậy quyền sử dụng đất không bao gồm quyền đối với khoáng sản nằm dưới đất. Việc khai thác khoáng sản để bán phải có giấy phép theo Luật số 54/2024/QH15, kể cả đối với sét hoặc cát trên đất mà nhà đầu tư đang sử dụng.

Hiện nay bộ nào quản lý hoạt động khai thác khoáng sản tại Việt Nam?

Bộ Công Thương, kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2026 theo Nghị định số 351/2026/NĐ-CP. Bộ Công Thương tiếp nhận chức năng quản lý địa chất và khoáng sản, bao gồm cấp giấy phép khoáng sản nhóm I và Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, từ Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Bộ Nông nghiệp và Môi trường tiếp tục thực hiện các phê duyệt về đất đai và môi trường. Cấp tỉnh cấp phép đối với khoáng sản nhóm II, III và IV.

Luật nào áp dụng đối với hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản nộp năm 2026?

Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 được sửa đổi bởi Luật số 147/2025/QH15 từ ngày 1 tháng 1 năm 2026, cùng với Nghị định số 193/2025/NĐ-CP được sửa đổi bởi Nghị định số 21/2026/NĐ-CP. Luật Khoáng sản năm 2010 và các nghị định hướng dẫn không còn điều chỉnh các hồ sơ mới, trừ trường hợp áp dụng quy định chuyển tiếp tại Điều 111.

Công ty nước ngoài có được trực tiếp nắm giữ giấy phép khai thác khoáng sản không?

Không, đối với hoạt động khai thác. Điều 53 quy định giấy phép khai thác khoáng sản được cấp cho doanh nghiệp thành lập theo Luật Doanh nghiệp, vì vậy nhà đầu tư nước ngoài phải thành lập công ty Việt Nam và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trước. Riêng đối với hoạt động thăm dò, Điều 37 còn cho phép doanh nghiệp nước ngoài có chi nhánh hoặc văn phòng đại diện tại Việt Nam được cấp giấy phép.

Mua đất có cho tôi quyền khai thác đá trên đất đó không?

Không. Quyền sử dụng đất và quyền đối với khoáng sản là tách biệt. Việc khai thác đá phải có giấy phép của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với khoáng sản nhóm II đến nhóm IV hoặc của Bộ Công Thương đối với khoáng sản nhóm I. Ngược lại, chủ giấy phép không có quyền sử dụng đất sẽ có được đất thông qua việc Nhà nước thu hồi đất và cho thuê đất theo Luật Đất đai năm 2024 hoặc thông qua thỏa thuận nhận chuyển nhượng.

THAY ĐỔI DỰ KIẾN NĂM 2027

- Một luật sửa đổi mười luật về thủ tục hành chính và điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường, được thông qua tại kỳ họp bất thường lần thứ nhất của Quốc hội khóa XVI vào tháng 8 năm 2026 và theo thông tin hiện có sẽ có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2027, bao gồm các nội dung sửa đổi Luật Địa chất và khoáng sản; các nguồn thứ cấp cho thấy có thay đổi đối với Điều 26, Điều 55 và Điều 108, và cần kiểm tra văn bản chính thức trước khi dựa vào sự phân định thẩm quyền cấp phép nêu trong mục này.
- Bộ Công Thương dự kiến ban hành lại dưới danh nghĩa của mình các thông tư và biểu mẫu về khoáng sản của Bộ Nông nghiệp và Môi trường trước đây; cho đến khi đó, các biểu mẫu hiện hành tiếp tục được sử dụng.
- Dự thảo sửa đổi toàn diện Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 được công bố vào tháng 6 năm 2026, và dự thảo Luật Đất đai sửa đổi với ngày hiệu lực dự kiến là ngày 1 tháng 3 năm 2027 đang được Quốc hội xem xét vào tháng 10 năm 2026; cả hai đều có thể làm thay đổi các bước về môi trường và đất đai đối với mỏ khoáng sản.

Thuật ngữ thường gặp trong hồ sơ, tài liệu

Tiếng Anh	Tiếng Việt	Giải nghĩa
Law on Geology and Minerals	Luật Địa chất và khoáng sản	Luật số 54/2024/QH15, có hiệu lực từ ngày 1 tháng 7 năm 2025, đã được sửa đổi.
Mineral activities	Hoạt động khoáng sản	Hoạt động thăm dò và khai thác khoáng sản, bao gồm cả khai thác tận thu khoáng sản.
Exploration licence	Giấy phép thăm dò khoáng sản	Giấy phép thăm dò một khu vực xác định (các Điều từ 37 đến 52).
Mining licence	Giấy phép khai thác khoáng sản	Giấy phép khai thác khoáng sản (các Điều từ 53 đến 66).
Licensing authority	Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép	Bộ hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, theo Điều 108.
Prohibited area	Khu vực cấm hoạt động khoáng sản	Khu vực cấm tiến hành hoạt động khoáng sản (Điều 26).
National mineral reserve area	Khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia	Khu vực có khoáng sản nhóm I hoặc nhóm II chưa khai thác được khoanh định để dự trữ (Điều 28).
Small and dispersed area	Khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ	Khu vực có khoáng sản nhóm I hoặc nhóm II chỉ phù hợp với khai thác quy mô nhỏ, do cấp tỉnh cấp phép (Điều 27).
Vietnam Department of Geology and Minerals	Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam	Cơ quan cấp cục ở trung ương quản lý về địa chất và khoáng sản, trực thuộc Bộ Công Thương kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2026.

NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI VÀ NHÀ ĐẦU TƯ VIỆT NAM

Bản thân pháp luật về khoáng sản ít phân biệt theo quốc tịch: giấy phép được cấp cho doanh nghiệp, và doanh nghiệp Việt Nam có vốn đầu tư nước ngoài đáp ứng điều kiện như doanh nghiệp trong nước. Sự khác biệt phát sinh từ các quy định liên quan. Nhà đầu tư nước ngoài phải có Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trước khi thành lập công ty hoặc trong thời hạn 12 tháng sau đó, phải đáp ứng danh mục tiếp cận thị trường đối với loại khoáng sản, và trong lĩnh vực khoáng sản chiến lược được tham gia thăm dò thông qua hiệp định liên Chính phủ, với quyền khai thác được ưu tiên cấp cho doanh nghiệp trong nước hợp tác với đối tác chế biến nước ngoài. Đất hiếm được dành cho các doanh nghiệp được Nhà nước chỉ định hoặc cho phép. Hộ kinh doanh Việt Nam, nhưng không phải cá nhân nước ngoài, có thể được cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm III.

LƯU Ý

- Dựa vào tài liệu hướng dẫn, biểu mẫu hoặc ý kiến tư vấn viện dẫn Luật Khoáng sản năm 2010, Bộ Tài nguyên và Môi trường hoặc Nghị định số 158/2016/NĐ-CP; tất cả đều đã được thay thế.
- Cho rằng quyền đối với đất bao gồm cả khoáng sản trong đất; khai thác đá không có giấy phép là vi phạm hành chính và, ở quy mô lớn, là tội phạm hình sự.
- Nộp hồ sơ sai cơ quan sau các thay đổi ngày 1 tháng 1 năm 2026 và ngày 15 tháng 9 năm 2026; khoáng sản nhóm I nộp cho Bộ Công Thương, nhóm II đến nhóm IV nộp cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
- Mua lại công ty có giấy phép chưa đủ điều kiện chuyển nhượng, hoặc đang nợ tiền cấp quyền khai thác khoáng sản hoặc thuế tài nguyên.
- Bỏ qua các nội dung sửa đổi tiếp theo đối với Luật Địa chất và khoáng sản dự kiến có hiệu lực ngày 1 tháng 1 năm 2027 khi lập kế hoạch nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép kéo dài qua thời điểm đó.

NGUỒN CHÍNH THỨC

- Cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản pháp luật (vbpl.vn): Luật số 54/2024/QH15; Luật số 147/2025/QH15; Nghị định số 193/2025/NĐ-CP; Nghị định số 21/2026/NĐ-CP — <https://vbpl.vn>
- Bộ Công Thương (quản lý địa chất và khoáng sản kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2026) — <https://moit.gov.vn>
- Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam (văn bản hợp nhất Nghị định số 193/2025/NĐ-CP, dữ liệu khoáng sản) — <https://dcks.mae.gov.vn>
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ (nghị định và quyết định của Thủ tướng Chính phủ) — <https://chinhphu.vn>

**Nhóm khoáng sản, cấp phép và đấu giá:
bốn nhóm khoáng sản theo Điều 6, thẩm
quyền cấp phép đối với từng nhóm kể từ
ngày 1 tháng 1 năm 2026, quy hoạch
khoáng sản và các khu vực không được
khai thác, đấu giá quyền khai thác khoáng
sản và các trường hợp ngoại lệ được mở
rộng, tiền cấp quyền khai thác khoáng
sản, và cách xác định đúng loại giấy phép
và cơ quan cấp phép**

Rà soát ngày 10/10/2026 · Biên soạn bởi một luật sư chuyên về đầu tư nước ngoài (đã nghỉ hưu) với 20 năm kinh nghiệm hành nghề trong lĩnh vực pháp luật đầu tư Việt Nam · Thông tin pháp lý và thuế, không phải ý kiến tư vấn pháp lý · [Cách chúng tôi kiểm tra \(tiếng Anh\)](#) · [Mở trong ứng dụng](#)

NHỮNG ĐIỂM CẦN NHỚ

- Điều 6 Luật số 54/2024/QH15 phân loại khoáng sản theo mục đích sử dụng thành nhóm I (khoáng sản kim loại, khoáng sản năng lượng, đá quý, khoáng chất công nghiệp), nhóm II (khoáng sản làm nguyên liệu sản xuất xi măng, gạch ốp lát, thủy tinh, đá ốp lát, vôi và vật liệu chịu lửa), nhóm III (khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường, than bùn, nước khoáng) và nhóm IV (khoáng sản làm vật liệu san lấp).
- Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2026, bộ (là Bộ Công Thương kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2026) cấp phép đối với khoáng sản nhóm I và các khu vực biển nằm ngoài ranh giới vùng biển của cấp tỉnh, và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp phép đối với khoáng sản nhóm II, III và IV, khoáng sản nhóm I tại khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ và khai thác tận thu khoáng sản (Điều 108, được sửa đổi bởi Luật số 147/2025/QH15).
- Quyền khai thác khoáng sản tại các khu vực khoáng sản đã có trong quy hoạch, khu vực khai thác tận thu và phần lớn khu vực khoáng sản nhóm IV được đấu giá theo Điều 100, và phiên đấu giá chỉ được tiến hành khi có ít nhất hai người tham gia đủ điều kiện; Luật số 147/2025/QH15 mở rộng các khu vực không đấu giá để bao gồm an ninh năng lượng, quốc phòng, khoáng sản chiến lược, vật liệu cho các dự án công ưu tiên, nguyên liệu cho sản xuất xi măng và chế biến, kết quả thăm dò đã được công nhận và gia hạn.
- Hoạt động khoáng sản bị cấm tại khu vực cấm và khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản do cấp tỉnh khoanh định và Thủ tướng Chính phủ phê duyệt (Điều 26), và việc cấp phép phải tuân thủ quy hoạch quốc gia đối với khoáng sản nhóm I và nhóm II hoặc quy hoạch cấp tỉnh đối với khoáng sản nhóm III và IV (các Điều từ 11 đến 13).
- Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được tính theo công thức $T = Q \times G \times R$, trong đó R là tỷ lệ thu quy định tại Phụ lục III Nghị định số 193/2025/NĐ-CP hoặc mức trúng đấu giá; tiền cấp quyền được phê duyệt trên cơ sở trữ lượng được cấp phép, nộp theo từng năm và quyết toán theo sản lượng khai thác thực tế (các Điều từ 132 đến 139).

Vì sao nhóm khoáng sản quan trọng

Theo Luật Khoáng sản năm 2010, thẩm quyền cấp phép phụ thuộc vào sự kết hợp giữa loại khoáng sản và quy mô. Luật số 54/2024/QH15 thay thế cách tiếp cận đó bằng một khái niệm tổ chức duy nhất: nhóm mà khoáng sản thuộc về theo mục đích sử dụng. Nhóm khoáng sản quyết định cơ quan cấp phép cho mỏ, có cần giấy phép thăm dò hay không, khả năng khu vực bị đấu giá, thời hạn giấy phép và, đối với nhóm I, liệu khoáng sản đó có đồng thời là khoáng sản chiến lược hay không. Do đó, xác định đúng nhóm khoáng sản là bước đầu tiên trong mọi dự án khoáng sản, và câu trả lời không phải lúc nào cũng rõ ràng: đá vôi có thể thuộc nhóm II nếu dùng làm nguyên liệu cho nhà máy xi măng và thuộc nhóm III nếu được nghiền làm vật liệu nền đường, và cát thuộc nhóm III khi dùng cho xây dựng nhưng thuộc nhóm IV nếu chỉ phù hợp để san lấp.

Khoản 1 Điều 6 xác định bốn nhóm khoáng sản. **Nhóm I** gồm khoáng sản kim loại, khoáng sản năng lượng, đá quý, đá bán quý và khoáng chất công nghiệp: than, sắt, bauxit, đồng, vàng, thiếc, vonfram, titan, đất hiếm, apatit, graphit và các khoáng sản tương tự. **Nhóm II** gồm khoáng sản làm nguyên liệu, vật liệu trong công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng để sản xuất xi măng, gạch ốp lát, sứ vệ sinh, kính xây dựng, đá ốp lát và đá mỹ nghệ, vôi công nghiệp và vật liệu chịu lửa. **Nhóm III** gồm khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường không thuộc nhóm II hoặc nhóm IV, cùng với than bùn, bùn khoáng,

nước khoáng thiên nhiên và nước nóng thiên nhiên. **Nhóm IV** gồm khoáng sản chỉ phù hợp làm vật liệu san lấp, đắp nền móng, xây dựng công trình thủy lợi và phòng, chống thiên tai: sét, đất đồi, đất lùn đá, cát, sỏi, cuội, và cát không phải là cát sông, cát hồ và cát biển (Câu hỏi thường gặp 103). Khoản 2 Điều 6 giao Chính phủ quy định danh mục chi tiết, được ban hành tại Điều 4 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP, và cho phép Chính phủ quyết định nhóm của khoáng sản có nhiều mục đích sử dụng.

Thẩm quyền cấp phép đối với từng nhóm kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2026

Luật số 147/2025/QH15 viết lại Điều 108 với hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2026. **Bộ trưởng** bộ được giao làm đầu mối về địa chất và khoáng sản cấp giấy phép thăm dò và giấy phép khai thác đối với khoáng sản nhóm I, trừ khoáng sản nhóm I tại khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ đã được bộ khoáng định và công bố, và đối với khoáng sản tại các khu vực biển nằm ngoài ranh giới hành chính của cấp tỉnh. Kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2026, Bộ trưởng đó là Bộ trưởng Bộ Công Thương. Bộ trưởng cũng giải quyết việc gia hạn, cấp lại, điều chỉnh, trả lại, chuyển nhượng và thu hồi các giấy phép thuộc thẩm quyền này.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp phép đối với khoáng sản nhóm II, nhóm III và nhóm IV, khoáng sản nhóm I tại khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ và khai thác tận thu khoáng sản, đồng thời giải quyết việc gia hạn, cấp lại, điều chỉnh, trả lại, chuyển nhượng và thu hồi các giấy phép đó. Trường hợp khu vực nằm trên địa bàn nhiều tỉnh, tỉnh có phần diện tích lớn nhất quyết định sau khi lấy ý kiến các tỉnh còn lại. Phần thẩm quyền cấp phép của cấp tỉnh vốn đã lớn theo Luật năm 2010, nhưng thay đổi năm 2026 khiến Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trở thành cơ quan cấp phép đối với mọi mỏ đá và mọi mỏ vật liệu xây dựng trên cả nước, chiếm phần lớn số lượng giấy phép.

Có hai loại khoáng sản nằm trên cả hai cấp thẩm quyền này. Mọi giấy phép thăm dò hoặc khai thác **đất hiếm**, và mọi giao dịch chuyển nhượng giấy phép đó, đều phải có văn bản chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ trước khi Bộ trưởng quyết định (Điều 110c và Điều 110d Nghị định số 193/2025/NĐ-CP), và Thủ tướng Chính phủ chấp thuận giấy phép đối với khoáng sản chiến lược đặc biệt nói chung (khoản 4 Điều 108 của Nghị định). Giấy phép được cấp trước ngày 1 tháng 1 năm 2026 bởi cơ quan nay không còn thẩm quyền sẽ do cơ quan hiện có thẩm quyền giải quyết việc gia hạn, điều chỉnh hoặc thu hồi, trừ trường hợp chủ giấy phép lựa chọn hoàn tất hồ sơ đang giải quyết theo thủ tục có hiệu lực tại thời điểm nộp hồ sơ (Điều 111).

Quy hoạch khoáng sản và bản đồ khu vực khoáng sản

Không giấy phép nào được cấp ngoài quy hoạch. Các Điều từ 11 đến 13 quy định quy hoạch quốc gia đối với khoáng sản nhóm I và khoáng sản nhóm II do các bộ lập và Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, và việc quản lý khoáng sản nhóm III và nhóm IV thông qua quy hoạch cấp tỉnh. Quy hoạch quốc gia hiện hành là Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, được phê duyệt bởi Quyết định số 866/QĐ-TTg năm 2023, trong đó liệt kê các mỏ được thăm dò và khai thác trong từng giai đoạn và đặt ra các mục tiêu chế biến. Kể từ năm 2026, khoáng sản nhóm III làm vật liệu xây dựng cho các dự án công được liệt kê có thể được cấp phép mà không phụ thuộc vào phương án quản lý của cấp tỉnh theo các khoản mới được bổ sung vào Điều 55.

Trong khuôn khổ đó, Luật xác định một số loại khu vực. **Khu vực quy hoạch cho hoạt động khoáng sản** là nơi giấy phép được cấp, thông qua đấu giá hoặc hình thức khác. **Khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ** (Điều 27) có khoáng sản nhóm I hoặc nhóm II chỉ phù hợp với khai thác quy mô nhỏ và do cấp tỉnh cấp phép. **Khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia** (các Điều từ 28 đến 34) giữ lại khoáng sản nhóm I và nhóm II chưa khai thác để sử dụng trong tương lai; các dự án đầu tư khác chỉ được thực hiện tại các khu vực này sau khi đánh giá tác động đến khoáng sản dự trữ, và nếu dự án đó sau này bị chấm dứt để giải phóng khoáng sản, nhà đầu tư được bồi thường theo Điều 34. Cuối cùng, **khu vực cấm và khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản** hoàn toàn không được tiến hành hoạt động khoáng sản.

Khu vực cấm và khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản

Khoản 1 Điều 26 yêu cầu khoanh định khu vực cấm hoạt động khoáng sản đối với khu vực có, hoặc được bảo vệ vì, di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh đã được xếp hạng hoặc di sản thiên nhiên; đất rừng đặc dụng và rừng phòng hộ, khu vực bảo tồn địa chất và khu bảo tồn biển; đất quốc phòng, an ninh; đất cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng; hoặc hành lang bảo vệ công trình quốc phòng, giao thông, thủy lợi, thủy điện và đê điều, hệ thống cấp nước và xử lý chất thải, công trình năng lượng và dầu khí, và hạ tầng viễn thông. Khoản 2 Điều 26 cho phép khoanh định khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản vì lý do quốc phòng, an ninh, bảo tồn thiên nhiên, nguồn lợi thủy sản hoặc di tích đang được xem xét, phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai, và đối với bờ sông, bờ biển đang bị sạt lở hoặc có nguy cơ sạt lở. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh khoanh định cả hai loại khu vực và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt (khoản 4 Điều 26).

Việc thăm dò hoặc khai thác trong các khu vực đó chỉ được thực hiện khi có sự chấp thuận đặc biệt theo khoản 3 Điều 26, được sửa đổi bởi Luật số 147/2025/QH15, và Điều 14 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP quy định thủ tục. Nếu một khu vực đã được cấp phép sau đó bị khoanh định là khu vực cấm hoặc khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản, giấy phép thăm dò hoặc giấy phép khai thác bị thu hồi và chủ giấy phép được bồi thường theo khoản 4 Điều 52 và khoản 5 Điều 66. Do đó, bên mua giấy phép không chỉ cần kiểm tra tình trạng hiện tại của khu vực mà cả việc khoanh định đang được xem xét có ảnh hưởng đến khu vực đó, đặc biệt là gần sông, rừng và các công trình hạ tầng đã được quy hoạch.

Đấu giá quyền khai thác khoáng sản

Khoản 1 Điều 100 yêu cầu đấu giá quyền khai thác khoáng sản tại các khu vực quy hoạch cho hoạt động khoáng sản, khu vực khai thác tận thu khoáng sản và đối với khoáng sản nhóm IV, trừ các trường hợp không đấu giá. Phiên đấu giá do cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép tổ chức, tức là Bộ Công Thương đối với khu vực khoáng sản nhóm I thuộc thẩm quyền của bộ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với các khu vực còn lại, trên cơ sở kế hoạch đấu giá hàng năm được phê duyệt theo Điều 144 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP. Các Điều từ 101 đến 106 của Luật và các Điều từ 143 đến 149 của Nghị định quy định nguyên tắc, giá khởi điểm, bước giá và tiền đặt trước, điều kiện của người tham gia đấu giá, quyền và nghĩa vụ của người trúng đấu giá, cách tính tiền cấp quyền tại khu vực đấu giá và việc hủy kết quả đấu giá. Phiên đấu giá chỉ được tiến hành khi có ít nhất hai người tham gia đủ điều kiện (Câu hỏi thường gặp 105).

Người tham gia đấu giá phải là chủ thể có thể được cấp giấy phép sau đó: doanh nghiệp thành lập theo Luật Doanh nghiệp (hoặc, đối với thăm dò, doanh nghiệp nước ngoài có chi nhánh hoặc văn phòng đại diện), có năng lực tài chính theo yêu cầu đối với hoạt động thăm dò hoặc khai thác. Về bản chất, đối tượng được đấu giá là tỷ lệ R trong công thức tính tiền cấp quyền: mức trúng đấu giá thay thế tỷ lệ quy

định tại Phụ lục III của Nghị định. Đấu giá được thực hiện dưới hai hình thức: đấu giá tại khu vực chưa thăm dò khoáng sản, sau đó người trúng đấu giá phải đề nghị cấp giấy phép thăm dò, và đấu giá tại khu vực đã có kết quả thăm dò được công nhận, sau đó người trúng đấu giá trực tiếp đề nghị cấp giấy phép khai thác. Trường hợp khu vực có từ hai loại khoáng sản trở lên, Điều 148 của Nghị định xác định loại khoáng sản được đưa ra đấu giá. Khoản 2 Điều 104 của Luật và Điều 148a của Nghị định quy định thời hạn mà người trúng đấu giá phải nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép; người trúng đấu giá không nộp hồ sơ đúng hạn, hoặc không nộp các khoản tiền phải nộp, có nguy cơ bị hủy kết quả đấu giá theo Điều 106 và mất tiền đặt trước.

Các trường hợp quyền khai thác khoáng sản không được đấu giá

Khoản 2 Điều 100 cho phép khoanh định các khu vực cấp quyền khai thác khoáng sản không qua đấu giá vì mục đích an ninh năng lượng, quốc phòng, an ninh, sử dụng hiệu quả khoáng sản chiến lược, quan trọng và vật liệu cho các dự án trọng điểm quốc gia, dự án đầu tư công khẩn cấp và chương trình mục tiêu quốc gia, và Luật số 147/2025/QH15 đã mở rộng danh mục này. Điều 143 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP hiện quy định các tiêu chí: khu vực khoáng sản phóng xạ và than (trừ than và than bùn tại khu vực phân tán, nhỏ lẻ); khu vực thuộc vành đai biên giới quốc gia; khu vực được ưu tiên thăm dò nâng cấp hoặc mở rộng cho tổ chức đang khai thác; khu vực do tổ chức đã tham gia điều tra địa chất lựa chọn; khoáng sản nhóm III và nhóm IV làm vật liệu xây dựng cho các dự án công được liệt kê tại khoản 1a Điều 55 của Luật; khu vực thuộc thỏa thuận hợp tác liên Chính phủ; khu vực khoáng sản chiến lược, quan trọng; khu vực đã đấu giá không thành ba lần; đá vôi và sét làm xi măng, phụ gia xi măng và nguyên liệu cho các nhà máy chế biến đang hoạt động; và khu vực cần thiết để cấp giấy phép khai thác cho tổ chức thăm dò có quyền ưu tiên, hoặc để gia hạn, cấp lại, điều chỉnh hoặc chuyển nhượng giấy phép hiện có. Bộ Công Thương khoanh định các khu vực không đấu giá thuộc thẩm quyền của bộ để trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt các khu vực thuộc thẩm quyền của mình (khoản 3 và khoản 4 Điều 100; Điều 143a của Nghị định).

Tại khu vực không đấu giá, tổ chức thăm dò được lựa chọn theo Điều 39 của Luật và Điều 30, Điều 31 của Nghị định. Tổ chức có tên trong văn bản phê duyệt khu vực không đấu giá được lựa chọn trước; nếu không có, khu vực được công bố công khai, và nếu có nhiều hơn một tổ chức nộp hồ sơ, ưu tiên thuộc về tổ chức có vốn chủ sở hữu lớn nhất đáp ứng quy định về năng lực tài chính, sau đó đến tổ chức đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính tại các mỏ hiện có. Tại vành đai biên giới quốc gia, chỉ nhà đầu tư trong nước được lựa chọn, với sự đồng ý bằng văn bản của cơ quan quản lý biên giới (khoản 2 Điều 30 của Nghị định), điều này loại trừ các công ty được coi là nhà đầu tư nước ngoài theo pháp luật về đầu tư. Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản khi đó được tính theo tỷ lệ tại Phụ lục III thay vì mức trúng đấu giá. Đối với nhà đầu tư nước ngoài xây dựng nhà máy chế biến, tiêu chí nguyên liệu cho sản xuất xi măng và chế biến là hữu ích nhất: nhà đầu tư có nhà máy đang hoạt động có thể bảo đảm được mỏ nguyên liệu mà không phải cạnh tranh qua đấu giá.

Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản

Điều 98 của Luật yêu cầu mọi tổ chức khai thác phải nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản. Theo Điều 132 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP, khoản tiền này được tính theo công thức $T = Q \times G \times R$, trong đó Q là trữ lượng hoặc khối lượng tính tiền cấp quyền theo Điều 133, G là giá tính tiền cấp quyền theo Điều 134 (giá tính thuế tài nguyên do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành nhân với hệ số quy đổi tại Phụ lục

IV), và R là tỷ lệ thu quy định tại Phụ lục III của Nghị định đối với khu vực không đấu giá hoặc mức trúng đấu giá đối với khu vực đấu giá (Câu hỏi thường gặp 107). Trường hợp giấy phép bao gồm nhiều loại khoáng sản, tiền cấp quyền được tính riêng cho từng loại.

Tổng số tiền được chia cho số năm của giấy phép và nộp hằng năm: khoản nộp năm đầu tiên trong thời hạn 24 ngày làm việc kể từ ngày có thông báo của cơ quan thuế, và các khoản nộp tiếp theo trước ngày 31 tháng 5 hằng năm (Điều 137). Tiền cấp quyền sau đó được quyết toán theo sản lượng khai thác thực tế theo Điều 139 và Điều 140, để điều chỉnh số nộp thừa hoặc nộp thiếu, và có thể được điều chỉnh khi giấy phép được điều chỉnh. Trường hợp hoạt động khai thác bị tạm dừng theo yêu cầu của Nhà nước mà không do lỗi của tổ chức khai thác, không phải nộp tiền cấp quyền cho những năm tạm dừng. Tiền cấp quyền không phải là thuế nhưng do cơ quan thuế cấp tính thu, và việc còn nợ là căn cứ để từ chối gia hạn và chuyển nhượng.

HƯỚNG DẪN RA QUYẾT ĐỊNH

Giấy phép nào, và cơ quan nào?

Định hướng ban đầu cho một mô dự kiến. Câu trả lời được xác định bởi câu hỏi đầu tiên dẫn đến kết quả; cần đối chiếu với quy hoạch và cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép trước khi nộp hồ sơ.

Q1 Khoáng sản có phải là đất hiếm, khoáng sản phóng xạ hoặc khoáng sản khác được Nhà nước xếp vào danh mục khoáng sản chiến lược đặc biệt không?

Có Bộ Công Thương cấp phép, nhưng chỉ sau khi có văn bản chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ đối với giấy phép và chủ giấy phép. Điều kiện được giới hạn ở các doanh nghiệp được Nhà nước chỉ định hoặc cho phép và, đối với nhà đầu tư nước ngoài, theo các điều kiện của hiệp định liên Chính phủ. Xem mục Khoáng sản chiến lược, đất hiếm và xuất khẩu.

Không Chuyển sang câu hỏi 2.

Q2 Khoáng sản có phải chỉ phù hợp làm vật liệu san lấp, đắp nền móng, công trình thủy lợi hoặc phòng, chống thiên tai (nhóm IV) không?

Có Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Không cần giấy phép thăm dò; giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV có thời hạn tối đa 10 năm, gia hạn tối đa 5 năm, thường thông qua đấu giá trừ khi vật liệu cung cấp cho dự án công đáp ứng điều kiện (các Điều từ 72 đến 74; Điều 88 của Nghị định).

Không Chuyển sang câu hỏi 3.

Q3 Khoáng sản có thuộc nhóm II hoặc nhóm III (nguyên liệu sản xuất xi măng, gạch ốp lát, thủy tinh, vôi hoặc vật liệu chịu lửa; vật liệu xây dựng thông thường, than bùn, nước khoáng) không?

Có Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, đối với cả thăm dò và khai thác. Kiểm tra xem khu vực có nằm trong kế hoạch đấu giá của tỉnh hay đáp ứng tiêu chí khu vực không đấu giá (ví dụ: đá vôi và sét cho nhà máy xi măng đang hoạt động).

Không Chuyển sang câu hỏi 4.

Q4 Mỏ khoáng sản nhóm I có nằm tại khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ đã được bộ khoáng định và công bố, hoặc là hoạt động khai thác tận thu không?

Có Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Điều 108, đã được sửa đổi).

Không Bộ Công Thương, là bộ được giao quản lý địa chất và khoáng sản kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2026, bao gồm cả các khu vực biển nằm ngoài ranh giới vùng biển của cấp tỉnh. Dự kiến phải đấu giá, trừ khi khu vực được khoáng định là khu vực không đấu giá.

Bốn nhóm khoáng sản và phân định thẩm quyền cấp phép

Nhóm	Khoáng sản điển hình	Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép	Giấy phép thăm dò khoáng sản	Đấu giá
Nhóm I	Than, sắt, bauxit, đồng, vàng, thiếc, vonfram, titan, đất hiếm, đá quý, apatit, graphit	Bộ Công Thương; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tại khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ; Thủ tướng Chính phủ chấp thuận đối với đất hiếm	Bắt buộc; tối đa 48 tháng, gia hạn tối đa 24 tháng	Đấu giá tại khu vực quy hoạch trừ trường hợp không đấu giá (an ninh năng lượng, khoáng sản chiến lược, kết quả thăm dò đã được công nhận, gia hạn)
Nhóm II	Đá vôi và sét làm xi măng, cao lanh và fenspat cho gốm sứ, cát thủy tinh, đá ốp lát, dolomit để sản xuất vôi, vật liệu chịu lửa	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Bắt buộc	Đấu giá trừ trường hợp không đấu giá, đáng chú ý là nguyên liệu cho sản xuất xi măng và chế biến
Nhóm III	Đá xây dựng thông thường, cát, sỏi, than bùn, bùn khoáng, nước khoáng và nước nóng thiên nhiên	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; hộ kinh doanh có thể được cấp giấy phép	Bắt buộc (giới hạn diện tích nhỏ hơn)	Đấu giá trừ trường hợp cung cấp cho các dự án công được liệt kê hoặc thuộc trường hợp không đấu giá khác

Nhóm	Khoáng sản điển hình	Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép	Giấy phép thăm dò khoáng sản	Đấu giá
Nhóm IV	Sét, đất đồi, đất lầy đá, cát san lấp	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Không bắt buộc; chỉ cần điều tra thông tin chung về khoáng sản	Đấu giá theo nguyên tắc chung; miễn đối với nhà thầu thi công dự án trọng điểm quốc gia, dự án đầu tư công khẩn cấp và công trình phòng, chống thiên tai
Khai thác tận thu khoáng sản	Khoáng sản còn lại tại mỏ đã đóng cửa hoặc khu vực dự án	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Không bắt buộc	Đấu giá theo nguyên tắc chung

VÍ DỤ MINH HỌA

Bảo đảm mỏ đá vôi cho dây chuyền clinker mới

Một tập đoàn xi măng Thái Lan, thông qua công ty con tại Việt Nam, đang xây dựng dây chuyền clinker thứ hai bên cạnh nhà máy đang hoạt động ở miền Bắc và cần 60 triệu tấn đá vôi trong 30 năm. Đá vôi này là khoáng sản nhóm II. Các số liệu, tỷ lệ và mốc thời gian chỉ mang tính minh họa, và tỷ lệ R là giả định chứ không lấy từ Phụ lục III.

Kiểm tra quy hoạch (tháng thứ 1)	Mỏ nằm trong quy hoạch quốc gia đối với khoáng sản nhóm II; không thuộc khu vực cấm, khu vực tạm thời cấm hoặc khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia.
Đấu giá hay không (tháng thứ 1 đến tháng thứ 3)	Là đá vôi làm xi măng đã được xác định trong quy hoạch khoáng sản nhóm II và là nguyên liệu cho nhà máy đang hoạt động, khu vực này đáp ứng khoản 10 Điều 143 của Nghị định; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt việc khoanh định khu vực này là khu vực không đấu giá theo khoản 4 Điều 100.
Cơ quan có thẩm quyền	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với cả thăm dò và khai thác (Điều 108).
Thăm dò (tháng thứ 4 đến tháng thứ 22)	Giấy phép thăm dò khoáng sản thời hạn 18 tháng trên diện tích 3 km ² ; năng lực tài chính được chứng minh bằng vốn chủ sở hữu bảo đảm 100% dự toán thăm dò (Điều 26 của Nghị định).
Công nhận trữ lượng (tháng thứ 23 đến tháng thứ 28)	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận trữ lượng 65 triệu tấn (khoản 2 Điều 51).
Giấy phép khai thác (tháng thứ 29 đến tháng thứ 36)	Giấy phép thời hạn 30 năm với công suất 2 triệu tấn/năm, sau khi có quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường và hoàn tất thủ tục đất đai.
Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	Giả định Q = 60 triệu tấn, G = 90.000 đồng/tấn và R = 3%: $T = 60.000.000 \times 90.000 \times 3\% = 162$ tỷ đồng, nộp khoảng 5,4 tỷ đồng mỗi năm trong 30 năm và quyết toán theo sản lượng khai thác thực tế.

Thuế tài nguyên

Đá vôi làm xi măng chịu thuế suất 10% trên giá tính thuế (Nghị quyết số 1084/2015/UBTVQH13), nộp trên sản lượng khai thác thực tế cùng với tiền cấp quyền.

Nếu tập đoàn muốn dùng đá vôi để sản xuất đá dăm bán cho bên thứ ba, khoáng sản sẽ thuộc nhóm III, khu vực nhiều khả năng sẽ được đấu giá, và mức R trúng đấu giá sẽ thay thế tỷ lệ giá định 3%.

Nếu mỏ nằm trong khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia, giấy phép sẽ phải có đánh giá trước về tác động đến khoáng sản dự trữ và không được kéo dài quá thời hạn dự trữ.

Câu hỏi nhà đầu tư thường gặp về nhóm khoáng sản, cấp phép và đấu giá

Cơ quan nào cấp giấy phép khai thác vàng hoặc đồng tại Việt Nam?

Bộ Công Thương, là bộ được giao quản lý địa chất và khoáng sản kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2026, vì vàng và đồng là khoáng sản kim loại nhóm I. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ cấp phép đối với các khoáng sản này tại khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ đã được bộ khoáng định và công bố, theo Điều 108 được sửa đổi bởi Luật số 147/2025/QH15.

Khu vực khai thác của tôi có bị đấu giá không?

Có khả năng, nếu khu vực nằm trong khu vực khoáng sản đã được quy hoạch, trừ khi thuộc một trường hợp không đấu giá theo Điều 100: an ninh năng lượng, quốc phòng, khoáng sản chiến lược, vật liệu cho các dự án công ưu tiên, nguyên liệu cho sản xuất xi măng hoặc chế biến, kết quả thăm dò đã được công nhận hoặc gia hạn. Phiên đấu giá cần có ít nhất hai người tham gia đủ điều kiện, và mức trúng đấu giá xác định tỷ lệ tính tiền cấp quyền.

Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được tính như thế nào?

Theo Điều 132 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP, tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được tính theo công thức $T = Q \times G \times R$: trữ lượng được cấp phép nhân với giá tính thuế tài nguyên và nhân với tỷ lệ thu tại Phụ lục III hoặc mức trúng đấu giá. Tiền cấp quyền được nộp theo từng năm, hạn nộp là ngày 31 tháng 5 đối với các năm sau năm đầu tiên, và được quyết toán theo sản lượng khai thác thực tế.

Tôi có thể khai thác khoáng sản trong rừng hoặc gần sông không?

Không được khai thác tại đất rừng đặc dụng hoặc rừng phòng hộ, di tích đã được xếp hạng, hoặc hành lang bảo vệ đề điều, công trình thủy lợi, giao thông và năng lượng, là những khu vực mà Điều 26 quy định là khu vực cấm hoạt động khoáng sản. Bờ sông đang bị sạt lở có thể bị khoáng định là khu vực tạm thời cấm. Việc khai thác tại các khu vực đó phải có sự chấp thuận đặc biệt theo khoản 3 Điều 26, và việc cấm sau này dẫn đến thu hồi giấy phép kèm theo bồi thường.

Tôi có cần giấy phép thăm dò đối với cát san lấp hoặc sét không?

Không, nếu vật liệu là khoáng sản nhóm IV chỉ phù hợp làm vật liệu san lấp, đắp nền móng, công trình thủy lợi hoặc phòng, chống thiên tai. Điều 73 miễn thăm dò, chỉ yêu cầu điều tra thông tin chung về khoáng sản, và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV có thời hạn tối đa 10 năm, gia hạn tối đa 5 năm.

THAY ĐỔI DỰ KIẾN NĂM 2027

- Luật sửa đổi mười luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường, theo thông tin hiện có sẽ có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2027, được cho là tiếp tục sửa đổi Điều 108; cần kiểm tra sự phân định thẩm quyền cấp phép cuối cùng trước khi nộp hồ sơ sẽ được giải quyết sau thời điểm đó.
- Kế hoạch đấu giá đầu tiên của Bộ Công Thương đối với khu vực khoáng sản nhóm I kể từ khi tiếp nhận chức năng vào tháng 9 năm 2026 dự kiến được ban hành cho năm 2027; nhà đầu tư quan tâm đến các khu vực cụ thể cần theo dõi thông báo của bộ và kế hoạch đấu giá của cấp tỉnh.
- Quy hoạch khoáng sản quốc gia thời kỳ 2021-2030 dự kiến được rà soát cùng với Chiến lược quốc gia về đất hiếm theo yêu cầu của Điều 110b Nghị định số 193/2025/NĐ-CP, điều này có thể chuyển đổi các khu vực giữa tình trạng đấu giá, không đấu giá và dự trữ.

Thuật ngữ thường gặp trong hồ sơ, tài liệu

Tiếng Anh	Tiếng Việt	Giải nghĩa
Mineral group	Nhóm khoáng sản	Nhóm I đến nhóm IV theo Điều 6, phân loại theo mục đích sử dụng.
Mineral planning	Quy hoạch khoáng sản	Quy hoạch quốc gia đối với khoáng sản nhóm I và nhóm II và quy hoạch cấp tỉnh đối với khoáng sản nhóm III và IV.
Auction of mining rights	Đấu giá quyền khai thác khoáng sản	Việc trao khu vực khoáng sản thông qua cạnh tranh theo các Điều từ 100 đến 106.
Non-auction area	Khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản	Khu vực cấp quyền khai thác khoáng sản không qua đấu giá (khoản 2 Điều 100).
Fee for granting mining rights	Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	Khoản thu $T = Q \times G \times R$ theo Điều 98, Điều 99 của Luật và Nghị định số 193/2025/NĐ-CP.
Salvage mining	Khai thác tận thu khoáng sản	Thu hồi khoáng sản còn lại tại mỏ đã đóng cửa hoặc khu vực dự án (các Điều từ 67 đến 71).
Temporarily prohibited area	Khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản	Khu vực bị đóng vì lý do quốc phòng, bảo tồn, thiên tai hoặc sạt lở (khoản 2 Điều 26).
Deposit for auction	Tiền đặt trước	Khoản tiền người tham gia đấu giá nộp để được tham gia phiên đấu giá.

NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI VÀ NHÀ ĐẦU TƯ VIỆT NAM

Nhóm khoáng sản, cơ quan có thẩm quyền, đấu giá và công thức tính tiền cấp quyền là như nhau đối với mọi nhà đầu tư. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài có thể tham gia đấu giá, nhưng phải đã tồn tại dưới dạng doanh nghiệp Việt Nam (hoặc, đối với thăm dò, có chi nhánh hoặc văn phòng đại diện) và đáp ứng quy định về năng lực tài chính, vì vậy thủ tục đăng ký đầu tư cần hoàn tất trước khi phiên đấu giá được công bố. Hai con đường không qua đấu giá bị đóng hoặc thu hẹp đối với nhà đầu tư nước ngoài: tại vành đai biên giới quốc gia chỉ nhà đầu tư trong nước được lựa chọn (khoản 2 Điều 30 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP), và con đường dành cho khoáng sản chiến lược được áp dụng cho các dự án theo hiệp định liên Chính phủ và cho doanh nghiệp nhà nước hoặc doanh nghiệp được Nhà nước chỉ định. Giấy phép dành cho hộ kinh doanh đối với khoáng sản nhóm III chỉ áp dụng cho cá nhân Việt Nam.

LƯU Ý

- Phân loại sai khoáng sản: cùng một loại đá có thể thuộc nhóm II hoặc nhóm III tùy theo mục đích sử dụng, và nhóm khoáng sản quyết định cơ quan có thẩm quyền và việc có phải đấu giá hay không.
- Tham gia đấu giá khi chưa có pháp nhân đủ điều kiện được cấp giấy phép hoặc chưa có tài liệu chứng minh năng lực tài chính, dẫn đến bị loại.
- Trúng đấu giá nhưng sau đó không nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép trong thời hạn quy định tại Điều 104 của Luật và Điều 148a của Nghị định, có nguy cơ bị hủy kết quả và mất tiền đặt trước.
- Bỏ qua việc khoanh định khu vực cấm hoặc tạm thời cấm đang được xem xét gần sông, rừng hoặc công trình hạ tầng đã được quy hoạch.
- Xây dựng mô hình tiền cấp quyền khai thác khoáng sản chỉ dựa trên trữ lượng và quên rằng khoản tiền này được nộp hằng năm từ năm đầu tiên, trước khi sản lượng đạt công suất thiết kế.

NGUỒN CHÍNH THỨC

- Cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản pháp luật (vbpl.vn): Luật số 54/2024/QH15, Điều 6, các Điều từ 11 đến 13, từ 26 đến 34, từ 98 đến 108; Luật số 147/2025/QH15 — <https://vbpl.vn>
- Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam: văn bản hợp nhất Nghị định số 193/2025/NĐ-CP (Điều 4, Điều 30, Điều 31, các Điều từ 132 đến 149) — <https://dcks.mae.gov.vn>
- Bộ Công Thương (cấp phép và đấu giá khoáng sản nhóm I kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2026) — <https://moit.gov.vn>
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ: Quyết định số 866/QĐ-TTg về quy hoạch khoáng sản thời kỳ 2021-2030 — <https://chinhphu.vn>

Giấy phép thăm dò và giấy phép khai thác khoáng sản: điều kiện và năng lực tài chính, giấy phép thăm dò khoáng sản và thời hạn 48 tháng, công nhận trữ lượng và quyền ưu tiên của tổ chức thăm dò, giấy phép khai thác khoáng sản và thời hạn 30 năm, giấy phép khoáng sản nhóm III và nhóm IV, nghĩa vụ của chủ giấy phép, chuyển nhượng, thu hồi và đóng cửa mỏ, kèm theo ví dụ minh họa về tiến độ

Rà soát ngày 10/10/2026 · Biên soạn bởi một luật sư chuyên về đầu tư nước ngoài (đã nghỉ hưu) với 20 năm kinh nghiệm hành nghề trong lĩnh vực pháp luật đầu tư Việt Nam · Thông tin pháp lý và thuế, không phải ý kiến tư vấn pháp lý · [Cách chúng tôi kiểm tra \(tiếng Anh\)](#) · [Mở trong ứng dụng](#)

NHỮNG ĐIỂM CẦN NHẮM

- Giấy phép thăm dò khoáng sản có thời hạn tối đa 48 tháng và được gia hạn không quá hai lần với tổng thời gian gia hạn 24 tháng (khoản 4 Điều 44); người đề nghị cấp phép phải bảo đảm 100% dự toán thăm dò bằng vốn chủ sở hữu, bảo lãnh ngân hàng hoặc kết hợp cả hai (Điều 26 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP).
- Kết quả thăm dò được Hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản quốc gia công nhận đối với giấy phép do bộ cấp hoặc do cấp tỉnh công nhận đối với giấy phép do tỉnh cấp (Điều 51), và tổ chức thăm dò có quyền ưu tiên đề nghị cấp giấy phép khai thác trong thời hạn 36 tháng kể từ ngày được công nhận đối với khoáng sản nhóm I và nhóm II, hoặc 18 tháng đối với nhóm III (Điều 48, đã được sửa đổi).
- Giấy phép khai thác khoáng sản có thời hạn bằng thời gian thực hiện dự án đã được phê duyệt, bao gồm cả thời gian xây dựng, tối đa 30 năm, và có thể được gia hạn nhiều lần với tổng thời gian gia hạn 20 năm, được cấp lại nếu còn trữ lượng (khoản 4 Điều 56); người đề nghị cấp phép phải có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng 30% tổng vốn đầu tư hoặc cam kết tài trợ cho toàn bộ dự án (Điều 55 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP).
- Khoáng sản nhóm IV làm vật liệu san lấp không cần giấy phép thăm dò và được cấp phép khai thác với thời hạn tối đa 10 năm, gia hạn tối đa 5 năm (Điều 73 của Luật; Điều 88 của Nghị định).
- Quyền thăm dò khoáng sản chỉ được chuyển nhượng sau khi đã thực hiện 50% dự toán thăm dò (Điều 46) và quyền khai thác khoáng sản chỉ được chuyển nhượng sau khi đã hoàn thành xây dựng cơ bản và mỏ đã đi vào khai thác (Điều 58); giấy phép bị thu hồi theo các căn cứ tại Điều 52 và Điều 66, và mọi mỏ phải được đóng cửa theo các Điều từ 81 đến 85.

Ai được nắm giữ giấy phép thăm dò khoáng sản

Điều 37 Luật số 54/2024/QH15 cho phép ba loại tổ chức đã đăng ký ngành, nghề kinh doanh hoạt động khoáng sản: doanh nghiệp thành lập theo Luật Doanh nghiệp, hợp tác xã hoặc liên hiệp hợp tác xã, và doanh nghiệp nước ngoài có văn phòng đại diện hoặc chi nhánh tại Việt Nam. Cá nhân và thành viên hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh chỉ được thăm dò khoáng sản nhóm III. Chủ giấy phép thăm dò tự đáp ứng các điều kiện tại Điều 38 (người phụ trách kỹ thuật địa chất có chuyên môn, công nhân kỹ thuật và thiết bị chuyên dùng) có thể trực tiếp thực hiện thăm dò; nếu không đáp ứng, phải ký hợp đồng với tổ chức hành nghề thăm dò khoáng sản. Đối với tập đoàn khai khoáng nước ngoài, lựa chọn thực tế là thăm dò thông qua chi nhánh của công ty mẹ nước ngoài, nhờ đó không phải thành lập công ty ở giai đoạn còn nhiều rủi ro, hoặc thăm dò thông qua công ty Việt Nam sẽ khai thác sau này, nhờ đó không phải chuyển nhượng kết quả thăm dò.

Điều kiện mang tính quyết định là tài chính. Điều 26 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP, được viết lại bởi Nghị định số 21/2026/NĐ-CP, yêu cầu người đề nghị cấp phép bảo đảm **100% dự toán thăm dò** bằng vốn chủ sở hữu thể hiện trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán, bảo lãnh ngân hàng, hoặc kết hợp cả hai (Câu hỏi thường gặp 106). Công ty mới thành lập chứng minh vốn chủ sở hữu bằng báo cáo tài chính đã được kiểm toán của năm nộp hồ sơ, vì vậy vốn cần được góp và kiểm toán trước khi nộp hồ sơ.

Giấy phép thăm dò khoáng sản

Trọng tâm của hồ sơ là đề án thăm dò khoáng sản theo Điều 42: phương pháp, khối lượng công việc, dự toán và tiến độ cần thiết để xác định trữ lượng và chất lượng khoáng sản theo tiêu chuẩn quy định. Điều 41 giới hạn diện tích của một giấy phép ở mức 100 km² đối với than và bauxit, 50 km² đối với đá quý và khoáng sản kim loại khác ngoài bauxit, 10 km² đối với khoáng sản phi kim loại trên đất liền không thuộc nhóm III, 200 km² trên biển (lớn hơn theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ), và 2 km² trên đất liền hoặc 30 km² trên biển đối với khoáng sản nhóm III, còn diện tích đối với nước khoáng và nước nóng thiên nhiên được xác định theo đề án. Trước khi lập đề án, người đề nghị cấp phép có thể khảo sát thực địa và lấy mẫu trên mặt đất sau khi thông báo cho cấp tỉnh (Điều 40).

Khoản 4 Điều 44 quy định thời hạn: **không quá 48 tháng**, bao gồm cả thời gian thi công và lập báo cáo kết quả, được gia hạn không quá hai lần với tổng thời gian gia hạn **24 tháng**. Theo Điều 37 của Nghị định, việc gia hạn chỉ được xem xét nếu hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền ít nhất 45 ngày trước khi giấy phép hết hạn và đã thực hiện ít nhất 50% dự toán thăm dò (và 50% phần còn lại đối với lần gia hạn thứ hai); công việc phải dừng nếu giấy phép hết hạn trong khi hồ sơ gia hạn đang được giải quyết. Trường hợp sự kiện bất khả kháng làm cho việc thăm dò không hoàn thành, giấy phép có thể được cấp lại với thời hạn tối đa bằng thời hạn ban đầu. Hoạt động thăm dò theo hiệp định liên Chính phủ tuân theo các điều khoản của hiệp định về diện tích và thời hạn (Câu hỏi thường gặp 104).

Điều 42 của Nghị định cho cơ quan thẩm định thời hạn không quá 70 ngày để thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thăm dò kể từ khi hồ sơ được chấp nhận, với thời hạn 12 ngày làm việc để các cơ quan được lấy ý kiến trả lời; quyết định được ban hành trong vài ngày làm việc sau khi thẩm định. Giấy phép phải được đưa vào thực hiện: điểm b khoản 1 Điều 52 yêu cầu thu hồi giấy phép nếu chưa tiến hành thăm dò trong thời hạn sáu tháng kể từ ngày giấy phép có hiệu lực, trừ trường hợp bất khả kháng.

Công nhận trữ lượng và quyền ưu tiên của tổ chức thăm dò

Hoạt động thăm dò kết thúc bằng báo cáo kết quả thăm dò, phải được nộp để công nhận trong thời hạn sáu tháng sau khi giấy phép thăm dò khoáng sản hết hạn (khoản 3 Điều 50); tổ chức thăm dò không nộp đúng thời hạn sẽ mất quyền được công nhận kết quả và, nếu khu vực được cấp phép cho tổ chức khác, mất quyền được hoàn trả chi phí thăm dò (khoản 4 Điều 50). Kết quả thăm dò đối với khu vực do bộ cấp phép được **Hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản quốc gia** công nhận; kết quả đối với khu vực do cấp tỉnh cấp phép được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận (Điều 51).

Việc công nhận mở ra thời hạn ưu tiên của tổ chức thăm dò. Khoản 1 Điều 48 cho tổ chức thăm dò quyền ưu tiên nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác đối với trữ lượng đã được công nhận; văn bản năm 2024 quy định một thời hạn duy nhất là 36 tháng kể từ ngày công nhận, và thời hạn hiện được áp dụng là 36 tháng đối với khoáng sản nhóm I và nhóm II và 18 tháng đối với nhóm III (Câu hỏi thường gặp 104). Sau khi hết thời hạn, quyền ưu tiên bị mất, trừ trường hợp bất khả kháng hoặc thay đổi chính sách của Nhà nước, và nếu khu vực được cấp phép cho tổ chức khai thác khác thì tổ chức đó phải hoàn trả chi phí thăm dò cho tổ chức thăm dò (khoản 2 Điều 48). Điều 46 của Nghị định kéo dài thời hạn ưu tiên trong trường hợp hồ sơ chấp thuận chủ trương đầu tư, đánh giá tác động môi trường hoặc phê duyệt thiết kế của tổ chức thăm dò đã được nộp đúng hạn nhưng chưa được quyết định, hoặc khi cơ quan có thẩm quyền tạm dừng cấp phép.

Ai được nắm giữ giấy phép khai thác khoáng sản, và với số vốn bao nhiêu

Điều 53 giới hạn giấy phép khai thác khoáng sản cho doanh nghiệp thành lập theo Luật Doanh nghiệp và hợp tác xã, và cho hộ kinh doanh đối với khoáng sản nhóm III. Doanh nghiệp nước ngoài không được khai thác thông qua chi nhánh; doanh nghiệp đó phải thành lập công ty Việt Nam, đăng ký dự án và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư). Điều 55 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP yêu cầu người đề nghị cấp phép chứng minh **vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng 30% tổng vốn đầu tư** của dự án khai thác khoáng sản, không bao gồm thuế GTGT, hoặc khả năng thu xếp nguồn tài chính bằng toàn bộ tổng vốn đầu tư từ vốn chủ sở hữu, cam kết cấp tín dụng của bên cho vay và cam kết góp vốn, cho vay hoặc hỗ trợ dòng tiền của công ty mẹ; công ty mẹ đưa ra cam kết phải có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng giá trị cam kết.

Khoáng sản chiến lược, quan trọng phải đáp ứng thêm các điều kiện theo Điều 110 của Nghị định: tổ chức khai thác phải trực tiếp đầu tư hoặc liên doanh, liên kết đầu tư vào dự án khai thác và chế biến đã được phê duyệt, có kinh nghiệm thực hiện dự án khai thác khoáng sản, và có dự án nêu rõ giám đốc điều hành mờ, phương án tài chính rõ ràng, khả thi, sử dụng thiết bị hiện đại và hệ thống giám sát tự động, và xử lý các tác động môi trường. Đối với đất hiếm, còn phải có văn bản chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ (Khoáng sản chiến lược, đất hiếm và xuất khẩu).

Giấy phép khai thác khoáng sản

Giấy phép khai thác khoáng sản ghi nhận diện tích và độ sâu được phép khai thác, khoáng sản chính và khoáng sản đi kèm, trữ lượng hoặc khối lượng được phép khai thác, công suất và phương pháp khai thác và thời hạn (khoản 2 Điều 56). Theo Điều 61 của Nghị định, người đề nghị cấp phép phải có quyền hợp pháp sử dụng kết quả thăm dò, năng lực tài chính theo Điều 55, quyết định chấp thuận chủ trương đầu

tư trong trường hợp pháp luật về đầu tư yêu cầu, quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc giấy phép môi trường (Câu hỏi thường gặp 109) và, đối với khoáng sản phóng xạ hoặc quặng có chứa sản phẩm phụ phóng xạ, ý kiến bằng văn bản về đánh giá an toàn theo pháp luật về năng lượng nguyên tử; hồ sơ gồm đơn đề nghị, bản đồ, mặt cắt và bản vẽ thiết kế, báo cáo nghiên cứu khả thi và báo cáo môi trường hoặc giấy phép môi trường đã được phê duyệt. Theo Điều 67 của Nghị định, cơ quan thẩm định có thời hạn không quá 60 ngày để thẩm định hồ sơ cấp mới hoặc cấp lại giấy phép và không quá 24 ngày làm việc đối với gia hạn, điều chỉnh, trả lại hoặc chuyển nhượng.

Khoản 4 Điều 56 quy định thời hạn bằng thời gian thực hiện dự án đã được phê duyệt, bao gồm cả thời gian xây dựng, **tối đa 30 năm**, được gia hạn nhiều lần với tổng thời gian gia hạn **tối đa 20 năm**. Khi đã hết thời hạn và toàn bộ thời gian gia hạn nhưng vẫn còn trữ lượng, chủ giấy phép có thể đề nghị cấp lại giấy phép cho thời hạn tiếp theo trên cùng cơ sở. Kể từ Luật số 147/2025/QH15, việc gia hạn và cấp lại không còn bị giới hạn bởi thời kỳ quy hoạch khoáng sản. Theo Điều 62 của Nghị định, hồ sơ gia hạn phải đến cơ quan có thẩm quyền ít nhất 30 ngày trước khi giấy phép hết hạn; nếu giấy phép hết hạn trong khi hồ sơ đang được giải quyết, hoạt động khai thác phải dừng cho đến khi được gia hạn.

Giấy phép khoáng sản nhóm III, nhóm IV và quy mô nhỏ

Luật giảm nhẹ yêu cầu đối với các hoạt động nhỏ và đơn giản hơn theo ba cách. Diện tích thăm dò khoáng sản nhóm III được giới hạn ở mức 2 km² trên đất liền, và hộ kinh doanh có thể được cấp giấy phép thăm dò và giấy phép khai thác khoáng sản nhóm III. Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2026, khoáng sản nhóm III làm vật liệu xây dựng cung cấp cho các dự án công được liệt kê có thể được cấp phép mà không phụ thuộc vào phương án quản lý khoáng sản cấp tỉnh (khoản 1a Điều 55, được bổ sung bởi Luật số 147/2025/QH15). Và khoáng sản nhóm IV làm vật liệu san lấp được khai thác mà không cần giấy phép thăm dò, sau khi điều tra thông tin chung về khoáng sản (Điều 73).

Giấy phép khoáng sản nhóm IV cấp cho tổ chức khai thác thông thường có thời hạn tối đa 10 năm, bao gồm cả thời gian xây dựng, được gia hạn với tổng thời gian 5 năm (khoản 1 Điều 88 của Nghị định). Giấy phép khoáng sản nhóm IV cấp cho chủ đầu tư hoặc nhà thầu thi công dự án quan trọng quốc gia, dự án đầu tư công khẩn cấp, công trình thuộc chương trình mục tiêu quốc gia hoặc công trình ứng phó thiên tai có thời hạn bằng thời gian thi công công trình mà khoáng sản đó cung cấp (khoản 2 Điều 88), và nhà thầu đó được miễn thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư, đánh giá tác động môi trường và giấy phép môi trường, nhưng phải lập phương án khai thác khoáng sản nhóm IV (điểm d khoản 2 Điều 73). Khoáng sản tại khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ và khai thác tận thu khoáng sản được cấp tỉnh cấp phép với hồ sơ đơn giản hơn.

Nghĩa vụ của chủ giấy phép

Điều 59 của Luật liệt kê các nghĩa vụ của tổ chức khai thác, trong đó quan trọng nhất trên thực tế gồm: nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, thuế tài nguyên, phí và lệ phí; khai thác đúng trữ lượng, công suất và phương pháp được cấp phép, và thu hồi khoáng sản đi kèm; bổ nhiệm giám đốc điều hành mỏ và nhân sự điều hành mỏ đủ tiêu chuẩn (Điều 62); lập bản đồ hiện trạng và mặt cắt hiện trạng khu vực được phép khai thác (Điều 63); đo đạc sản lượng trước khi khoáng sản được vận chuyển ra khỏi khu vực khai thác và thống kê, kiểm kê trữ lượng (Điều 64); tuân thủ an toàn mỏ theo Điều 60; ưu tiên sử dụng lao

động địa phương và hỗ trợ cộng đồng bị ảnh hưởng; cải tạo, phục hồi môi trường; và báo cáo định kỳ cho cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép theo Điều 7 của Nghị định. Tổ chức khai thác khoáng sản chiến lược và đất hiếm báo cáo hằng tháng.

Chủ giấy phép muốn thay đổi phương pháp, công suất, diện tích hoặc độ sâu khai thác phải đề nghị điều chỉnh giấy phép trước khi thực hiện (Điều 64 của Nghị định). Khai thác vượt công suất hoặc diện tích được cấp phép, không đo đạc sản lượng và báo cáo sai trữ lượng là những căn cứ thường gặp dẫn đến xử phạt vi phạm hành chính và, ở quy mô lớn, thu hồi giấy phép.

Chuyển nhượng giấy phép

Giấy phép không được tự do chuyển nhượng. **Quyền thăm dò khoáng sản** chỉ được chuyển nhượng khi đã thực hiện ít nhất 50% dự toán thăm dò, cho bên nhận chuyển nhượng đáp ứng điều kiện được cấp giấy phép thăm dò; cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép cho bên nhận chuyển nhượng với thời hạn còn lại (Điều 46). **Quyền khai thác khoáng sản** chỉ được chuyển nhượng sau khi đã hoàn thành xây dựng cơ bản và mỏ đã đi vào khai thác, cho bên nhận chuyển nhượng đáp ứng điều kiện được cấp giấy phép khai thác; bên nhận chuyển nhượng cũng được cấp giấy phép với thời hạn còn lại (Điều 58). Điều 66 của Nghị định bổ sung rằng bên chuyển nhượng phải đã hoàn thành các nghĩa vụ theo giấy phép, đối với giấy phép do bộ cấp thì cấp tỉnh phải xác nhận việc này, giấy phép phải còn thời hạn ít nhất sáu tháng tại thời điểm nộp hồ sơ, và hợp đồng chuyển nhượng phải nêu rõ các công trình và hạ tầng được chuyển nhượng, giá chuyển nhượng, tình trạng thực hiện nghĩa vụ tài chính và việc bên nhận chuyển nhượng kế thừa các nghĩa vụ chưa hoàn thành. Việc chuyển nhượng giấy phép đất hiếm phải có văn bản chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ.

Các quy định này điều chỉnh việc thay đổi chủ giấy phép. Việc bán cổ phần hoặc phần vốn góp tại công ty nắm giữ giấy phép không làm thay đổi chủ giấy phép và, về mặt hình thức, không phải là chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản; giao dịch đó được điều chỉnh bởi pháp luật về đầu tư và doanh nghiệp, có thể phải đăng ký theo Điều 21 Luật Đầu tư khi tỷ lệ sở hữu nước ngoài tăng lên, và chịu thuế theo quy định về chuyển nhượng vốn (Thuế đối với chuyển nhượng cổ phần và cổ tức). Cơ quan có thẩm quyền đôi khi coi việc thay đổi quyền kiểm soát là vấn đề phải báo cáo, và cần kiểm tra các điều kiện của giấy phép của công ty mục tiêu xem có quy định về thay đổi quyền kiểm soát hay không.

Thu hồi, chấm dứt hiệu lực và đóng cửa mỏ

Điều 52 yêu cầu thu hồi giấy phép thăm dò khoáng sản nếu giấy phép được cấp không đúng thẩm quyền hoặc trái pháp luật, nếu chưa tiến hành thăm dò trong thời hạn sáu tháng, nếu khu vực trở thành khu vực cấm hoặc khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản, hoặc nếu Nhà nước thu hồi toàn bộ khu vực để sử dụng vào mục đích khác. Điều 66 yêu cầu thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản theo căn cứ thứ nhất, thứ ba và thứ tư nêu trên và khi vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của tổ chức khai thác, đồng thời liệt kê các trường hợp giấy phép chấm dứt hiệu lực: bị thu hồi, hết thời hạn mà không được gia hạn, trả lại giấy phép, giải thể hoặc phá sản, bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, chấm dứt hoạt động dự án đầu tư, bị thu hồi đất do vi phạm và theo bản án của Tòa án hoặc phán quyết trọng tài. Việc thu hồi giấy phép do khu vực trở thành khu vực cấm hoặc do đất bị thu hồi để sử dụng vào mục đích khác được bồi thường (khoản 4 Điều 52 và khoản 5 Điều 66).

Khi giấy phép khai thác khoáng sản chấm dứt hiệu lực, tổ chức khai thác phải đóng cửa mỏ theo đề án đóng cửa mỏ khoáng sản được phê duyệt theo Điều 82 và Điều 83, di dời tài sản trong thời hạn sáu tháng, và giữ nguyên các công trình bảo đảm an toàn mỏ và môi trường (khoản 3 Điều 66). Đóng cửa mỏ và ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường được trình bày tại mục Thuế, phí khai thác khoáng sản và môi trường.

Từ khu vực chưa thăm dò đến mỏ đang khai thác (khoáng sản nhóm I, khu vực không đấu giá)

1 Xác nhận khu vực và pháp nhân thực hiện

Kiểm tra quy hoạch, tình trạng đấu giá và khu vực cấm; thành lập công ty Việt Nam hoặc đăng ký chi nhánh; xin cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trong trường hợp cần thiết.

2 Khảo sát và lập đề án thăm dò

Thông báo cho cấp tỉnh, khảo sát và lấy mẫu trên mặt đất (Điều 40), và lập đề án kèm theo dự toán và tiến độ (Điều 42).

3 Đề nghị cấp giấy phép thăm dò khoáng sản

Nộp hồ sơ cho Bộ Công Thương kèm theo tài liệu chứng minh vốn chủ sở hữu hoặc bảo lãnh ngân hàng cho 100% dự toán; thẩm định trong thời hạn 70 ngày (Điều 42 của Nghị định).

4 Thăm dò và báo cáo

Bắt đầu trong thời hạn sáu tháng, hoàn thành công việc trong thời hạn 48 tháng, và nộp báo cáo kết quả trong thời hạn sáu tháng kể từ khi giấy phép hết hạn (Điều 50).

5 Đề nghị công nhận trữ lượng

Hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản quốc gia đối với giấy phép do bộ cấp (Điều 51).

6 Chuẩn bị dự án khai thác và các phê duyệt về môi trường

Báo cáo nghiên cứu khả thi, điều chỉnh đăng ký đầu tư, đánh giá tác động môi trường, phương án sử dụng đất; tất cả trong thời hạn ưu tiên (Điều 48).

7 Đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản

Chứng minh 30% vốn chủ sở hữu hoặc khả năng thu xếp toàn bộ nguồn tài chính (Điều 55 của Nghị định); thẩm định trong thời hạn 60 ngày (Điều 67); phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.

8 Thuê đất, xây dựng và đưa mỏ vào khai thác

Cấp tỉnh thu hồi đất và cho thuê đất; ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường; xây dựng mỏ; khai thác và lập các báo cáo hằng năm đầu tiên.

Thời hạn giấy phép và các mốc thời gian

Nội dung	Quy định	Căn cứ
Thời hạn giấy phép thăm dò khoáng sản	Tối đa 48 tháng; gia hạn tối đa hai lần với tổng thời gian 24 tháng	Luật số 54/2024/QH15, khoản 4 Điều 44
Nộp hồ sơ gia hạn giấy phép thăm dò	Ít nhất 45 ngày trước khi hết hạn; đã thực hiện ít nhất 50% dự toán	Nghị định số 193/2025/NĐ-CP, Điều 37
Bắt đầu thăm dò	Trong thời hạn 6 tháng kể từ khi có giấy phép, nếu không sẽ bị thu hồi	Luật, điểm b khoản 1 Điều 52
Báo cáo kết quả thăm dò	Trong thời hạn 6 tháng sau khi giấy phép thăm dò khoáng sản hết hạn	Luật, khoản 3 Điều 50
Quyền ưu tiên của tổ chức thăm dò	36 tháng kể từ ngày công nhận (nhóm I và nhóm II); 18 tháng (nhóm III)	Luật, Điều 48
Thời hạn giấy phép khai thác khoáng sản	Tối đa 30 năm bao gồm cả thời gian xây dựng; gia hạn với tổng thời gian 20 năm; cấp lại nếu còn trữ lượng	Luật, khoản 4 Điều 56
Nộp hồ sơ gia hạn giấy phép khai thác	Ít nhất 30 ngày trước khi hết hạn	Nghị định, Điều 62
Giấy phép khoáng sản nhóm IV	Tối đa 10 năm; gia hạn với tổng thời gian 5 năm	Nghị định, Điều 88
Thời hạn thăm định	Thăm dò 70 ngày; khai thác 60 ngày; gia hạn, điều chỉnh hoặc chuyển nhượng 24 ngày làm việc	Nghị định, Điều 42 và Điều 67
Chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản	Chỉ sau khi hoàn thành xây dựng và mỏ đã đi vào khai thác; giấy phép còn thời hạn ít nhất 6 tháng	Luật, Điều 58; Nghị định, Điều 66

VÍ DỤ MINH HỌA

Tiến độ của dự án vàng từ giấy phép thăm dò đến khai thác

Một công ty Việt Nam do một công ty khai thác vàng của Canada sở hữu 80% và một đối tác địa phương cấp tỉnh sở hữu 20% có quyền đối với một khu vực khoáng sản nhóm I không đấu giá có diện tích 8 km2 tại Tây Nguyên. Các mốc thời gian và chi phí chỉ mang tính minh họa; phí dịch vụ chuyên môn là các khoảng giá thị trường thông thường tại thời điểm tháng 10 năm 2026 và không phải là báo giá.

Quý I/2027	Nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thăm dò khoáng sản cho Bộ Công Thương; dự toán thăm dò 60 tỷ đồng được bảo đảm bằng vốn chủ sở hữu đã kiểm toán 45 tỷ đồng và bảo lãnh ngân hàng 15 tỷ đồng.
Quý II/2027	Giấy phép được cấp sau khi thăm định; công tác khoan bắt đầu trong thời hạn sáu tháng.
Quý II/2027 đến quý I/2030	Thăm dò trong thời hạn 48 tháng; không cần gia hạn.

Quý II/2030	Nộp báo cáo kết quả thăm dò; Hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản quốc gia công nhận 18 tấn vàng vào quý IV/2030; thời hạn ưu tiên kéo dài đến quý IV/2033.
Năm 2031	Báo cáo nghiên cứu khả thi (tổng vốn đầu tư 180 triệu USD); điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường; thống nhất phương án sử dụng đất với cấp tỉnh.
Quý I/2032	Giấy phép khai thác khoáng sản thời hạn 16 năm (2 năm xây dựng và 14 năm khai thác) được cấp sau khi thẩm định; chứng minh vốn chủ sở hữu 54 triệu USD (30%), phần còn lại được tài trợ bằng vốn vay.
Năm 2032 đến năm 2033	Thu hồi đất và cho thuê đất; ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường; xây dựng; mở vàng đầu tiên vào quý IV/2033.
Phí dịch vụ chuyên môn (khoảng thông thường)	Công việc về cấp phép, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và đất đai do công ty luật Việt Nam thực hiện: 60.000 đến 150.000 USD trong toàn bộ giai đoạn; công ty luật quốc tế tư vấn về tài trợ vốn và hợp đồng bao tiêu: 250.000 đến 600.000 USD.

Nếu khu vực được đấu giá, công ty trước tiên phải trúng đấu giá, và mức trúng đấu giá sẽ xác định tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.

Nếu đối tác muốn bán 20% phần vốn của mình trước khi mở đi vào khai thác, việc bán cổ phần tại công ty là có thể thực hiện, nhưng việc chuyển nhượng chính giấy phép khai thác thì không, vì Điều 58 chỉ cho phép chuyển nhượng sau khi hoàn thành xây dựng và mỏ đã đi vào khai thác.

Câu hỏi nhà đầu tư thường gặp về giấy phép

Giấy phép khai thác khoáng sản tại Việt Nam có thời hạn bao lâu?

Tối đa 30 năm, bao gồm cả thời gian xây dựng, theo Điều 56 Luật số 54/2024/QH15, được xác định theo thời gian thực hiện dự án đã được phê duyệt. Giấy phép có thể được gia hạn nhiều lần với tổng thời gian gia hạn 20 năm, và nếu sau đó vẫn còn trữ lượng, chủ giấy phép có thể đề nghị cấp lại giấy phép. Hồ sơ gia hạn phải được nộp ít nhất 30 ngày trước khi giấy phép hết hạn.

Tôi cần bao nhiêu vốn để được cấp giấy phép thăm dò khoáng sản?

Toàn bộ dự toán thăm dò. Điều 26 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP yêu cầu 100% dự toán đã được phê duyệt phải được bảo đảm bằng vốn chủ sở hữu thể hiện trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán, bằng bảo lãnh ngân hàng, hoặc cả hai. Công ty mới thành lập nên góp vốn và kiểm toán vốn trước khi nộp hồ sơ.

Tôi có thể bán giấy phép khai thác khoáng sản không?

Chỉ sau khi mỏ đã được xây dựng và đi vào khai thác, cho bên mua đáp ứng điều kiện được cấp giấy phép, với sự chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép và giấy phép còn thời hạn ít nhất sáu tháng (Điều 58 của Luật; Điều 66 của Nghị định). Việc bán cổ phần tại công ty nắm giữ giấy phép là một giao dịch khác, được điều chỉnh bởi pháp luật về đầu tư và thuế.

Điều gì xảy ra nếu tôi không bắt đầu thăm dò sau khi được cấp giấy phép?

Giấy phép phải bị thu hồi nếu chưa tiến hành thăm dò trong thời hạn sáu tháng kể từ ngày giấy phép có hiệu lực, trừ trường hợp do sự kiện bất khả kháng (điểm b khoản 1 Điều 52). Việc thu hồi làm chấm dứt hiệu lực giấy phép, và chủ giấy phép phải di dời tài sản và hoàn trả mặt bằng trong thời hạn sáu tháng.

Khoáng sản nhóm IV làm vật liệu san lấp có cần giấy phép khai thác đầy đủ không?

Cần giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp nhưng không cần giấy phép thăm dò. Giấy phép có thời hạn tối đa 10 năm, gia hạn tối đa 5 năm theo Điều 88 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP, hoặc bằng thời gian thi công trong trường hợp vật liệu cung cấp cho dự án công đáp ứng điều kiện.

THAY ĐỔI DỰ KIẾN NĂM 2027

- Luật sửa đổi mười luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường, theo thông tin hiện có sẽ có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2027, được cho là sửa đổi Điều 55 Luật Địa chất và khoáng sản về giấy phép khoáng sản nhóm III và giấy phép cho dự án công; hồ sơ đề nghị cấp các giấy phép này vào cuối năm 2026 cần tính đến thay đổi này.
- Bộ Công Thương dự kiến ban hành các thông tư riêng về mẫu giấy phép, báo cáo và phân cấp trữ lượng để thay thế các thông tư của Bộ Nông nghiệp và Môi trường trước đây.
- Giấy phép cấp theo Luật Khoáng sản năm 2010 đang được chuyển đổi theo Điều 154 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP; chủ giấy phép cũ cần xác nhận có phải chuyển đổi hay không và khi nào.

Thuật ngữ thường gặp trong hồ sơ, tài liệu

Tiếng Anh	Tiếng Việt	Giải nghĩa
Exploration scheme	Đề án thăm dò khoáng sản	Chương trình, dự toán và tiến độ thăm dò (Điều 42).
Recognition of exploration results	Công nhận kết quả thăm dò khoáng sản	Việc phê duyệt trữ lượng (Điều 50 và Điều 51).
National Mineral Reserve Assessment Council	Hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản quốc gia	Cơ quan công nhận trữ lượng đối với khu vực do bộ cấp phép.
Priority right	Quyền ưu tiên	Quyền ưu tiên của tổ chức thăm dò trong việc đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản (Điều 48).
Owner's equity	Vốn chủ sở hữu	Vốn chủ sở hữu thể hiện trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán, dùng để chứng minh năng lực tài chính.
Mine director	Giám đốc điều hành mỏ	Người đủ tiêu chuẩn phụ trách hoạt động khai thác mỏ (Điều 62).
Transfer of mining rights	Chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản	Việc thay đổi chủ giấy phép, chỉ được phép sau khi mỏ đã đi vào khai thác (Điều 58).

Tiếng Anh	Tiếng Việt	Giải nghĩa
Mine closure scheme	Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản	Đề án đã được phê duyệt về đóng cửa và cải tạo, phục hồi mỏ (Điều 82).

NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI VÀ NHÀ ĐẦU TƯ VIỆT NAM

Các quy định về giấy phép, thời hạn và điều kiện về vốn được áp dụng như nhau. Doanh nghiệp nước ngoài có một lợi thế ở giai đoạn thăm dò, vì có thể được cấp giấy phép thăm dò thông qua chi nhánh hoặc văn phòng đại diện mà không phải thành lập công ty, và một gánh nặng ở giai đoạn khai thác, vì phải thành lập công ty Việt Nam và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trước khi được cấp giấy phép khai thác. Chỉ cá nhân Việt Nam mới được cấp giấy phép khoáng sản nhóm III thông qua hộ kinh doanh. Cam kết tài trợ của công ty mẹ được tính vào năng lực tài chính, điều này hỗ trợ công ty con có vốn nước ngoài nhưng có ít vốn chủ sở hữu.

LƯU Ý

- Để giấy phép thăm dò hoặc giấy phép khai thác hết hạn trong khi hồ sơ gia hạn đang được giải quyết; công việc phải dừng lại, và việc nộp hồ sơ muộn bị xử phạt trước khi hồ sơ gia hạn được xem xét.
- Không nộp báo cáo kết quả đúng thời hạn sáu tháng, dẫn đến mất quyền được công nhận và quyền được hoàn trả chi phí thăm dò.
- Để thời hạn ưu tiên trôi qua trong khi chuẩn bị các phê duyệt về môi trường hoặc đầu tư; cần nộp hồ sơ xin các phê duyệt đó đúng hạn để thời hạn ưu tiên có thể được kéo dài.
- Lập kế hoạch thoái vốn bằng cách chuyển nhượng giấy phép khai thác trước khi mỏ đi vào khai thác; ở giai đoạn đó chỉ có thể bán cổ phần.
- Khai thác ngoài diện tích, độ sâu hoặc công suất được cấp phép, là căn cứ phổ biến nhất dẫn đến xử phạt và thu hồi giấy phép.

NGUỒN CHÍNH THỨC

- Cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản pháp luật (vbpl.vn): Luật số 54/2024/QH15, các Điều từ 37 đến 66 và từ 72 đến 74; Luật số 147/2025/QH15 — <https://vbpl.vn>
- Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam: văn bản hợp nhất Nghị định số 193/2025/NĐ-CP (Điều 26, 37, 42, 46, 55, các Điều từ 61 đến 67, Điều 88) — <https://dcks.mae.gov.vn>
- Bộ Công Thương (cấp phép khoáng sản nhóm I kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2026) — <https://moit.gov.vn>
- Cổng Dịch vụ công quốc gia (nộp hồ sơ trực tuyến các thủ tục về khoáng sản) — <https://dichvucong.gov.vn>

Khoáng sản chiến lược, đất hiếm và xuất khẩu: chế độ quản lý khoáng sản chiến lược, quan trọng, đất hiếm là khoáng sản chiến lược đặc biệt kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2026, ai được thăm dò và khai thác, sự chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ, quy định chế biến đạt 90% TREO và lệnh cấm xuất khẩu khoáng sản thô, xuất khẩu các khoáng sản khác, vị thế đất hiếm của Việt Nam, và các phương án cho đối tác nước ngoài

Rà soát ngày 10/10/2026 · Biên soạn bởi một luật sư chuyên về đầu tư nước ngoài (đã nghỉ hưu) với 20 năm kinh nghiệm hành nghề trong lĩnh vực pháp luật đầu tư Việt Nam · Thông tin pháp lý và thuế, không phải ý kiến tư vấn pháp lý · [Cách chúng tôi kiểm tra \(tiếng Anh\)](#) · [Mở trong ứng dụng](#)

NHỮNG ĐIỂM CẦN NHẮM

- Khoáng sản chiến lược, quan trọng bao gồm khoáng sản phóng xạ, đất hiếm và các khoáng sản thiết yếu khác thuộc danh mục do bộ phê duyệt; nhà đầu tư nước ngoài vào các khoáng sản này phải đáp ứng điều kiện tiếp cận thị trường và chấp hành sự định hướng của Nhà nước (Điều 65 Luật số 54/2024/QH15; Điều 108 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP).
- Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2026, đất hiếm được quản lý như khoáng sản chiến lược đặc biệt: mọi giấy phép thăm dò hoặc khai thác và mọi giao dịch chuyển nhượng đều phải có văn bản chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ, và hoạt động này được dành cho các doanh nghiệp do Nhà nước chỉ định hoặc cho phép (Luật số 147/2025/QH15; Điều 110c và Điều 110d của Nghị định).
- Việc khai thác đất hiếm phải gắn với dự án chế biến tạo ra tối thiểu sản phẩm ôxit, hydroxit hoặc muối đất hiếm có hàm lượng tổng các ôxit đất hiếm (TREO) từ 90% trở lên, và việc chế biến chỉ được thực hiện tại cơ sở đã được cấp phép (Điều 110b và Điều 110d của Nghị định, được bổ sung bởi Nghị định số 21/2026/NĐ-CP).
- Khoáng sản đất hiếm không đáp ứng tiêu chuẩn chế biến sâu của Bộ Công Thương không được xuất khẩu; chỉ các sản phẩm đã qua chế biến sâu thuộc danh mục do Thủ tướng Chính phủ ban hành mới được xuất khẩu khỏi Việt Nam (điểm c khoản 2 Điều 110a của Nghị định).
- Các khoáng sản khác chỉ được xuất khẩu nếu thuộc danh mục và đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật do Bộ Công Thương ban hành đối với khoáng sản nhóm I và khoáng chất công nghiệp hoặc do Bộ Xây dựng ban hành đối với khoáng sản làm vật liệu xây dựng, và nhiều loại quặng phải chịu thuế xuất khẩu theo Nghị định số 26/2023/NĐ-CP được sửa đổi bởi Nghị định số 201/2026/NĐ-CP.

Khoáng sản chiến lược, quan trọng

Luật Địa chất và khoáng sản xác định một nhóm khoáng sản là khoáng sản chiến lược, quan trọng. Khoản 1 Điều 108 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP định nghĩa đó là khoáng sản phóng xạ, đất hiếm và các khoáng sản thiết yếu khác phục vụ phát triển kinh tế - xã hội bền vững và tăng cường quốc phòng, an ninh, và giao bộ chủ trì phối hợp với Bộ Công Thương, Bộ Xây dựng và các bộ khác phê duyệt danh mục cho từng thời kỳ. Kể từ khi chức năng quản lý địa chất và khoáng sản được chuyển giao ngày 15 tháng 9 năm 2026, cả hai vai trò này đều thuộc Bộ Công Thương. Danh mục này có ý nghĩa quan trọng vì nó kích hoạt một lớp quy định riêng bổ sung cho chế độ thông thường đối với khoáng sản nhóm I.

Điều 65 của Luật yêu cầu tổ chức khai thác khoáng sản chiến lược, quan trọng phải thực hiện các nghĩa vụ thông thường của chủ giấy phép, nếu là nhà đầu tư nước ngoài thì phải đáp ứng điều kiện tiếp cận thị trường theo pháp luật về đầu tư, và chấp hành sự chỉ đạo của cơ quan có thẩm quyền phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội. Khu vực khoáng sản chiến lược, quan trọng là khu vực không đấu giá (khoản 7 Điều 143 của Nghị định), do đó giấy phép được cấp thông qua lựa chọn thay vì cạnh tranh. Thông tin, dữ liệu địa chất chưa công bố về khoáng sản phóng xạ và đất hiếm được xác định là bí mật nhà nước theo pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước (điểm b khoản 2 Điều 108 của Nghị định), điều này ảnh hưởng đến những gì bên nước ngoài được tiếp cận khi thẩm định pháp lý.

Ai được thăm dò và khai thác khoáng sản chiến lược

Điều 109 của Nghị định cho phép tổ chức được thăm dò khoáng sản chiến lược, quan trọng nếu đáp ứng Điều 37 của Luật và quy định về năng lực tài chính tại Điều 26 của Nghị định, không có vi phạm nghiêm trọng gần đây trong hoạt động khoáng sản hoặc không bị truy cứu trách nhiệm hình sự trong năm năm gần nhất, và, trường hợp là nhà đầu tư nước ngoài, được xác định theo hiệp định liên Chính phủ. Dịch vụ thăm dò đối với các khoáng sản này chỉ được thực hiện bởi các đơn vị thăm dò của Nhà nước hoặc các tổ chức có chuyên gia với ít nhất năm năm kinh nghiệm và đầy đủ các phương pháp thăm dò hiện đại. Sau đó, Điều 110 yêu cầu tổ chức khai thác khoáng sản chiến lược, quan trọng phải trực tiếp đầu tư hoặc liên doanh, liên kết đầu tư vào dự án khai thác và chế biến đã được phê duyệt, có kinh nghiệm khai thác, và có dự án với giám đốc điều hành mô đủ tiêu chuẩn, phương án tài chính khả thi, thiết bị hiện đại, xử lý môi trường và hệ thống giám sát tự động.

Vai trò của Thủ tướng Chính phủ rất rộng. Theo khoản 4 Điều 108 của Nghị định, Thủ tướng Chính phủ chấp thuận việc cấp giấy phép thăm dò và giấy phép khai thác khoáng sản chiến lược đặc biệt cho các tổ chức đáp ứng điều kiện; phê duyệt hình thức hợp tác, quy mô và phạm vi thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản chiến lược theo hiệp định liên Chính phủ, áp dụng nguyên tắc ưu tiên cấp quyền khai thác cho doanh nghiệp trong nước, các doanh nghiệp này hợp tác với nhà đầu tư nước ngoài trong chế biến và sử dụng; và quyết định khoáng sản chiến lược khai thác trong nước nào được xuất khẩu và sau khi chế biến đến mức độ nào, theo đề xuất của Bộ Công Thương (khoản 5 Điều 108).

Đất hiếm kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2026

Luật số 147/2025/QH15 đã tách riêng đất hiếm. Mục tiêu được Quốc hội nêu rõ là quản lý chặt chẽ theo chuỗi giá trị khép kín, trong đó thăm dò, khai thác và chế biến được gắn kết với nhau để quặng thô không bị xuất khẩu, với công nghệ hiện đại, ít phát thải và sự quản lý thống nhất của Chính phủ. Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16 tháng 1 năm 2026 đã cụ thể hóa mục tiêu đó bằng việc bổ sung các Điều từ 110a đến 110g vào Nghị định số 193/2025/NĐ-CP (Câu hỏi thường gặp 108).

Điều 110a yêu cầu mọi hoạt động liên quan đến đất hiếm phải tuân theo **Chiến lược quốc gia về đất hiếm** và bốn nguyên tắc: bảo vệ tài nguyên và môi trường; khai thác và chế biến gắn với chế biến sâu, nâng cao giá trị gia tăng và tự chủ công nghệ; **không xuất khẩu khoáng sản đất hiếm không đáp ứng tiêu chuẩn chế biến sâu** do Bộ Công Thương ban hành, chỉ các sản phẩm đã qua chế biến sâu thuộc danh mục do Thủ tướng Chính phủ ban hành mới được xuất khẩu; và gắn thăm dò, khai thác với đào tạo nguồn nhân lực và công nghiệp chế biến trong nước. Điều 110b đưa quy hoạch đất hiếm vào quy hoạch khoáng sản nhóm I và yêu cầu việc khai thác đất hiếm phải gắn với dự án chế biến tạo ra tối thiểu sản phẩm ôxit, hydroxit hoặc muối đất hiếm tổng hợp có **hàm lượng TREO từ 90% trở lên**, đồng thời khuyến khích sản xuất đến các nguyên tố đất hiếm riêng biệt đã được phân tách.

Điều 110c và Điều 110d yêu cầu phải có **văn bản chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ** trước khi cấp bất kỳ giấy phép thăm dò, giấy phép khai thác đất hiếm hoặc chấp thuận chuyển nhượng quyền nào; thời gian xin chấp thuận không được tính vào thời hạn giải quyết hồ sơ. Việc thăm dò đất hiếm bằng vốn nhà nước do bộ lập kế hoạch, và kết quả thăm dò phải được thẩm định và công nhận trước khi cấp phép khai thác. Việc chế biến, bao gồm tuyển khoáng, tinh luyện và phân tách, chỉ được thực hiện tại cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật và đáp ứng tiêu chuẩn về công nghệ, môi trường và kiểm soát bức xạ, và tổ chức khai thác và chế biến báo cáo hằng tháng về sản lượng và sản phẩm cho các bộ. Điều 110đ quy định về khu vực dự trữ đất hiếm, Điều 110e tập trung hóa dữ liệu về đất hiếm và chỉ cho phép **hợp tác quốc tế với các đối tác, tổ chức và quốc gia được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận**, và Điều 110g phân công trách nhiệm giữa Chính phủ, các bộ và cấp tỉnh. Đất hiếm được dành cho các doanh nghiệp do Nhà nước chỉ định hoặc cho phép (Câu hỏi thường gặp 106).

Xuất khẩu các khoáng sản khác

Các khoáng sản không phải đất hiếm không bị cấm xuất khẩu, nhưng cũng không được tự do xuất khẩu. Theo Nghị định số 193/2025/NĐ-CP, Bộ Công Thương ban hành danh mục và quy chuẩn kỹ thuật đối với khoáng sản nhóm I và khoáng chất công nghiệp được xuất khẩu, Bộ Xây dựng ban hành đối với khoáng sản làm vật liệu xây dựng, và Thủ tướng Chính phủ quyết định khoáng sản chiến lược nào được xuất khẩu và sau khi chế biến đến mức độ nào. Do đó, tổ chức xuất khẩu phải chứng minh sản phẩm thuộc danh mục liên quan, đáp ứng hàm lượng hoặc mức độ chế biến quy định, và có nguồn gốc hợp pháp, vì Điều 78 của Luật yêu cầu khoáng sản đưa vào chế biến phải có nguồn gốc từ hoạt động khai thác được cấp phép. Việc thông quan phụ thuộc vào các tài liệu này.

Nhiều loại quặng và tinh quặng còn phải chịu **thuế xuất khẩu** theo Biểu thuế xuất khẩu tại Nghị định số 26/2023/NĐ-CP, được sửa đổi gần đây nhất bởi Nghị định số 201/2026/NĐ-CP, và thuế tài nguyên được tính trên sản phẩm khai thác dù được bán trong nước hay xuất khẩu. Định hướng chính sách là nhất quán: thuế suất cao hơn và danh mục chặt chẽ hơn đối với khoáng sản thô và sơ chế, thuế suất thấp hơn

hoặc 0% đối với sản phẩm được chế biến tại Việt Nam. Thuế suất và phân loại được trình bày tại mục [Hải quan và thuế nhập khẩu](#); tổ chức xuất khẩu cần xác nhận mã HS và thuế suất hiện hành đối với sản phẩm cụ thể của mình, vì lần sửa đổi năm 2026 đã thay đổi một số dòng thuế khoáng sản.

Khái quát vị thế đất hiếm của Việt Nam

Việt Nam thường được mô tả là có trữ lượng đất hiếm thuộc hàng lớn nhất thế giới, nhưng các số liệu cần được xem xét thận trọng. Cục Khảo sát Địa chất Hoa Kỳ (USGS) trong thời gian dài ước tính trữ lượng của Việt Nam vào khoảng 22 triệu tấn, lớn thứ hai thế giới, sau đó giảm ước tính xuống khoảng 3,5 triệu tấn trong báo cáo tóm tắt về khoáng sản công bố đầu năm 2025. Sản lượng thương mại còn nhỏ. Các mỏ được biết đến nhiều nhất nằm ở vùng núi phía Bắc, bao gồm Đông Pao tại Lai Châu và Yên Phú tại tỉnh Yên Bái trước khi hợp nhất các tỉnh năm 2025, và một số dự án đã bị chậm do các vấn đề về chế biến, môi trường và pháp lý. Quặng đất hiếm có thể chứa thori và urani, khiến Luật Năng lượng nguyên tử được áp dụng.

Chế độ pháp lý năm 2026 cần được xem xét trong bối cảnh đó. Bằng việc yêu cầu chế biến đạt 90% TREO tại Việt Nam, cấm xuất khẩu khoáng sản thô và đưa mọi giấy phép lên Thủ tướng Chính phủ, Nhà nước đã lựa chọn phát triển đất hiếm một cách thận trọng và theo điều kiện của mình, với doanh nghiệp trong nước nắm giữ quyền khai thác và đối tác nước ngoài được tham gia về công nghệ, chế biến và vốn thông qua các thỏa thuận được phê duyệt. Nhà đầu tư nên dự liệu tiến độ kéo dài, sự xem xét chặt chẽ về quốc tịch và công nghệ của đối tác, và sự ưu tiên rõ rệt đối với các dự án xây dựng năng lực hạ nguồn, chẳng hạn như nhà máy phân tách và sản xuất nam châm, tại Việt Nam.

Các phương án cho đối tác nước ngoài

Có bốn phương án khả thi. Thứ nhất, **khuôn khổ liên Chính phủ**: khi Việt Nam và quốc gia của nhà đầu tư thỏa thuận hợp tác về khoáng sản chiến lược, hiệp định có thể xác định nhà đầu tư nước ngoài tham gia thăm dò (điểm c khoản 1 Điều 109) và định khung quy mô và hình thức hợp tác (điểm b khoản 4 Điều 108), và các khu vực thuộc hiệp định đó là khu vực không đấu giá (khoản 6 Điều 143). Thứ hai, **hợp tác chế biến** với doanh nghiệp Việt Nam đang nắm giữ hoặc được lựa chọn cấp quyền khai thác, trong đó nhà đầu tư nước ngoài cung cấp công nghệ phân tách và vốn cho cơ sở chế biến được cấp phép, phù hợp với nguyên tắc ưu tiên doanh nghiệp khai thác trong nước hợp tác với đối tác chế biến nước ngoài. Thứ ba, **sản xuất hạ nguồn**, chẳng hạn như hợp kim, nam châm hoặc linh kiện được sản xuất từ sản phẩm đất hiếm đã qua chế biến, là dự án đầu tư sản xuất thông thường cần có Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và bản thân không phải là hoạt động khoáng sản, mặc dù nguồn cung nguyên liệu phụ thuộc vào chuỗi đã được cấp phép. Thứ tư, **bao tiêu và tài trợ vốn**: mua sản phẩm đã qua chế biến sâu thuộc danh mục xuất khẩu do Thủ tướng Chính phủ ban hành, hoặc tài trợ vốn cho dự án trong nước trên cơ sở hợp đồng bao tiêu, mà không nắm giữ quyền đối với khoáng sản.

Mỗi phương án đều cần Thủ tướng Chính phủ chấp thuận đối tác khi có liên quan đến hợp tác quốc tế về đất hiếm (khoản 5 Điều 110e), do đó quốc tịch của đối tác, công nghệ được chuyển giao và các tác động về an ninh được đánh giá ở cấp cao nhất. Nhà đầu tư nước ngoài cũng nên dự liệu việc phải đàm phán các nghĩa vụ chuyển giao công nghệ, và cần kiểm tra các quy định về chuyển giao công nghệ tại mục [Chuyển giao công nghệ và chuyển quyền sử dụng](#).

Thẩm định pháp lý đối với hợp tác về đất hiếm hoặc khoáng sản chiến lược

Những điểm nhà đầu tư nước ngoài cần xác minh trước khi cam kết vốn vào dự án đất hiếm hoặc khoáng sản chiến lược tại Việt Nam. Một số dữ liệu có thể thuộc bí mật nhà nước, vì vậy cần lên kế hoạch tiếp cận thông tin theo từng giai đoạn.

- ☐ **Tình trạng của khoáng sản và khu vực**
Mỏ có thuộc danh mục khoáng sản chiến lược, nằm trong quy hoạch đất hiếm, trong khu vực dự trữ hoặc thuộc phạm vi hiệp định liên Chính phủ hay không.
- ☐ **Điều kiện của đối tác**
Được Nhà nước chỉ định hoặc cho phép đối với đất hiếm; lịch sử tuân thủ; không bị truy cứu trách nhiệm hình sự trong năm năm (Điều 109 của Nghị định).
- ☐ **Chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ**
Văn bản chấp thuận đối với giấy phép thăm dò hoặc khai thác và mọi giao dịch chuyển nhượng; chấp thuận hợp tác quốc tế và đối tác nước ngoài.
- ☐ **Phương án chế biến**
Cơ sở chế biến được cấp phép có khả năng sản xuất sản phẩm đạt tối thiểu 90% TREO, với các phê duyệt về công nghệ, môi trường và kiểm soát bức xạ.
- ☐ **Khả năng xuất khẩu**
Sản phẩm dự kiến có đáp ứng tiêu chuẩn chế biến sâu của Bộ Công Thương và có trong danh mục xuất khẩu do Thủ tướng Chính phủ ban hành hay không; thuế xuất khẩu và phân loại mã HS.
- ☐ **Bức xạ và môi trường**
Đánh giá an toàn theo pháp luật về năng lượng nguyên tử đối với sản phẩm phụ chứa thori hoặc urani; đánh giá tác động môi trường; quản lý chất thải quặng đuôi và đóng cửa mỏ.
- ☐ **Dữ liệu và bảo mật**
Dữ liệu địa chất nào thuộc bí mật nhà nước, ai được tiếp cận, và các văn bản giao dịch xử lý các hạn chế về bí mật nhà nước như thế nào.
- ☐ **Cấu trúc đầu tư**
Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và điều kiện tiếp cận thị trường đối với pháp nhân của bên nước ngoài; đăng ký chuyển giao công nghệ; giải quyết tranh chấp và bảo hộ theo điều ước.

Chế độ xuất khẩu theo loại khoáng sản (tháng 10 năm 2026)

Loại	Có được xuất khẩu không?	Cơ quan ban hành quy định	Căn cứ
Quặng đất hiếm và sản phẩm chưa đạt tiêu chuẩn chế biến sâu	Không	Tiêu chuẩn của Bộ Công Thương; danh mục do Thủ tướng Chính phủ ban hành	Nghị định số 193/2025/NĐ-CP, điểm c khoản 2 Điều 110a

Loại	Có được xuất khẩu không?	Cơ quan ban hành quy định	Căn cứ
Sản phẩm đất hiếm đã qua chế biến sâu	Chỉ khi thuộc danh mục do Thủ tướng Chính phủ ban hành	Thủ tướng Chính phủ, theo đề xuất của Bộ Công Thương	Nghị định, điểm c khoản 4 Điều 108, khoản 5 Điều 108 và Điều 110a
Các khoáng sản chiến lược, quan trọng khác	Chỉ những khoáng sản do Thủ tướng Chính phủ đưa vào danh mục, sau khi chế biến theo quy định	Thủ tướng Chính phủ, theo đề xuất của Bộ Công Thương	Nghị định, điểm c khoản 4 Điều 108
Khoáng sản nhóm I và khoáng chất công nghiệp	Nếu thuộc danh mục của Bộ Công Thương và đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật	Bộ Công Thương	Nghị định số 193/2025/NĐ-CP
Khoáng sản làm vật liệu xây dựng	Nếu thuộc danh mục của Bộ Xây dựng và đáp ứng tiêu chuẩn	Bộ Xây dựng	Nghị định số 193/2025/NĐ-CP
Thuế xuất khẩu	Áp dụng đối với nhiều loại quặng và tinh quặng	Biểu thuế xuất khẩu của Chính phủ	Nghị định số 26/2023/NĐ-CP được sửa đổi bởi Nghị định số 201/2026/NĐ-CP
Nguồn gốc hợp pháp	Bắt buộc đối với mọi khoáng sản được chế biến hoặc xuất khẩu	Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép; cơ quan hải quan	Luật số 54/2024/QH15, Điều 78

VÍ DỤ MINH HỌA

Nhà sản xuất nam châm Hàn Quốc hợp tác với doanh nghiệp Việt Nam được cấp phép khai thác đất hiếm

Một nhà sản xuất nam châm vĩnh cửu Hàn Quốc muốn có nguồn cung ổn định ôxit neodym-praseodym. Một doanh nghiệp Việt Nam được Nhà nước chỉ định nắm giữ trữ lượng đất hiếm ở miền Bắc. Cấu trúc và tiến độ chỉ mang tính minh họa; các phê duyệt được mô tả phụ thuộc vào quyết định mang tính tùy nghi của cơ quan có thẩm quyền.

Cấu trúc	Doanh nghiệp Việt Nam giữ quyền khai thác; công ty liên doanh (Hàn Quốc 49%, Việt Nam 51%) xây dựng nhà máy phân tách sản xuất các ôxit đơn lẻ trên 90% TREO; bên Hàn Quốc xây dựng riêng một nhà máy sản xuất nam châm trong khu công nghiệp.
Phê duyệt đối với mỏ	Văn bản chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ đối với việc cấp giấy phép khai thác cho doanh nghiệp Việt Nam (Điều 110d); giấy phép khai thác do Bộ Công Thương cấp; đánh giá tác động môi trường và ý kiến về an toàn năng lượng nguyên tử.
Phê duyệt đối với hợp tác	Thủ tướng Chính phủ chấp thuận đối tác Hàn Quốc và việc hợp tác (khoản 5 Điều 110e); khuôn khổ hợp tác giữa hai Chính phủ được viện dẫn trong hồ sơ.
Nhà máy phân tách	Công ty liên doanh được đăng ký như nhà đầu tư trong nước (tỷ lệ sở hữu nước ngoài 49%), do đó không cần Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; giấy phép chế biến và các phê duyệt về môi trường và bức xạ; đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ.

Nhà máy nam châm	Dự án sản xuất thông thường; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư do Ban Quản lý khu công nghiệp cấp trong khoảng 10 ngày làm việc; ưu đãi được xem xét theo Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.
Xuất khẩu	Ôxit đã phân tách chỉ được xuất khẩu nếu thuộc danh mục do Thủ tướng Chính phủ ban hành; nam châm sản xuất tại Việt Nam là hàng hóa công nghiệp, không phải khoáng sản.
Tiến độ dự kiến	Phê duyệt đối với mỏ và hợp tác từ 18 đến 36 tháng; xây dựng nhà máy phân tách 24 tháng sau khi được cấp phép; nhà máy nam châm từ 12 đến 18 tháng.

Nếu bên Hàn Quốc muốn trực tiếp nắm giữ một phần quyền khai thác, hồ sơ sẽ phụ thuộc vào việc được Nhà nước chỉ định hoặc cho phép và nguyên tắc ưu tiên doanh nghiệp khai thác trong nước tại điểm b khoản 4 Điều 108, và khó có khả năng thành công nếu không có thỏa thuận liên Chính phủ.

Nếu kế hoạch là vận chuyển tinh quặng đất hiếm hỗn hợp sang Hàn Quốc để phân tách, việc này sẽ bị cấm theo điểm c khoản 2 Điều 110a.

Câu hỏi nhà đầu tư thường gặp về khoáng sản chiến lược và đất hiếm

Công ty nước ngoài có được khai thác đất hiếm tại Việt Nam không?

Trên thực tế, chỉ thông qua một thỏa thuận được Nhà nước phê duyệt. Đất hiếm được dành cho các doanh nghiệp do Nhà nước chỉ định hoặc cho phép, mọi giấy phép đều phải có văn bản chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ, và quyền khai thác khoáng sản chiến lược được ưu tiên cấp cho doanh nghiệp trong nước hợp tác với đối tác chế biến nước ngoài. Hợp tác quốc tế về đất hiếm chỉ được thực hiện với các đối tác được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận.

Quặng đất hiếm chưa qua chế biến có được xuất khẩu khỏi Việt Nam không?

Không. Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2026, khoáng sản đất hiếm không đáp ứng tiêu chuẩn chế biến sâu của Bộ Công Thương không được xuất khẩu, và chỉ các sản phẩm đã qua chế biến sâu thuộc danh mục do Thủ tướng Chính phủ ban hành mới được xuất khẩu khỏi Việt Nam (điểm c khoản 2 Điều 110a Nghị định số 193/2025/NĐ-CP). Việc khai thác phải gắn với chế biến ra sản phẩm đạt tối thiểu 90% TREO.

Quy định 90% TREO có nghĩa là gì?

Điều 110b Nghị định số 193/2025/NĐ-CP yêu cầu việc khai thác đất hiếm phải gắn với dự án chế biến có sản phẩm tối thiểu là ôxit, hydroxit hoặc muối đất hiếm với hàm lượng tổng các ôxit đất hiếm từ 90% trở lên. Việc sản xuất đến các nguyên tố riêng biệt đã được phân tách được khuyến khích. Mỏ không có phương án chế biến như vậy không thể được cấp phép.

Tôi có thể xuất khẩu quặng sắt, titan hoặc các khoáng sản khác từ Việt Nam không?

Chỉ khi sản phẩm thuộc danh mục xuất khẩu và đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật do Bộ Công Thương ban hành đối với khoáng sản nhóm I và khoáng chất công nghiệp, hoặc do Bộ Xây dựng ban hành đối với khoáng sản làm vật liệu xây dựng, và có nguồn gốc hợp pháp. Nhiều loại quặng phải chịu thuế xuất khẩu theo Nghị định số 26/2023/NĐ-CP được sửa đổi bởi Nghị định số 201/2026/NĐ-CP.

Trữ lượng đất hiếm của Việt Nam lớn đến mức nào?

Các ước tính chênh lệch rất lớn. Cục Khảo sát Địa chất Hoa Kỳ trong thời gian dài ước tính trữ lượng vào khoảng 22 triệu tấn, sau đó giảm ước tính xuống khoảng 3,5 triệu tấn vào đầu năm 2025. Sản lượng còn nhỏ. Nhà đầu tư nên dựa vào kết quả thăm dò đã được công nhận đối với từng mỏ cụ thể thay vì các số liệu tổng quát cấp quốc gia.

THAY ĐỔI DỰ KIẾN NĂM 2027

- Chiến lược quốc gia về đất hiếm theo yêu cầu của Điều 110a Nghị định số 193/2025/NĐ-CP, tiêu chuẩn chế biến sâu của Bộ Công Thương và danh mục sản phẩm đất hiếm được xuất khẩu do Thủ tướng Chính phủ ban hành là những văn bản sẽ quyết định những gì thực sự có thể được sản xuất và bán; nhà đầu tư cần xác nhận từng văn bản đã được ban hành hay chưa và dưới hình thức nào trước khi cam kết.
- Dự thảo sửa đổi Luật Thuế tài nguyên do Bộ Tài chính công bố vào tháng 7 năm 2026 đề xuất quy định thuế suất đối với khoáng sản kim loại theo mức độ chế biến từ ngày 1 tháng 1 năm 2027, điều này nếu được thông qua sẽ khuyến khích hơn nữa việc chế biến tại Việt Nam.
- Vì sự tham gia của nhà đầu tư nước ngoài vào khoáng sản chiến lược được thực hiện thông qua hiệp định liên Chính phủ, bất kỳ hiệp định mới nào về khoáng sản thiết yếu giữa Việt Nam và quốc gia của nhà đầu tư đều có thể mở ra con đường không qua đấu giá theo khoản 6 Điều 143 của Nghị định cho nhà đầu tư của quốc gia đó; nhà đầu tư nên theo dõi các cuộc đàm phán của chính phủ nước mình.

Thuật ngữ thường gặp trong hồ sơ, tài liệu

Tiếng Anh	Tiếng Việt	Giải nghĩa
Strategic and important minerals	Khoáng sản chiến lược, quan trọng	Khoáng sản phóng xạ, đất hiếm và các khoáng sản thiết yếu khác thuộc danh mục đã được phê duyệt.
Special strategic mineral	Khoáng sản chiến lược đặc biệt	Loại khoáng sản, bao gồm đất hiếm, mà Thủ tướng Chính phủ chấp thuận việc cấp giấy phép.
Rare earths	Đất hiếm	Nhóm nguyên tố lantan cùng với scandi và ytri, được điều chỉnh bởi các Điều từ 110a đến 110g của Nghị định.
Total rare-earth oxides (TREO)	Tổng các ôxit đất hiếm (TREO)	Thước đo hàm lượng; việc khai thác phải gắn với sản phẩm đạt tối thiểu 90%.
Deep processing	Chế biến sâu	Chế biến đạt tiêu chuẩn do Bộ Công Thương ban hành, là điều kiện để xuất khẩu.

Tiếng Anh	Tiếng Việt	Giải nghĩa
Intergovernmental agreement	Hiệp định liên Chính phủ	Khuôn khổ thông qua đó nhà đầu tư nước ngoài có thể được tham gia vào lĩnh vực khoáng sản chiến lược.
National Rare Earth Strategy	Chiến lược quốc gia về đất hiếm	Chiến lược mà mọi hoạt động liên quan đến đất hiếm phải tuân theo (Điều 110a).
Export duty	Thuế xuất khẩu	Thuế đánh vào hàng hóa xuất khẩu, áp dụng đối với nhiều loại quặng theo Nghị định số 26/2023/NĐ-CP.

NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI VÀ NHÀ ĐẦU TƯ VIỆT NAM

Đây là lĩnh vực của pháp luật tài nguyên Việt Nam mà quốc tịch có ý nghĩa nhiều nhất. Doanh nghiệp Việt Nam được Nhà nước chỉ định hoặc cho phép có thể nắm giữ quyền khai thác đất hiếm khi có sự chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ; nhà đầu tư nước ngoài nhìn chung không được nắm giữ, trừ khi thông qua thỏa thuận liên Chính phủ đã được phê duyệt, và được định hướng sang chế biến, công nghệ, sản xuất hạ nguồn và bao tiêu. Đối với các khoáng sản chiến lược khác, nhà đầu tư nước ngoài được tham gia thăm dò thông qua hiệp định liên Chính phủ và tham gia khai thác với điều kiện đáp ứng quy định về tiếp cận thị trường và nguyên tắc ưu tiên doanh nghiệp khai thác trong nước. Các quy định về xuất khẩu áp dụng như nhau đối với mọi tổ chức xuất khẩu.

LƯU Ý

- Xây dựng cấu trúc giao dịch đất hiếm xoay quanh việc bên nước ngoài trực tiếp nắm giữ một phần quyền khai thác; các quy định năm 2026 đi theo hướng ngược lại.
- Đánh giá thấp thời gian cần thiết để có sự chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ, vốn không được tính vào thời hạn giải quyết hồ sơ thông thường.
- Lập kế hoạch xuất khẩu tinh quặng hoặc sản phẩm đất hiếm hỗn hợp; chỉ các sản phẩm đã qua chế biến sâu thuộc danh mục do Thủ tướng Chính phủ ban hành mới được xuất khẩu.
- Dựa vào các số liệu trữ lượng tổng quát; cần sử dụng kết quả thăm dò đã được công nhận đối với mỏ cụ thể.
- Bỏ qua các sản phẩm phụ phóng xạ, vốn kéo theo việc áp dụng pháp luật về năng lượng nguyên tử, các đánh giá an toàn bổ sung và chi phí đóng cửa mỏ cao hơn.

NGUỒN CHÍNH THỨC

- Cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản pháp luật (vbpl.vn): Luật số 54/2024/QH15, Điều 65 và Điều 78; Luật số 147/2025/QH15; Nghị định số 21/2026/NĐ-CP — <https://vbpl.vn>
- Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam: văn bản hợp nhất Nghị định số 193/2025/NĐ-CP (các Điều từ 108 đến 110g, Điều 143) — <https://dcks.mae.gov.vn>
- Bộ Công Thương (danh mục và tiêu chuẩn xuất khẩu khoáng sản; chế biến đất hiếm) — <https://moit.gov.vn>
- Cục Hải quan (thuế xuất khẩu và thông quan khoáng sản) — <https://www.customs.gov.vn>

Thuế, phí khai thác khoáng sản và môi trường: thuế tài nguyên và thuế suất, tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, phí bảo vệ môi trường, thuế xuất khẩu, thuế thu nhập doanh nghiệp 40% hoặc 50% đối với khoáng sản quý hiếm, đánh giá tác động môi trường và giấy phép môi trường, ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường, đóng cửa mỏ, cộng đồng và đất đai, kèm theo mô hình tài chính minh họa

Rà soát ngày 10/10/2026 · Biên soạn bởi một luật sư chuyên về đầu tư nước ngoài (đã nghỉ hưu) với 20 năm kinh nghiệm hành nghề trong lĩnh vực pháp luật đầu tư Việt Nam · Thông tin pháp lý và thuế, không phải ý kiến tư vấn pháp lý · [Cách chúng tôi kiểm tra \(tiếng Anh\)](#) · [Mở trong ứng dụng](#)

NHỮNG ĐIỂM CẦN NHẮM

- Thuế tài nguyên được tính trên giá trị tính thuế của khoáng sản khai thác theo Luật số 45/2009/QH12, với thuế suất quy định tại Nghị quyết số 1084/2015/UBTVQH13 từ ngày 1 tháng 7 năm 2016: ví dụ 14% đối với sắt, 17% đối với vàng, 18% đối với titan và đất hiếm, 20% đối với vonfram và antimon, và 10% hoặc 12% đối với than.
- Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản ($T = Q \times G \times R$) được nộp hằng năm và quyết toán theo sản lượng (Điều 98 và Điều 99 Luật số 54/2024/QH15; các Điều từ 132 đến 140 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP), và phí bảo vệ môi trường được thu đối với khoáng sản khai thác theo mức thu của cấp tỉnh trong khung quy định tại Nghị định số 27/2023/NĐ-CP.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động thăm dò, khai thác tài nguyên quý hiếm (bạch kim, vàng, bạc, thiếc, vonfram, antimon, đá quý và đất hiếm) là 50%, hoặc 40% nếu ít nhất 70% diện tích được giao nằm tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (điểm b khoản 4 Điều 10 Luật số 67/2025/QH15); các khoáng sản khác chịu thuế suất phổ thông 20%.
- Giấy phép khai thác khoáng sản đòi hỏi quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc giấy phép môi trường theo Luật số 72/2020/QH14, và tổ chức khai thác phải ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường theo Điều 137 của Luật này, được hoàn trả sau khi việc cải tạo, phục hồi được xác nhận.
- Mọi mỏ đều phải được đóng cửa theo đề án đóng cửa mỏ đã được phê duyệt nhằm phục hồi đất, nước, thảm thực vật và bảo đảm an toàn cho khu vực (các Điều từ 81 đến 85 Luật số 54/2024/QH15), và tổ chức khai thác chịu toàn bộ chi phí bảo vệ môi trường, cải tạo, phục hồi môi trường và đóng cửa mỏ (khoản 2 Điều 79).

Cơ cấu các khoản thu tài chính

Một mỏ khoáng sản tại Việt Nam nộp ngân sách nhà nước qua năm hình thức chính: tiền để được cấp quyền khai thác, thuế đối với khoáng sản khai thác, phí đối với tác động môi trường của hoạt động khai thác, thuế đối với hàng xuất khẩu, và thuế thu nhập doanh nghiệp đối với lợi nhuận. Bên cạnh đó là các khoản thu thông thường của mọi doanh nghiệp, tiền thuê đất đối với khu vực mỏ được thuê, thuế GTGT đối với doanh thu trong nước và thuế nhà thầu nước ngoài đối với khoản thanh toán cho nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài, cùng với ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường, là khoản bảo đảm chứ không phải khoản thu. Ba khoản đầu tiên được tính trên khối lượng hoặc giá trị bất kể có lợi nhuận hay không, vì vậy một mỏ có biên lợi nhuận thấp có thể bị lỗ sau các khoản thu mang tính chất phí khai thác mà vẫn phải nộp các khoản này. Do đó, việc lập mô hình số thu của Nhà nước bắt đầu từ các khoản thu theo khối lượng, không phải từ thuế thu nhập doanh nghiệp (Câu hỏi thường gặp 107).

Các khoản thu do các cơ quan khác nhau quản lý. Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản do cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép phê duyệt và cơ quan thuế cấp tình thu; thuế tài nguyên, phí bảo vệ môi trường và thuế thu nhập doanh nghiệp được kê khai với cơ quan thuế theo Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15; thuế xuất khẩu do cơ quan hải quan thu. Việc nợ bất kỳ khoản nào trong số này có thể cản trở việc gia hạn hoặc chuyển nhượng giấy phép và, đối với nợ thuế, cản trở việc chuyển lợi nhuận ra nước ngoài (Chuyển lợi nhuận ra nước ngoài và hồi hương vốn).

Thuế tài nguyên

Thuế tài nguyên được thu theo Luật Thuế tài nguyên số 45/2009/QH12 trên giá trị tài nguyên khai thác, được tính bằng sản lượng tài nguyên tính thuế nhân với giá tính thuế và thuế suất. Giá tính thuế là giá bán thương mại của tài nguyên tại điểm bán, nhưng không thấp hơn giá do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định trong khung giá do Bộ Tài chính ban hành; trường hợp sản phẩm khai thác được chế biến trước khi bán, giá trị tài nguyên được xác định từ sản phẩm đã chế biến. Sản lượng tính thuế là khối lượng thực tế khai thác, được đo đạc tại mỏ, đó là lý do Điều 64 Luật Địa chất và khoáng sản yêu cầu sản lượng phải được đo đạc trước khi khoáng sản được vận chuyển ra khỏi khu vực khai thác.

Thuế suất do Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định trong khung thuế suất của Luật. Nghị quyết số 1084/2015/UBTVQH13, có hiệu lực từ ngày 1 tháng 7 năm 2016, quy định, trong số các mức khác, 14% đối với sắt và mangan, 17% đối với vàng, 18% đối với titan và đất hiếm, 12% đối với bạch kim, bạc, thiếc, nhôm và bauxit, 15% đối với đồng, chì và kẽm, 20% đối với vonfram và antimon, 10% đối với niken, 10% đối với than antraxit hầm lò và 12% đối với than antraxit lộ thiên, 10% đối với đá vôi sản xuất vôi và xi măng, 15% đối với đá granit và cát, và từ 18% đến 27% đối với đá quý (Câu hỏi thường gặp 107). Thuế tài nguyên được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Vào tháng 7 năm 2026, Bộ Tài chính đã công bố dự thảo luật sửa đổi Luật Thuế tài nguyên, theo đó thuế suất đối với khoáng sản kim loại được xác định theo mức độ chế biến và thẩm quyền quy định thuế suất được chuyển cho Chính phủ, với ngày hiệu lực dự kiến là ngày 1 tháng 1 năm 2027; tại thời điểm rà soát, dự thảo này chưa được thông qua.

Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và phí bảo vệ môi trường

Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được tính theo công thức $T = Q \times G \times R$ quy định tại Điều 132 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP, trong đó Q là trữ lượng hoặc khối lượng được cấp phép, G là giá tính thuế tài nguyên của cấp tỉnh được điều chỉnh theo hệ số quy đổi, và R là tỷ lệ thu quy định tại Phụ lục III của Nghị định hoặc mức trúng đấu giá. Tổng số tiền được chia cho số năm của giấy phép và nộp hằng năm, khoản nộp đầu tiên trong thời hạn 24 ngày làm việc kể từ ngày có thông báo của cơ quan thuế và các khoản tiếp theo trước ngày 31 tháng 5 hằng năm, và được quyết toán theo sản lượng khai thác thực tế theo Điều 139 và Điều 140. Cơ chế này được trình bày tại mục Nhóm khoáng sản, cấp phép và đấu giá.

Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản được thu theo Nghị định số 27/2023/NĐ-CP trên mỗi tấn hoặc mét khối khoáng sản khai thác, theo mức thu do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định trong khung mức thu của Nghị định. Do cấp tỉnh quy định mức thu, phí đối với cùng một loại khoáng sản có thể khác nhau giữa các tỉnh lân cận và được điều chỉnh theo thời gian; cần kiểm tra nghị quyết hiện hành của tỉnh. Dầu thô và khí thiên nhiên chịu phí theo mức thu thống nhất toàn quốc, 100.000 đồng/tấn dầu thô và 50 đồng/m³ khí, được trình bày tại mục Hợp đồng dầu khí và các điều khoản tài chính.

Thuế xuất khẩu và thuế thu nhập doanh nghiệp

Nhiều loại quặng và tinh quặng phải chịu **thuế xuất khẩu** theo Biểu thuế xuất khẩu tại Nghị định số 26/2023/NĐ-CP, được sửa đổi gần đây nhất bởi Nghị định số 201/2026/NĐ-CP, và chỉ được xuất khẩu nếu đáp ứng danh mục và tiêu chuẩn do Bộ Công Thương hoặc Bộ Xây dựng ban hành (Khoáng sản chiến lược, đất hiếm và xuất khẩu). Khoáng sản chưa qua chế biến khi xuất khẩu còn chịu cơ chế thuế GTGT hạn chế, vì vậy cần xác nhận nghĩa vụ thuế GTGT của mọi sản phẩm xuất khẩu theo mục Thuế GTGT và hóa đơn điện tử.

Thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng theo khoản 4 Điều 10 Luật số 67/2025/QH15. Hoạt động thăm dò, khai thác tài nguyên quý hiếm, gồm bạch kim, vàng, bạc, thiếc, vonfram, antimon, đá quý, đất hiếm và các tài nguyên quý hiếm khác theo quy định của pháp luật, chịu thuế suất **50%**; trường hợp ít nhất 70% diện tích được giao của mỏ nằm tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, thuế suất là **40%** (Câu hỏi thường gặp 21). Hoạt động khai thác các khoáng sản khác, bao gồm than, sắt, bauxit, đồng, đá vôi và vật liệu xây dựng, chịu thuế suất phổ thông 20%. Công ty khai thác đồng thời chế biến khoáng sản phải hạch toán riêng thu nhập chịu các mức thuế suất khác nhau. Hoạt động khai thác khoáng sản trước nay thường bị loại trừ khỏi phần lớn các ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp; mọi ưu đãi được đề nghị cho dự án chế biến cần được đối chiếu với mục Ưu đãi đầu tư. Các quy định chung về thuế thu nhập doanh nghiệp được trình bày tại mục Thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các phê duyệt về môi trường

Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14, cùng với Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP, phân loại dự án theo mức độ rủi ro môi trường, và dự án khai thác khoáng sản thuộc nhóm phải có **báo cáo đánh giá tác động môi trường** được phê duyệt trước khi triển khai dự án, hoặc, trong trường hợp pháp luật cho phép, **giấy phép môi trường** (Câu hỏi thường gặp 89). Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc giấy phép môi trường là điều kiện để được cấp giấy phép khai thác khoáng sản (Điều 61 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP; Câu hỏi thường gặp 109), vì vậy đây là bước then chốt giữa công nhận trữ lượng và cấp phép. Việc thẩm định được phân chia giữa Bộ

Nông nghiệp và Môi trường và cấp tỉnh tùy theo quy mô và địa điểm của dự án. Luật số 146/2025/QH15, có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2026, đã đơn giản hóa một số thủ tục cấp phép, và dự thảo sửa đổi toàn diện Luật năm 2020 đã được công bố vào tháng 6 năm 2026.

Khi đi vào hoạt động, mỏ phải có giấy phép môi trường đối với nước thải, khí thải và chất thải rắn, phải quan trắc và báo cáo theo giấy phép. Lưu giữ quặng đuôi, nước thải axit mỏ, bụi và sử dụng nước là những điểm thường phát sinh xung đột với người dân xung quanh và cơ quan thanh tra. Mỏ sử dụng nước hoặc xả nước thải còn phải có giấy phép tài nguyên nước, và Điều 36 Luật Địa chất và khoáng sản yêu cầu tổ chức khai thác tuân thủ pháp luật về tài nguyên nước.

Ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường và đóng cửa mỏ

Điều 137 Luật số 72/2020/QH14 yêu cầu mọi tổ chức khai thác khoáng sản phải **ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường** tại quỹ bảo vệ môi trường, trên cơ sở phương án cải tạo, phục hồi môi trường được phê duyệt cùng với báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc giấy phép môi trường. Theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, tiền ký quỹ có thể được nộp một lần hoặc nhiều lần hằng năm, lần đầu trước khi bắt đầu khai thác, và được hoàn trả sau khi việc cải tạo, phục hồi môi trường đã được thực hiện và xác nhận (Câu hỏi thường gặp 109). Trường hợp tổ chức khai thác không thực hiện cải tạo, phục hồi, tiền ký quỹ được sử dụng để thực hiện việc này.

Cải tạo, phục hồi môi trường là một phần của nghĩa vụ đóng cửa mỏ rộng hơn. Các Điều từ 81 đến 85 Luật số 54/2024/QH15 yêu cầu có **đề án đóng cửa mỏ khoáng sản** khi trữ lượng đã khai thác hết, giấy phép chấm dứt hiệu lực hoặc mỏ bị đóng cửa vì lý do khác. Việc đóng cửa mỏ phải tính đến trữ lượng đã khai thác và trữ lượng còn lại, phục hồi đất, nước, thảm thực vật và cảnh quan theo tiêu chuẩn cải tạo, phục hồi, bảo đảm ổn định và an toàn cho khu vực, và tối ưu hóa việc sử dụng đất sau đó (Điều 81). Đề án được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thẩm định và phê duyệt (Điều 82 và Điều 83; các Điều từ 101 đến 106 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP), và tổ chức khai thác phải thực hiện đề án và bàn giao đất. Khoản 2 Điều 79 quy định rõ ràng: tổ chức thực hiện hoạt động khoáng sản chịu toàn bộ chi phí bảo vệ môi trường, cải tạo, phục hồi môi trường và đóng cửa mỏ.

Cộng đồng và đất đai

Một mỏ khoáng sản làm thay đổi đời sống của những người xung quanh, và pháp luật trao cho họ quyền lợi liên quan. Điều 8 Luật Địa chất và khoáng sản quy định địa phương và cộng đồng dân cư nơi có khoáng sản được khai thác được chia sẻ lợi ích thông qua đầu tư kết cấu hạ tầng, và buộc tổ chức khai thác hỗ trợ các hộ gia đình bị ảnh hưởng, bao gồm đào tạo nghề và tạo việc làm, và ưu tiên sử dụng lao động địa phương (Câu hỏi thường gặp 102). Các nghĩa vụ này được ghi nhận trong đăng ký đầu tư và giấy phép, và trên thực tế trong biên bản ghi nhớ với cấp xã và cấp tỉnh.

Bản thân đất đai có được thông qua việc Nhà nước thu hồi đất và cho thuê đất theo Điều 79 và Điều 205 Luật Đất đai năm 2024, kèm theo bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho người đang sử dụng đất, hoặc thông qua thỏa thuận nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Tranh chấp về bồi thường là nguyên nhân phổ biến nhất gây chậm trễ trong phát triển mỏ, và dự án dựa vào việc Nhà nước thu hồi đất phụ thuộc vào tiến độ của cấp tỉnh. Tiền thuê đất được trả hằng năm đối với diện tích thuê. Thủ tục đất đai, quy định về định giá và bồi thường được trình bày tại mục Thu hồi đất, bồi thường và đất chậm đưa vào sử dụng và Tiền thuê đất, giá đất và Nghị quyết 254.

Các bước về môi trường và đóng cửa mỏ đối với mỏ mới

- 1

Sàng lọc dự án

Phân loại dự án theo Luật số 72/2020/QH14 và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP đã được sửa đổi để xác định dự án phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường hay đề nghị cấp giấy phép môi trường và cơ quan nào thẩm định.
- 2

Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường

Khảo sát hiện trạng nền, tham vấn cộng đồng, đánh giá tác động, biện pháp giảm thiểu, thiết kế khu chứa quặng đuôi và phương án cải tạo, phục hồi môi trường có dự toán chi phí.
- 3

Đề nghị phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường

Bộ Nông nghiệp và Môi trường hoặc cấp tỉnh thẩm định; quyết định phê duyệt là điều kiện để được cấp giấy phép khai thác khoáng sản.
- 4

Ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường

Nộp một lần hoặc nộp lần đầu khoản ký quỹ hằng năm tại quỹ bảo vệ môi trường trước khi bắt đầu khai thác (Điều 137).
- 5

Đề nghị cấp giấy phép môi trường cho giai đoạn vận hành

Bao gồm xả thải, khí thải và chất thải; thiết lập hệ thống quan trắc và báo cáo.
- 6

Cải tạo, phục hồi môi trường theo từng giai đoạn và báo cáo

Thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường khi các khu vực đã khai thác xong; báo cáo hằng năm và chịu thanh tra, kiểm tra.
- 7

Lập và thực hiện đề án đóng cửa mỏ

Trình phê duyệt đề án khi trữ lượng đã khai thác hết hoặc giấy phép chấm dứt hiệu lực (Điều 82 và Điều 83); thực hiện đề án; được nghiệm thu và hoàn trả tiền ký quỹ.

Các khoản thu đối với một mỏ khoáng sản tại Việt Nam (tháng 10 năm 2026)

Khoản thu	Căn cứ tính và mức thu	Căn cứ
Thuế tài nguyên	Sản lượng x giá tính thuế x thuế suất: sắt 14%, vàng 17%, titan và đất hiếm 18%, đồng 15%, bauxit 12%, vonfram và antimon 20%, than 10% hoặc 12%, đá vôi làm xi măng 10%, cát 15%, đá quý từ 18% đến 27%	Luật số 45/2009/QH12; Nghị quyết số 1084/2015/UBTVQH13
Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	$T = Q \times G \times R$; nộp hằng năm; quyết toán theo sản lượng	Luật số 54/2024/QH15, Điều 98 và Điều 99; Nghị định số 193/2025/NĐ-CP, các Điều từ 132 đến 140
Phí bảo vệ môi trường	Tính trên mỗi tấn hoặc mét khối, theo mức thu của cấp tỉnh trong khung quy định của trung ương	Nghị định số 27/2023/NĐ-CP

Khoản thu	Căn cứ tính và mức thu	Căn cứ
Thuế xuất khẩu	Áp dụng đối với nhiều loại quặng và tinh quặng, theo mã HS	Nghị định số 26/2023/NĐ-CP được sửa đổi bởi Nghị định số 201/2026/NĐ-CP
Thuế TNDN, khoáng sản quý hiếm	50%; 40% nếu ít nhất 70% diện tích nằm tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn	Luật số 67/2025/QH15, điểm b khoản 4 Điều 10
Thuế TNDN, khoáng sản khác	20%	Luật số 67/2025/QH15
Tiền thuê đất	Thuê đất trả tiền hằng năm đối với diện tích mỏ được thuê	Luật Đất đai năm 2024, Điều 205
Ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường	Khoản bảo đảm dựa trên phương án cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt; được hoàn trả	Luật số 72/2020/QH14, Điều 137; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP

VÍ DỤ MINH HỌA

Minh họa một năm hoạt động tại mỏ vàng quy mô vừa

Một doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài sản xuất 2,5 tấn vàng mỗi năm từ một mỏ được cấp phép tại tỉnh có dưới 70% diện tích nằm tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Mọi số liệu chỉ mang tính minh họa và đã được làm tròn, giá tính thuế được giả định bằng giá bán thực tế, và thứ tự các khoản khấu trừ được đơn giản hóa; đây không phải là bảng tính thuế.

Doanh thu bán vàng	2,5 tấn (khoảng 80.400 troy ounce) với giá giả định 2.500 USD/ounce: khoảng 201 triệu USD.
Thuế tài nguyên 17%	$17\% \times 201 \text{ triệu USD} = \text{khoảng } 34,2 \text{ triệu USD}$.
Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	Tổng số tiền được phê duyệt là 60 triệu USD cho giấy phép thời hạn 15 năm: khoản nộp hằng năm khoảng 4,0 triệu USD, sau đó được quyết toán theo sản lượng khai thác thực tế.
Phí bảo vệ môi trường	Mức thu giả định của tỉnh đối với 1,2 triệu tấn quặng: khoảng 0,4 triệu USD.
Chi phí hoạt động, khấu hao và lãi vay	Giả định 105 triệu USD, bao gồm tiền thuê đất và dự phòng chi phí cải tạo, phục hồi môi trường.
Thu nhập tính thuế	$201,0 - 34,2 - 4,0 - 0,4 - 105,0 = \text{khoảng } 57,4 \text{ triệu USD}$.
Thuế TNDN 50%	Khoảng 28,7 triệu USD; với thuế suất 40% (nếu 70% diện tích nằm tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn) khoảng 23,0 triệu USD.
Tổng số thu của Nhà nước	$34,2 + 4,0 + 0,4 + 28,7 = \text{khoảng } 67,3 \text{ triệu USD}$, tương đương khoảng 70% phần chênh lệch 96 triệu USD còn lại sau chi phí hoạt động và trước mọi khoản thu của Nhà nước.

Thời hạn

Thuế tài nguyên và phí bảo vệ môi trường được kê khai định kỳ và quyết toán hằng năm; khoản tiền cấp quyền đến hạn trước ngày 31 tháng 5; thuế TNDN tạm nộp hằng quý và quyết toán chậm nhất vào ngày cuối cùng của tháng thứ ba kể từ khi kết thúc năm tài chính.

Nếu mở khai thác đồng, thuế tài nguyên sẽ là 15% và thuế TNDN 20%, làm phần lợi nhuận của Nhà nước giảm khoảng một nửa.

Ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường không phải là chi phí trong mô hình này; đó là khoản bảo đảm, được hoàn trả sau khi việc cải tạo, phục hồi được xác nhận, nhưng làm chiếm dụng dòng tiền ngay từ năm đầu tiên.

Câu hỏi nhà đầu tư thường gặp về thuế khai thác khoáng sản và môi trường

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động khai thác vàng tại Việt Nam là bao nhiêu?

50%, theo điểm b khoản 4 Điều 10 Luật số 67/2025/QH15, áp dụng đối với tài nguyên quý hiếm bao gồm bạch kim, vàng, bạc, thiếc, vonfram, antimon, đá quý và đất hiếm. Thuế suất là 40% nếu ít nhất 70% diện tích được giao của mỏ nằm tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Các khoáng sản khác chịu thuế suất phổ thông 20%.

Thuế tài nguyên nào áp dụng đối với khoáng sản?

Một tỷ lệ phần trăm trên giá trị tính thuế của sản lượng khai thác, theo thuế suất quy định tại Nghị quyết số 1084/2015/UBTVQH13: ví dụ 14% đối với sắt, 17% đối với vàng, 18% đối với đất hiếm và titan, 15% đối với đồng và 20% đối với vonfram và antimon. Giá tính thuế là giá bán nhưng không thấp hơn giá do cấp tỉnh quy định.

Một mỏ khoáng sản cần những phê duyệt nào về môi trường?

Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc, trong trường hợp áp dụng, giấy phép môi trường theo Luật số 72/2020/QH14, là điều kiện để được cấp giấy phép khai thác khoáng sản, sau đó là giấy phép môi trường cho giai đoạn vận hành. Tổ chức khai thác cũng phải ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trước khi bắt đầu khai thác và sau này thực hiện để án đóng cửa mỏ đã được phê duyệt.

Tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường có được hoàn trả không?

Có, sau khi việc cải tạo, phục hồi môi trường đã được thực hiện và xác nhận. Theo Điều 137 Luật số 72/2020/QH14 và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, tiền ký quỹ được nộp tại quỹ bảo vệ môi trường theo hình thức một lần hoặc hằng năm trên cơ sở phương án đã được phê duyệt, và được Nhà nước sử dụng nếu tổ chức khai thác không thực hiện cải tạo, phục hồi.

Thuế đối với hoạt động khai thác khoáng sản có thay đổi vào năm 2027 không?

Có thể. Vào tháng 7 năm 2026, Bộ Tài chính đã công bố dự thảo sửa đổi Luật Thuế tài nguyên, đề xuất thuế suất đối với khoáng sản kim loại theo mức độ chế biến, do Chính phủ quy định trong khung thuế suất của luật, từ ngày 1 tháng 1 năm 2027. Dự thảo này chưa được thông qua tại thời điểm ngày 10 tháng 10 năm 2026; cần kiểm tra văn bản chính thức trước khi lập mô hình.

THAY ĐỔI DỰ KIẾN NĂM 2027

- Dự thảo luật sửa đổi Luật Thuế tài nguyên, được công bố lấy ý kiến vào tháng 7 năm 2026 với ngày hiệu lực dự kiến là ngày 1 tháng 1 năm 2027, sẽ phân biệt thuế suất đối với khoáng sản kim loại theo mức độ chế biến và cho phép Chính phủ quy định thuế suất trong khung thuế suất của luật; nếu được thông qua, cần tính toán lại mô hình tài chính của các mỏ xuất khẩu tinh quặng.
- Dự thảo sửa đổi toàn diện Luật Bảo vệ môi trường được công bố vào tháng 6 năm 2026 có thể làm thay đổi phân loại dự án phải đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường và quy định về ký quỹ đối với mỏ khoáng sản; lộ trình thông qua chưa được xác định tại thời điểm rà soát.
- Các tỉnh định kỳ điều chỉnh mức thu phí bảo vệ môi trường và bảng giá tính thuế tài nguyên; cần kiểm tra các nghị quyết, quyết định hiện hành của tỉnh hằng năm.

Thuật ngữ thường gặp trong hồ sơ, tài liệu

Tiếng Anh	Tiếng Việt	Giải nghĩa
Natural resources tax	Thuế tài nguyên	Thuế đánh vào giá trị tài nguyên khai thác (Luật số 45/2009/QH12).
Taxable price for natural resources tax	Giá tính thuế tài nguyên	Giá bán, không thấp hơn bằng giá của cấp tỉnh.
Environmental protection fee	Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản	Khoản phí tính trên mỗi đơn vị khoáng sản khai thác (Nghị định số 27/2023/NĐ-CP).
Environmental impact assessment	Đánh giá tác động môi trường	Việc đánh giá trước khi triển khai dự án, bắt buộc đối với dự án khai thác khoáng sản (Luật số 72/2020/QH14).
Environmental licence	Giấy phép môi trường	Giấy phép vận hành đối với hoạt động xả thải và quản lý chất thải.
Rehabilitation deposit	Ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường	Khoản bảo đảm cho việc cải tạo, phục hồi môi trường theo Điều 137 Luật Bảo vệ môi trường.
Mine closure	Đóng cửa mỏ khoáng sản	Thủ tục theo luật định để kết thúc hoạt động của mỏ (các Điều từ 81 đến 85).
Especially disadvantaged area	Địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn	Tình trạng địa bàn giúp giảm thuế suất thuế TNDN đối với khoáng sản quý hiếm xuống 40%.

NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI VÀ NHÀ ĐẦU TƯ VIỆT NAM

Chế độ tài chính và môi trường là như nhau đối với tổ chức khai thác trong nước và tổ chức khai thác có vốn đầu tư nước ngoài: cùng thuế suất thuế tài nguyên, công thức tính tiền cấp quyền, phí bảo vệ môi trường, thuế xuất khẩu, thuế suất thuế TNDN, đánh giá tác động môi trường và ký quỹ. Sự khác biệt đối với nhà đầu tư nước ngoài nằm ở các giao dịch xuyên biên giới: thuế nhà thầu nước ngoài đối với khoản thanh toán cho nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài, yêu cầu phải hoàn thành nghĩa vụ thuế trước khi chuyển lợi nhuận ra nước ngoài theo Nghị định số 252/2026/NĐ-CP, và thuế 2% trên doanh thu tính thuế (giá chuyển nhượng) nếu sau này chuyển nhượng phần vốn của mình (Thuế đối với chuyển nhượng cổ phần và cổ tức).

LƯU Ý

- Chỉ lập mô hình thuế TNDN: thuế tài nguyên và tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được tính trên khối lượng hoặc giá trị bất kể lợi nhuận.
- Áp dụng thuế suất TNDN 40% mà không kiểm tra việc ít nhất 70% diện tích được giao nằm tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.
- Bán thấp hơn bảng giá của cấp tỉnh, điều này không làm giảm thuế tài nguyên vì giá tính thuế không được thấp hơn bảng giá.
- Coi ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường là chi phí phát sinh vào cuối vòng đời mỏ; khoản này phải nộp trước khi bắt đầu khai thác và chiếm dụng dòng tiền trong suốt thời gian hoạt động.
- Đánh giá thấp việc đóng cửa mỏ: khoản 2 Điều 79 đặt toàn bộ chi phí cải tạo, phục hồi môi trường và đóng cửa mỏ lên tổ chức khai thác, và nghĩa vụ đóng cửa mỏ vẫn tồn tại sau khi giấy phép chấm dứt hiệu lực.

NGUỒN CHÍNH THỨC

- Cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản pháp luật (vbpl.vn): Luật số 45/2009/QH12; Nghị quyết số 1084/2015/UBTVQH13; Luật số 67/2025/QH15, Điều 10; Luật số 72/2020/QH14, Điều 137 — <https://vbpl.vn>
- Cục Thuế (kê khai thuế tài nguyên, phí và thuế TNDN) — <https://gdt.gov.vn>
- Bộ Tài chính (dự thảo luật sửa đổi Luật Thuế tài nguyên, tháng 7 năm 2026) — <https://mof.gov.vn>
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường, ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường) — <https://mae.gov.vn>

Khung pháp lý về dầu khí và Petrovietnam: Luật số 12/2022/QH15 và Nghị định số 45/2023/NĐ-CP, vai trò của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Công Thương và Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam, lô dầu khí và diện tích mở, văn phòng điều hành, các hoạt động trung nguồn và hạ nguồn, và Luật Dầu khí mới số 10/2026/QH16

Rà soát ngày 10/10/2026 · Biên soạn bởi một luật sư chuyên về đầu tư nước ngoài (đã nghỉ hưu) với 20 năm kinh nghiệm hành nghề trong lĩnh vực pháp luật đầu tư Việt Nam · Thông tin pháp lý và thuế, không phải ý kiến tư vấn pháp lý · [Cách chúng tôi kiểm tra \(tiếng Anh\)](#) · [Mở trong ứng dụng](#)

NHỮNG ĐIỂM CẦN NHỚ

- Dầu khí thuộc sở hữu của Nhà nước (Điều 53 Hiến pháp) và được phát triển thông qua hợp đồng dầu khí do Petrovietnam ký kết theo Luật Dầu khí số 12/2022/QH15, có hiệu lực từ ngày 1 tháng 7 năm 2023, và Nghị định số 45/2023/NĐ-CP ngày 1 tháng 7 năm 2023.
- Thủ tướng Chính phủ phê duyệt hợp đồng dầu khí, danh mục lô dầu khí được hưởng chính sách ưu đãi đầu tư và ưu đãi đầu tư đặc biệt và việc chuyển nhượng quyền lợi tham gia; Bộ Công Thương thẩm định hợp đồng, cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà thầu và phê duyệt kế hoạch phát triển mỏ và kế hoạch thu dọn công trình dầu khí (Điều 26, 27, 36, các Điều từ 46 đến 50, Điều 53 và Điều 65).
- Petrovietnam, được đổi tên thành Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam theo Quyết định số 733/QĐ-TTg ngày 9 tháng 4 năm 2025, thay mặt Nhà nước ký kết và quản lý mọi hợp đồng, phê duyệt chương trình công tác và ngân sách, kiểm toán chi phí, có thể tham gia quyền lợi tham gia sau khi có phát hiện thương mại và có quyền ưu tiên mua khi chuyển nhượng (Điều 39 và các Điều từ 60 đến 64).
- Việc phê duyệt hợp đồng dầu khí thay thế cho thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư, và người điều hành nước ngoài phải thành lập văn phòng điều hành tại Việt Nam có con dấu và tài khoản ngân hàng riêng (các Điều từ 26 đến 27 và Điều 38); lọc dầu, kho cảng LNG và nhà máy nhiệt điện khí thay vào đó thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật về đầu tư, điện lực và pháp luật chuyên ngành.
- Luật số 10/2026/QH16, được thông qua ngày 23 tháng 8 năm 2026 với 12 chương và 62 điều, thay thế Luật số 12/2022/QH15 từ ngày 1 tháng 3 năm 2027 và phân cấp thẩm quyền phê duyệt cho cơ quan quản lý nhà nước và Petrovietnam; nghị định hướng dẫn Luật này vẫn đang ở dạng dự thảo tại thời điểm ngày 10 tháng 10 năm 2026.

Quyền sở hữu và khung pháp lý

Dầu khí, cũng như khoáng sản, thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước đại diện chủ sở hữu theo Điều 53 Hiến pháp. Khác với khoáng sản, dầu khí không được cấp phép. Nhà nước phát triển dầu khí thông qua **hợp đồng dầu khí** do Petrovietnam thay mặt Nhà nước ký kết với một hoặc nhiều nhà thầu, các nhà thầu này chịu rủi ro thăm dò để đổi lấy một phần sản lượng (Câu hỏi thường gặp 102). Khung pháp lý gồm Luật Dầu khí số 12/2022/QH15, được thông qua ngày 14 tháng 11 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 1 tháng 7 năm 2023, thay thế Luật Dầu khí năm 1993 và các luật sửa đổi, bổ sung, và Nghị định số 45/2023/NĐ-CP ngày 1 tháng 7 năm 2023, quy định chi tiết về lựa chọn nhà thầu, hợp đồng, an toàn, phê duyệt, ưu đãi, khai thác tận thu và quyết toán chi phí, kèm theo mẫu hợp đồng chia sản phẩm dầu khí và thủ tục kế toán (Câu hỏi thường gặp 101).

Luật quy định về điều tra cơ bản về dầu khí (các Điều từ 10 đến 14), lựa chọn nhà thầu (các Điều từ 15 đến 25), hợp đồng dầu khí (các Điều từ 26 đến 41), hoạt động dầu khí bao gồm phát triển mỏ và thu dọn công trình dầu khí (các Điều từ 42 đến 52), ưu đãi (các Điều từ 53 đến 55), kế toán và quyết toán chi phí (Điều 56 và Điều 57), quyền và nghĩa vụ của nhà thầu (Điều 58 và Điều 59), Petrovietnam (các Điều từ 60 đến 64) và quản lý nhà nước (Điều 65 và Điều 66). Điều 4 quy định Luật Dầu khí được ưu tiên áp dụng so với các luật khác đối với các vấn đề về dầu khí và cho phép các bên áp dụng pháp luật nước ngoài và thông lệ công nghiệp dầu khí quốc tế khi pháp luật Việt Nam không có quy định, với điều kiện hậu quả của việc áp dụng không trái với pháp luật Việt Nam. Thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế tài nguyên và thuế xuất khẩu được thu theo pháp luật về thuế nhưng có các quy định riêng đối với dầu khí, được trình bày tại mục Hợp đồng dầu khí và các điều khoản tài chính.

Thủ tướng Chính phủ và Bộ Công Thương

Theo Luật năm 2022, các quyết định có ý nghĩa nhất thuộc thẩm quyền của **Thủ tướng Chính phủ**: phê duyệt từng hợp đồng dầu khí (Điều 26), danh mục lô, mỏ dầu khí được hưởng ưu đãi đầu tư và ưu đãi đầu tư đặc biệt (khoản 3 Điều 53), phê duyệt việc chuyển nhượng quyền lợi tham gia thuộc diện phải phê duyệt (Điều 36), và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp cụ thể cho từng hợp đồng trong khoảng từ 25% đến 50% theo điểm a khoản 4 Điều 10 Luật số 67/2025/QH15. Thủ tướng Chính phủ cũng quyết định các trường hợp nằm ngoài giới hạn thông thường, chẳng hạn như thời hạn hợp đồng dài hơn vì lý do quốc phòng hoặc điều kiện địa chất phức tạp.

Bộ Công Thương là cơ quan quản lý nhà nước về dầu khí (Điều 65). Bộ phê duyệt danh mục lô và kế hoạch lựa chọn nhà thầu do Petrovietnam lập, thẩm định hợp đồng dầu khí trước khi trình Thủ tướng Chính phủ, cấp và điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà thầu (Điều 27), và phê duyệt kế hoạch đại cương phát triển mỏ, kế hoạch phát triển mỏ, kế hoạch khai thác sớm và kế hoạch thu dọn công trình dầu khí (các Điều từ 46 đến 50). Bộ thanh tra an toàn và giám sát việc tuân thủ. Nghị quyết số 66.6/2025/NQ-CP của Chính phủ đã phân cấp một số thẩm quyền phê duyệt của Bộ Công Thương cho Petrovietnam đến hết ngày 28 tháng 2 năm 2027, trong khuôn khổ chương trình tháo gỡ vướng mắc về thủ tục của Chính phủ, do đó trong thời gian này một số kế hoạch do PVN phê duyệt thay vì Bộ (Câu hỏi thường gặp 110).

Vai trò của Petrovietnam

Petrovietnam được đổi tên thành **Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam** theo Quyết định số 733/QĐ-TTg ngày 9 tháng 4 năm 2025, phản ánh việc mở rộng sang lĩnh vực điện và công nghiệp, nhưng vẫn được biết đến rộng rãi với tên gọi Petrovietnam hoặc PVN, và Luật Dầu khí quy định về Tập đoàn với tư cách riêng. Tập đoàn có hai vai trò. Với tư cách là bên ký kết hợp đồng thay mặt Nhà nước theo các Điều từ 60 đến 62 của Luật, Tập đoàn tổ chức điều tra cơ bản, lập danh mục lô và kế hoạch lựa chọn nhà thầu, đàm phán và ký kết mọi hợp đồng dầu khí, quản lý và giám sát nhà thầu, phê duyệt chương trình công tác và ngân sách hằng năm, kiểm toán và quyết toán chi phí dầu khí, nhận và bán phần sản lượng của Nhà nước khi hợp đồng có quy định, và quản lý quỹ bảo đảm nghĩa vụ thu dọn công trình dầu khí. Với tư cách là một tập đoàn kinh doanh, thông qua các công ty con như đơn vị thăm dò và khai thác, Tập đoàn cũng là nhà đầu tư có thể tham gia quyền lợi tham gia.

Hai vai trò này gặp nhau tại Điều 39, theo đó Petrovietnam có quyền tham gia hợp đồng sau khi có phát hiện thương mại, theo các điều kiện do hợp đồng quy định, và có **quyền ưu tiên mua** khi nhà thầu chuyển nhượng quyền lợi tham gia. Công ty dầu khí nước ngoài nên đồng thời coi PVN là cơ quan quản lý, đối tác và bên liên doanh tiềm năng, và nên đàm phán hợp đồng trên cơ sở đó. Luật số 10/2026/QH16 được kỳ vọng sẽ tách bạch rõ hơn các chức năng PVN thực hiện thay mặt Nhà nước với vai trò nhà đầu tư (Thu dọn công trình dầu khí, nội địa hóa và Luật Dầu khí năm 2027).

Lô dầu khí, diện tích mở và cách thức trao hợp đồng

Vùng biển của Việt Nam được chia thành các lô. Petrovietnam lập và cơ quan có thẩm quyền phê duyệt danh mục lô dầu khí có thể ký hợp đồng theo Chương III Nghị định số 45/2023/NĐ-CP, phân biệt lô mở với lô đã ký hợp đồng và xác định các lô thuộc danh mục lô dầu khí được hưởng chính sách ưu đãi đầu tư và ưu đãi đầu tư đặc biệt do Thủ tướng Chính phủ ban hành theo Điều 53 của Luật. Lô dầu khí được hưởng ưu đãi vì ở vùng nước sâu, xa bờ hoặc có điều kiện địa chất phức tạp, vì không thu hút được nhà thầu theo điều kiện thông thường, vì gồm diện tích hoàn trả hoặc mở cận biên, hoặc, đối với ưu đãi đặc biệt, vì nhằm đến dầu khí phi truyền thống hoặc không thu hút được nhà thầu theo điều kiện ưu đãi.

Nhà thầu được lựa chọn theo Điều 15 thông qua **đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế, chào thầu cạnh tranh** hoặc **chỉ định thầu**, theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được phê duyệt cho lô, và nhà thầu tham dự phải có năng lực tài chính, kỹ thuật và kinh nghiệm dầu khí theo yêu cầu hoặc tham dự trong liên danh đáp ứng các yêu cầu đó (Điều 16). Cả công ty Việt Nam và công ty nước ngoài đều có thể tham dự. Sau khi lựa chọn, Petrovietnam đàm phán hợp đồng, Bộ Công Thương thẩm định và Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; việc phê duyệt hợp đồng thay thế cho thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư, và sau đó Bộ Công Thương cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà thầu (Câu hỏi thường gặp 111). Trình tự chi tiết và các điều khoản của hợp đồng được trình bày tại mục Hợp đồng dầu khí và các điều khoản tài chính. Các lô mở, vòng đấu thầu và danh mục lô dầu khí được hưởng ưu đãi được công bố thông qua Bộ Công Thương và Petrovietnam (Câu hỏi thường gặp 115).

Những gì nhà thầu nước ngoài thiết lập tại Việt Nam

Công ty dầu khí nước ngoài không cần thành lập công ty Việt Nam để trở thành nhà thầu; công ty ký hợp đồng trực tiếp với Petrovietnam. Nếu là người điều hành, Điều 38 yêu cầu công ty thành lập **văn phòng điều hành** tại Việt Nam, đăng ký với cơ quan có thẩm quyền, có con dấu và tài khoản ngân hàng riêng,

thông qua đó tiến hành hoạt động dầu khí, tuyển dụng nhân sự và ký hợp đồng với nhà cung cấp. Các khoản góp tiền theo yêu cầu của nhà thầu được nộp vào tài khoản chung do người điều hành mở tại Việt Nam (khoản 9 Điều 59). Các bên không điều hành tham gia thông qua hợp đồng mà không cần hiện diện riêng, mặc dù nhiều bên thành lập văn phòng đại diện.

Nhà thầu được Bộ Công Thương cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho hợp đồng (Điều 27), được điều chỉnh khi hợp đồng hoặc nhóm nhà thầu thay đổi (Điều 28). Nhân sự nước ngoài của nhà thầu cần có giấy phép lao động, được người điều hành dầu khí xin cấp theo quy định thông thường (Giấy phép lao động cho nhân sự nước ngoài), và các khoản thanh toán cho nhà thầu phụ nước ngoài chịu thuế nhà thầu nước ngoài (Thuế nhà thầu nước ngoài và hiệp định thuế). Lợi nhuận và phần thu hồi chi phí được nhận bằng hiện vật hoặc bằng tiền theo hợp đồng và được chuyển ra nước ngoài theo quy định về quản lý ngoại hối (Chuyển lợi nhuận ra nước ngoài và hồi hương vốn).

Khái quát về trung nguồn và hạ nguồn

Luật Dầu khí điều chỉnh khâu thượng nguồn: điều tra, thăm dò, phát triển mỏ, khai thác và thu dọn công trình dầu khí, bao gồm cả việc vận chuyển dầu khí trong diện tích hợp đồng. Luật không điều chỉnh lọc dầu, hóa dầu, kho cảng nhập khẩu LNG, nhà máy xử lý khí nằm ngoài dự án phát triển mỏ, đường ống phục vụ thị trường trong nước hoặc nhà máy nhiệt điện khí. Đó là các dự án đầu tư thông thường. Dự án chế biến dầu khí thuộc các trường hợp tại Điều 24 Luật số 143/2025/QH15 phải được chấp thuận chủ trương đầu tư trước khi cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (Chấp thuận chủ trương đầu tư), và cần các phê duyệt về đất đai, môi trường, xây dựng và, đối với kho cảng, các phê duyệt về cảng biển và hàng hải.

Dự án điện khí và điện khí LNG còn cần giấy phép hoạt động điện lực và phải phù hợp với quy hoạch phát triển điện lực quốc gia theo Luật Điện lực số 61/2024/QH15, với Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) là bên mua chính và đơn vị vận hành lưới điện; Nghị quyết số 253/2025/QH15 của Quốc hội bổ sung các cơ chế đặc thù đối với dự án điện giai đoạn 2026 - 2030 (Câu hỏi thường gặp 93). Kinh doanh xăng dầu và khí trên thị trường trong nước là ngành, nghề kinh doanh có điều kiện do Bộ Công Thương quản lý. Mỗi liên hệ với khâu thượng nguồn là khoản 8 Điều 59 Luật Dầu khí, theo đó nhà thầu phải bán phần khí của mình thuộc các dự án phát triển khí, và dầu thô theo giá cạnh tranh quốc tế, tại thị trường Việt Nam khi Chính phủ yêu cầu; hợp đồng mua bán khí cho các nhà máy điện trong nước được đàm phán trong bối cảnh đó.

Khái quát về Luật Dầu khí mới

Luật Dầu khí số 10/2026/QH16 được thông qua tại kỳ họp bất thường lần thứ nhất của Quốc hội khóa XVI ngày 23 tháng 8 năm 2026, với 473/475 đại biểu biểu quyết tán thành, và có hiệu lực từ ngày 1 tháng 3 năm 2027, thay thế Luật số 12/2022/QH15. Luật gồm 12 chương và 62 điều và phần lớn kế thừa cấu trúc của Luật năm 2022. Theo thông tin công bố của Bộ Công Thương vào tháng 9 năm 2026, các thay đổi cốt lõi gồm: tăng cường phân cấp cho cơ quan quản lý nhà nước và ủy quyền cho Petrovietnam, với thủ tục được đơn giản hóa đi đôi với tăng cường thanh tra, kiểm tra; bổ sung ưu đãi đối với mỏ nhỏ, mỏ cận biên và dự án nước sâu, xa bờ; khuyến khích nâng cao hệ số thu hồi và khai thác tận thu; khung pháp lý về thu giữ và lưu trữ carbon, năng lượng ngoài khơi và hạ tầng dùng chung gắn với hoạt động dầu khí; hợp đồng linh hoạt hơn cho phép gia hạn và điều chỉnh cam kết công việc; và quy định về kế toán, kiểm toán và quyết toán chi phí phù hợp với thông lệ quốc tế. Các thẩm quyền liên quan đến quốc phòng, an ninh và sự kiện bất khả kháng vẫn thuộc các cơ quan có thẩm quyền.

Văn bản Luật, và nghị định mà Bộ Công Thương đang soạn thảo để có hiệu lực cùng ngày, sẽ quyết định những thẩm quyền phê duyệt nào được chuyển từ Thủ tướng Chính phủ sang Bộ Công Thương hoặc PVN và các hợp đồng hiện hữu được xử lý như thế nào. Những vấn đề này được phân tích, với sự thận trọng cần thiết, tại mục [Thu dọn công trình dầu khí, nội địa hóa và Luật Dầu khí năm 2027](#). Cho đến ngày 1 tháng 3 năm 2027, mọi hợp đồng, giao dịch chuyển nhượng và kế hoạch mới đều được điều chỉnh bởi Luật năm 2022 và Nghị định số 45/2023/NĐ-CP.

HƯỚNG DẪN RA QUYẾT ĐỊNH

Chế độ pháp lý nào điều chỉnh dự án?

Định hướng ban đầu cho nhà đầu tư trong lĩnh vực năng lượng. Câu trả lời được xác định bởi câu hỏi đầu tiên dẫn đến kết quả.

Q1 Dự án có liên quan đến thăm dò, phát triển hoặc khai thác dầu khí, hoặc thu dọn công trình dầu khí, tại một lô hoặc mỏ dầu khí của Việt Nam không?

Có Luật Dầu khí số 12/2022/QH15 (Luật số 10/2026/QH16 từ ngày 1 tháng 3 năm 2027). Hợp đồng dầu khí với Petrovietnam, được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư do Bộ Công Thương cấp; không phải thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư riêng.

Không Chuyển sang câu hỏi 2.

Q2 Dự án có phải là nhà máy lọc dầu, nhà máy hóa dầu, nhà máy xử lý khí, kho cảng LNG hoặc đường ống nằm ngoài dự án phát triển mỏ không?

Có Luật Đầu tư số 143/2025/QH15: dự án chế biến dầu khí phải được chấp thuận chủ trương đầu tư trước khi cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, cùng với các phê duyệt về đất đai, môi trường, xây dựng và, đối với kho cảng, hàng hải.

Không Chuyển sang câu hỏi 3.

Q3 Dự án có phải là nhà máy điện khí, điện khí LNG hoặc nhà máy điện khác không?

Có Pháp luật về đầu tư và Luật Điện lực số 61/2024/QH15: được đưa vào quy hoạch phát triển điện lực, giấy phép hoạt động điện lực, hợp đồng mua bán điện và, đối với nguồn cung khí, hợp đồng mua bán khí.

Không Chuyển sang câu hỏi 4.

Q4 Dự án có phải là cung cấp dịch vụ, thiết bị hoặc tàu cho người điều hành dầu khí không?

Có Dự án đầu tư thông thường hoặc hợp đồng dịch vụ xuyên biên giới; thuế nhà thầu nước ngoài áp dụng đối với nhà cung cấp ở nước ngoài, và người điều hành phải lựa chọn nhà cung cấp theo hình thức cạnh tranh và báo cáo PVN (khoản 12 Điều 59).

Không Nằm ngoài phạm vi chương này; xem khung pháp lý về đầu tư tại Chương 1.

Phân công vai trò ở khâu thương nguồn (tháng 10 năm 2026)

Cơ quan, tổ chức	Vai trò chính	Căn cứ
Thủ tướng Chính phủ	Phê duyệt hợp đồng, danh mục lô dầu khí được hưởng ưu đãi, việc chuyển nhượng quyền lợi tham gia thuộc diện phải phê duyệt và thuế suất thuế TNDN cho từng hợp đồng; các trường hợp đặc biệt	Luật số 12/2022/QH15, Điều 26, 36, 53; Luật số 67/2025/QH15, điểm a khoản 4 Điều 10
Bộ Công Thương	Quản lý nhà nước; thẩm định hợp đồng; cấp và điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; phê duyệt kế hoạch phát triển mỏ và kế hoạch thu dọn công trình dầu khí; thanh tra an toàn	Luật, Điều 27, 28, các Điều từ 46 đến 50, Điều 65
Tập đoàn Petrovietnam (PVN)	Ký kết và quản lý hợp đồng; phê duyệt chương trình công tác và ngân sách; kiểm toán chi phí; quản lý quỹ bảo đảm nghĩa vụ thu dọn công trình dầu khí; quyền tham gia và quyền ưu tiên mua	Luật, Điều 39, 51, các Điều từ 60 đến 64; Quyết định số 733/QĐ-TTg
Phân cấp cho PVN	Một số thẩm quyền phê duyệt của Bộ Công Thương được phân cấp cho PVN đến hết ngày 28 tháng 2 năm 2027	Nghị quyết số 66.6/2025/NQ-CP
Bộ Tài chính và Cục Thuế	Thuế TNDN, thuế tài nguyên, thuế xuất khẩu, phí bảo vệ môi trường; kiểm toán quyết toán chi phí cùng PVN	Pháp luật về thuế; Luật, Điều 56 và Điều 57
Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Đánh giá tác động môi trường của dự án phát triển mỏ; phối hợp với các cơ quan khác trong ứng phó sự cố tràn dầu	Luật số 72/2020/QH14
Nhà thầu và người điều hành	Thực hiện hợp đồng; văn phòng điều hành, tài khoản chung, báo cáo, nội địa hóa, thu dọn công trình dầu khí	Luật, Điều 38, 58, 59

VÍ DỤ MINH HỌA

Từ đề xuất lô dầu khí đến Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho người điều hành nước ngoài

Một công ty dầu khí độc lập châu Âu và một công ty thương mại Nhật Bản thành lập liên danh (tỷ lệ 60:40) để tham dự thầu một lô nước sâu được hưởng chính sách ưu đãi đầu tư được đưa ra trong vòng đấu thầu rộng rãi. Tiến độ chỉ mang tính minh họa và phụ thuộc vào cơ quan có thẩm quyền.

Tháng thứ 0	Danh mục lô bao gồm lô này được phê duyệt; PVN công bố vòng đấu thầu; mua hồ sơ mời thầu; xem xét phòng dữ liệu.
Tháng thứ 1 đến tháng thứ 5	Lập hồ sơ dự thầu liên danh trên cơ sở mẫu hợp đồng chia sản phẩm dầu khí: chương trình công tác (địa chấn 3D và hai giếng khoan thăm dò), đề xuất hoa hồng chữ ký, đề xuất tỷ lệ phân chia dầu lãi; nộp bảo đảm dự thầu (Điều 25).
Tháng thứ 6	Mở thầu; liên danh được xếp hạng thứ nhất theo tiêu chí lựa chọn (Điều 22); kết quả lựa chọn nhà thầu được phê duyệt (Điều 23).

Tháng thứ 7 đến tháng thứ 10	Đàm phán hợp đồng với PVN trên cơ sở các điều khoản mẫu; áp dụng điều kiện của lô dầu khí được hưởng chính sách ưu đãi đầu tư: thuế TNDN 32%, thuế xuất khẩu dầu thô 10%, mức trần thu hồi chi phí 70% (Điều 54).
Tháng thứ 11 đến tháng thứ 13	Bộ Công Thương thẩm định hợp đồng; Thủ tướng Chính phủ phê duyệt (Điều 26); ký hợp đồng với PVN.
Tháng thứ 14	Bộ Công Thương cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho các bên nhà thầu (Điều 27); người điều hành đăng ký văn phòng điều hành (Điều 38) và mở tài khoản chung.
Từ tháng thứ 14 trở đi	Giai đoạn tìm kiếm thăm dò tối đa 10 năm đối với lô dầu khí được hưởng chính sách ưu đãi đầu tư (Điều 31); chương trình công tác và ngân sách hằng năm do PVN phê duyệt.

Nếu là lô thông thường, giai đoạn tìm kiếm thăm dò tối đa 5 năm, hợp đồng tối đa 30 năm và mức trần thu hồi chi phí 50%, với thuế suất thuế TNDN do Thủ tướng Chính phủ ấn định trong khoảng từ 25% đến 50%.

Nếu hợp đồng được ký sau ngày 1 tháng 3 năm 2027, Luật số 10/2026/QH16 và nghị định hướng dẫn sẽ điều chỉnh trình tự phê duyệt, theo đó một số thẩm quyền có thể được chuyển từ Thủ tướng Chính phủ sang Bộ Công Thương hoặc PVN.

Câu hỏi nhà đầu tư thường gặp về khung pháp lý dầu khí

Cơ quan nào quản lý dầu khí tại Việt Nam?

Bộ Công Thương là cơ quan quản lý nhà nước theo Luật số 12/2022/QH15: Bộ thẩm định hợp đồng, cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà thầu và phê duyệt kế hoạch phát triển mỏ và kế hoạch thu dọn công trình dầu khí. Thủ tướng Chính phủ phê duyệt hợp đồng, danh mục lô dầu khí được hưởng ưu đãi và việc chuyển nhượng, và Petrovietnam thay mặt Nhà nước ký kết và quản lý mọi hợp đồng.

Hiện nay Petrovietnam có tên gọi là gì?

Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam, theo Quyết định số 733/QĐ-TTg ngày 9 tháng 4 năm 2025. Tập đoàn vẫn được biết đến rộng rãi với tên gọi Petrovietnam hoặc PVN. Các chức năng của Tập đoàn theo Luật Dầu khí, với tư cách là bên ký kết hợp đồng thay mặt Nhà nước và là bên liên doanh tiềm năng có quyền tham gia và quyền ưu tiên mua, không thay đổi do việc đổi tên.

Công ty dầu khí nước ngoài có cần thành lập công ty con tại Việt Nam không?

Không. Công ty ký hợp đồng trực tiếp với Petrovietnam theo hợp đồng dầu khí được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, và Bộ Công Thương cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. Nếu là người điều hành, Điều 38 yêu cầu thành lập văn phòng điều hành tại Việt Nam có con dấu và tài khoản ngân hàng riêng, và các nhà thầu cấp vốn cho hoạt động thông qua tài khoản chung mở tại Việt Nam.

Kho cảng LNG hoặc nhà máy điện khí có thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Dầu khí không?

Không. Lọc dầu, kho cảng LNG, xử lý khí ngoài phạm vi mỏ và nhà máy điện là các dự án đầu tư thông thường. Dự án chế biến dầu khí phải được chấp thuận chủ trương đầu tư theo Điều 24 Luật số 143/2025/QH15, và nhà máy điện còn phải được đưa vào quy hoạch phát triển điện lực và có giấy phép hoạt động điện lực theo Luật số 61/2024/QH15.

Khi nào Luật Dầu khí mới có hiệu lực?

Từ ngày 1 tháng 3 năm 2027. Luật số 10/2026/QH16 được thông qua ngày 23 tháng 8 năm 2026 và thay thế Luật số 12/2022/QH15. Luật phân cấp thẩm quyền phê duyệt cho cơ quan quản lý nhà nước và Petrovietnam và bổ sung ưu đãi đối với mỏ cận biên, mỏ nước sâu và xa bờ. Cho đến thời điểm đó, Luật năm 2022 và Nghị định số 45/2023/NĐ-CP vẫn được áp dụng.

THAY ĐỔI DỰ KIẾN NĂM 2027

- Luật số 10/2026/QH16 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 3 năm 2027 cùng với nghị định hướng dẫn mới mà Bộ Công Thương đã đưa ra dự thảo trong năm 2026; sự phân định thẩm quyền phê duyệt giữa Thủ tướng Chính phủ, Bộ Công Thương và PVN cần được kiểm tra trong văn bản chính thức.
- Việc phân cấp một số thẩm quyền phê duyệt của Bộ Công Thương cho PVN theo Nghị quyết số 66.6/2025/NQ-CP kéo dài đến hết ngày 28 tháng 2 năm 2027, một ngày trước khi Luật mới có hiệu lực, và dự kiến sẽ được thay thế bởi sự phân định thẩm quyền của chính Luật mới.
- Danh mục mới về lô dầu khí được hưởng chính sách ưu đãi đầu tư và ưu đãi đầu tư đặc biệt, và có thể cả các điều khoản hợp đồng mẫu mới, có thể được ban hành sau các ưu đãi bổ sung của Luật năm 2027 đối với mỏ cận biên, mỏ nước sâu và xa bờ.

Thuật ngữ thường gặp trong hồ sơ, tài liệu

Tiếng Anh	Tiếng Việt	Giải nghĩa
Petroleum Law	<i>Luật Dầu khí</i>	Luật số 12/2022/QH15, được thay thế bởi Luật số 10/2026/QH16 từ ngày 1 tháng 3 năm 2027.
Petroleum contract	<i>Hợp đồng dầu khí</i>	Hợp đồng giữa Petrovietnam và các nhà thầu để tiến hành hoạt động dầu khí.
Contractor	<i>Nhà thầu</i>	Công ty là một bên của hợp đồng dầu khí.
Operator	<i>Người điều hành</i>	Nhà thầu thay mặt nhóm nhà thầu tiến hành hoạt động dầu khí.
Operating office	<i>Văn phòng điều hành</i>	Văn phòng của người điều hành nước ngoài tại Việt Nam (Điều 38).
Block	<i>Lô dầu khí</i>	Diện tích xác định được đưa ra để tiến hành hoạt động dầu khí.

Tiếng Anh	Tiếng Việt	Giải nghĩa
Vietnam National Industry - Energy Group	Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam	Tên gọi hiện nay của Petrovietnam (PVN) kể từ tháng 4 năm 2025.
Basic petroleum survey	Điều tra cơ bản về dầu khí	Hoạt động điều tra khu vực do Nhà nước tổ chức ngoài phạm vi hợp đồng (các Điều từ 10 đến 14).

NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI VÀ NHÀ ĐẦU TƯ VIỆT NAM

Công ty Việt Nam và công ty nước ngoài tham dự thầu và ký hợp đồng theo cùng điều kiện, và phần lớn các hợp đồng đang khai thác kết hợp người điều hành nước ngoài với các công ty con của Petrovietnam. Sự khác biệt mang tính thực tiễn. Người điều hành nước ngoài phải thành lập văn phòng điều hành, nhân sự nước ngoài cần có giấy phép lao động, nhà cung cấp ở nước ngoài chịu thuế nhà thầu nước ngoài, và phần lợi nhuận được chuyển ra nước ngoài theo quy định về quản lý ngoại hối. Petrovietnam, với tư cách là tập đoàn nhà nước, có những quyền mà không bên tư nhân nào có: quyền tham gia sau khi có phát hiện thương mại và quyền ưu tiên mua khi chuyển nhượng.

LƯU Ý

- Chỉ coi Petrovietnam là đối tác thương mại; Tập đoàn còn là bên ký kết hợp đồng thay mặt Nhà nước, đơn vị kiểm toán chi phí và đơn vị quản lý quỹ bảo đảm nghĩa vụ thu dọn công trình dầu khí.
- Cho rằng nhà máy lọc dầu, kho cảng LNG hoặc nhà máy điện khí thuộc chế độ hợp đồng dầu khí; các dự án này cần chấp thuận chủ trương đầu tư và giấy phép chuyên ngành.
- Ký kết thỏa thuận nhận chuyển nhượng quyền lợi tham gia mà không tính đến việc Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chuyển nhượng và quyền ưu tiên mua của PVN.
- Dựa vào các thẩm quyền phê duyệt được phân cấp cho PVN theo Nghị quyết số 66.6/2025/NQ-CP sau ngày 28 tháng 2 năm 2027 mà không kiểm tra sự phân định thẩm quyền của Luật mới.
- Sử dụng tên gọi cũ hoặc Luật Dầu khí cũ trong hợp đồng và hồ sơ mới.

NGUỒN CHÍNH THỨC

- Cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản pháp luật (vbpl.vn): Luật Dầu khí số 12/2022/QH15; Nghị định số 45/2023/NĐ-CP; Luật số 10/2026/QH16 — <https://vbpl.vn>
- Bộ Công Thương (quản lý nhà nước về dầu khí; thông tin về Luật số 10/2026/QH16) — <https://moit.gov.vn>
- Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam (Petrovietnam) — <https://www.pvn.vn>
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ: Quyết định số 733/QĐ-TTg; Nghị quyết số 66.6/2025/NQ-CP — <https://chinhphu.vn>

Hợp đồng dầu khí và các điều khoản tài chính: hợp đồng chia sản phẩm dầu khí và các loại hợp đồng khác, mẫu hợp đồng chia sản phẩm dầu khí, lựa chọn nhà thầu, phê duyệt và Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, thời hạn hợp đồng và giai đoạn tìm kiếm thăm dò, mức trần thu hồi chi phí, dầu khí lãi, thuế thu nhập doanh nghiệp từ 25% đến 50%, thuế tài nguyên, thuế xuất khẩu và phí, lô dầu khí được hưởng chính sách ưu đãi đầu tư, chuyển nhượng quyền lợi tham gia và các quyền của Petrovietnam, kèm theo ví dụ minh họa cách tính dầu lãi

Rà soát ngày 10/10/2026 · Biên soạn bởi một luật sư chuyên về đầu tư nước ngoài (đã nghỉ hưu) với 20 năm kinh nghiệm hành nghề trong lĩnh vực pháp luật đầu tư Việt Nam · Thông tin pháp lý và thuế, không phải ý kiến tư vấn pháp lý · [Cách chúng tôi kiểm tra \(tiếng Anh\)](#) · [Mở trong ứng dụng](#)

NHỮNG ĐIỂM CẦN NHỚ

- Hợp đồng chia sản phẩm dầu khí là hình thức tiêu chuẩn, với hợp đồng mẫu kèm theo Nghị định số 45/2023/NĐ-CP; các loại hợp đồng khác được phép áp dụng theo các nội dung chính do Thủ tướng Chính phủ quyết định (Điều 29 Luật số 12/2022/QH15), và các thỏa thuận điều hành chung và hợp tác kinh doanh trước đây tiếp tục thực hiện theo điều khoản của chính các thỏa thuận đó.
- Nhà thầu được lựa chọn thông qua đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế, chào thầu cạnh tranh hoặc chỉ định thầu (Điều 15); Petrovietnam đàm phán, Bộ Công Thương thẩm định và Thủ tướng Chính phủ phê duyệt hợp đồng, thay thế cho thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư, và sau đó Bộ Công Thương cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (Điều 26 và Điều 27).
- Hợp đồng có thời hạn tối đa 30 năm với giai đoạn tìm kiếm thăm dò tối đa 5 năm, hoặc lần lượt 35 năm và 10 năm đối với lô dầu khí được hưởng chính sách ưu đãi đầu tư và ưu đãi đầu tư đặc biệt, mỗi thời hạn có thể được gia hạn tối đa 5 năm với sự chấp thuận của Bộ Công Thương (Điều 31).
- Mức thu hồi chi phí tối đa là 50% sản lượng hằng năm đối với lô thông thường, 70% đối với lô dầu khí được hưởng chính sách ưu đãi đầu tư và 80% đối với lô được hưởng ưu đãi đầu tư đặc biệt (Điều 33); phần còn lại sau thuế tài nguyên và dầu thu hồi chi phí là dầu khí lãi, được phân chia theo quy định của hợp đồng.
- Thuế TNDN đối với hoạt động dầu khí từ 25% đến 50%, do Thủ tướng Chính phủ ấn định cho từng hợp đồng (điểm a khoản 4 Điều 10 Luật số 67/2025/QH15); lô dầu khí được hưởng chính sách ưu đãi đầu tư chịu thuế TNDN 32% và thuế xuất khẩu dầu thô 10%, lô được hưởng ưu đãi đầu tư đặc biệt lần lượt là 25% và 5% (Điều 54); thuế tài nguyên đối với dầu thô bắt đầu ở mức 10% cho sản lượng đến 20.000 thùng/ngày (7% đối với dự án khuyến khích đầu tư) theo Nghị quyết số 1084/2015/UBTVQH13.

Các loại hợp đồng

Điều 29 Luật số 12/2022/QH15 quy định **hợp đồng chia sản phẩm dầu khí** (PSC) là hình thức tiêu chuẩn và cho phép áp dụng các loại hợp đồng dầu khí khác có nội dung chính do Thủ tướng Chính phủ quyết định. Theo hợp đồng chia sản phẩm dầu khí, nhà thầu cấp vốn và thực hiện thăm dò, phát triển và khai thác bằng rủi ro của mình; nếu có sản lượng, nhà thầu thu hồi chi phí từ một phần sản lượng có giới hạn và phân chia phần còn lại, tức dầu khí lãi, với bên Nhà nước là Petrovietnam theo tỷ lệ đã thỏa thuận. Nếu không có phát hiện thương mại, nhà thầu chịu thiệt hại ([Câu hỏi thường gặp 111](#)).

Theo Luật Dầu khí năm 1993, hợp đồng còn được ký kết dưới hình thức liên doanh và thỏa thuận điều hành chung, trong đó các công ty con của Petrovietnam nắm giữ quyền lợi tham gia cùng với nhà thầu nước ngoài, và một số thỏa thuận ban đầu có hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh. Một số mỏ lớn đang khai thác vẫn được điều chỉnh bởi các hợp đồng như vậy, tiếp tục thực hiện theo điều khoản của chính các hợp đồng đó theo quy định chuyển tiếp của Luật năm 2022. Trên thực tế, hợp đồng mới là hợp đồng chia sản phẩm dầu khí theo các điều khoản mẫu, và Petrovietnam hoặc công ty con thăm dò khai thác của Tập đoàn thường tham gia với tư cách một bên nhà thầu sau khi có phát hiện thương mại theo Điều 39.

Mẫu hợp đồng chia sản phẩm dầu khí

Nghị định số 45/2023/NĐ-CP kèm theo **mẫu hợp đồng chia sản phẩm dầu khí** và, tại Phụ lục B, thủ tục kế toán của hợp đồng. Điều 30 của Luật liệt kê các nội dung chính mà mọi hợp đồng phải có, bao gồm các bên, diện tích hợp đồng và việc hoàn trả diện tích, chương trình công tác và cam kết tài chính tối thiểu, thời hạn và các giai đoạn, thu hồi chi phí và phân chia dầu khí lãi, quyền và nghĩa vụ của các bên, cam kết về đào tạo, quỹ nghiên cứu khoa học và ưu tiên sử dụng lao động, dịch vụ Việt Nam (Câu hỏi thường gặp 114), thu dọn công trình dầu khí, giải quyết tranh chấp và pháp luật áp dụng, là pháp luật Việt Nam. Điều 34 quy định ngôn ngữ của hợp đồng là tiếng Việt và một tiếng nước ngoài được thỏa thuận, thường là tiếng Anh, có giá trị pháp lý như nhau.

Hợp đồng mẫu là điểm xuất phát chứ không phải văn bản cố định. Nhà thầu tham dự cạnh tranh về các biến số mà hồ sơ mời thầu để ngỏ, thường là chương trình công tác, tỷ lệ phân chia dầu khí lãi, các khoản hoa hồng nếu hồ sơ mời thầu có quy định và các cam kết về đào tạo và nghiên cứu, và hợp đồng được đàm phán có thể khác với hợp đồng mẫu trong phạm vi pháp luật cho phép. Vì Điều 4 cho phép áp dụng thông lệ công nghiệp dầu khí quốc tế để bổ sung những nội dung mà pháp luật Việt Nam không quy định và không trái với pháp luật Việt Nam, các quy định của chính hợp đồng về điều hành chung, kế toán và hoạt động độc lập chịu rủi ro có tầm quan trọng thực sự.

Lựa chọn nhà thầu

Chương III của Luật và Chương III Nghị định số 45/2023/NĐ-CP điều chỉnh việc lựa chọn nhà thầu. Điều 15 quy định bốn hình thức. **Đấu thầu rộng rãi** là hình thức mặc định đối với lô mở. **Đấu thầu hạn chế** mời một số lượng hạn chế các công ty đủ năng lực trong các trường hợp Điều 19 cho phép. **Chào thầu cạnh tranh** được áp dụng khi lô không nằm trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu hiện hành và có ít nhất hai công ty đủ năng lực đề xuất ký hợp đồng đối với lô đó (Điều 20). **Chỉ định thầu** được Điều 21 dành cho ba trường hợp: lô liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia; lô chỉ có một công ty đủ năng lực đề xuất ký hợp đồng sau khi thông báo công khai 30 ngày mà không có công ty nào khác quan tâm; và đề xuất của nhà thầu hiện hữu về đầu tư bổ sung tại diện tích hợp đồng của mình theo hợp đồng mới sau khi hợp đồng hiện tại hết hạn. Đấu thầu rộng rãi và đấu thầu hạn chế được thực hiện theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được phê duyệt cho lô (Điều 17).

Nhà thầu tham dự phải có năng lực tài chính, năng lực kỹ thuật và kinh nghiệm trong hoạt động dầu khí theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu, hoặc tham dự trong liên danh cùng đáp ứng các yêu cầu đó (Điều 16), và phải nộp bảo đảm dự thầu (Điều 25). Hồ sơ dự thầu được đánh giá theo tiêu chí và phương pháp tại Điều 22, và kết quả lựa chọn nhà thầu được phê duyệt theo Điều 23. Công ty Việt Nam và công ty nước ngoài tham dự thầu theo cùng điều kiện. Nhà thầu trúng thầu sau đó đàm phán hợp đồng với Petrovietnam trên cơ sở hồ sơ dự thầu và hợp đồng mẫu.

Phê duyệt, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và sửa đổi hợp đồng

Sau khi được đàm phán, hợp đồng được Bộ Công Thương thẩm định và **Thủ tướng Chính phủ** phê duyệt theo Điều 26; việc phê duyệt hợp đồng thay thế cho thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư theo pháp luật về đầu tư. Hợp đồng được ký sau khi được phê duyệt, và sau đó Bộ Công Thương cấp **Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư** cho các nhà thầu theo Điều 27. Việc thay đổi hợp đồng hoặc nhóm nhà thầu được thực hiện bằng văn bản sửa đổi, được phê duyệt theo cùng trình tự khi pháp luật yêu cầu, và được phản

ánh trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh (Điều 28). Tranh chấp được giải quyết bằng thương lượng và sau đó tại trọng tài hoặc Tòa án được chỉ định trong hợp đồng (Điều 37), đối với hợp đồng có bên nước ngoài thường là trọng tài quốc tế (Trọng tài nước ngoài và thi hành phán quyết).

Thời hạn, giai đoạn tìm kiếm thăm dò và hoàn trả diện tích

Điều 31 quy định thời hạn tối đa của hợp đồng dầu khí là **30 năm**, trong đó giai đoạn tìm kiếm thăm dò không quá **5 năm**; đối với lô thuộc danh mục lô dầu khí được hưởng chính sách ưu đãi đầu tư và ưu đãi đầu tư đặc biệt do Thủ tướng Chính phủ ban hành, các giới hạn này là **35 năm** và **10 năm**. Với sự chấp thuận của Bộ Công Thương, hợp đồng và giai đoạn tìm kiếm thăm dò đều có thể được gia hạn tối đa 5 năm, và Thủ tướng Chính phủ có thể cho phép thời hạn dài hơn trong các trường hợp đặc biệt như yêu cầu quốc phòng hoặc điều kiện địa chất phức tạp. Phát hiện khí không thể phát triển do chưa có thị trường hoặc đường ống có thể được giữ lại tối đa 5 năm, có thể gia hạn thêm 2 năm, trước khi phải được phát triển hoặc hoàn trả (Câu hỏi thường gặp 112).

Điều 32 điều chỉnh diện tích hợp đồng: nhà thầu hoàn trả diện tích khi kết thúc mỗi giai đoạn tìm kiếm thăm dò theo quy định của hợp đồng, có thể mở rộng diện tích trong các trường hợp xác định, và có thể hợp nhất các phát hiện và mỏ nằm trên nhiều lô. Ít nhất hai năm trước khi hợp đồng hết hạn, nhà thầu có thể đề xuất đầu tư bổ sung và ký hợp đồng mới đối với diện tích đó (Điều 40); nếu không thỏa thuận được hợp đồng mới, Petrovietnam hoặc tổ chức khác được chỉ định tiếp nhận các mỏ khi hợp đồng hết hạn (Điều 41).

Thu hồi chi phí và dầu khí lãi

Sản lượng của mỗi năm trước hết được dùng để nộp các khoản thu của Nhà nước tính trên sản lượng, sau đó để thu hồi chi phí, và phần còn lại là dầu khí lãi. Điều 33 giới hạn phần sản lượng hằng năm được dùng để thu hồi chi phí ở mức **50%** đối với lô thông thường, **70%** đối với lô dầu khí được hưởng chính sách ưu đãi đầu tư và **80%** đối với lô được hưởng ưu đãi đầu tư đặc biệt (Câu hỏi thường gặp 113). Chi phí vượt mức trần trong một năm được chuyển sang các năm sau theo thủ tục kế toán của hợp đồng. Chi phí nào được thu hồi, chi phí được phân bổ như thế nào giữa thăm dò, phát triển và khai thác, và được kiểm toán ra sao do hợp đồng, thủ tục kế toán tại Phụ lục B Nghị định số 45/2023/NĐ-CP và các quy định về quyết toán chi phí tại Điều 56 và Điều 57 của Luật và Điều 62 của Nghị định quy định; Petrovietnam kiểm toán và quyết toán chi phí.

Dầu khí lãi được phân chia giữa các nhà thầu và Petrovietnam theo tỷ lệ do hợp đồng quy định. Tỷ lệ phân chia thường được xác định theo thang lũy tiến, theo đó phần của Nhà nước tăng lên khi sản lượng ngày tăng, và các tỷ lệ phần trăm này là một biến số chính trong hồ sơ dự thầu. Luật không quy định tỷ lệ phân chia cụ thể. Phần của Petrovietnam thuộc về bên Nhà nước; phần của các nhà thầu, cùng với dầu thu hồi chi phí, là phần được hưởng của nhà thầu, được nhà thầu nhận và bán hoặc, khi Chính phủ yêu cầu, bán tại Việt Nam (khoản 8 Điều 59).

Số thu của Nhà nước

Phần được hưởng của các nhà thầu sau đó phải chịu thuế. **Thuế thu nhập doanh nghiệp** đối với hoạt động tìm kiếm, thăm dò, khai thác dầu khí được tính theo thuế suất từ 25% đến 50% theo điểm a khoản 4 Điều 10 Luật số 67/2025/QH15, với thuế suất cụ thể cho từng hợp đồng do Thủ tướng Chính phủ quyết

định căn cứ vào vị trí, điều kiện khai thác và trữ lượng (Câu hỏi thường gặp 21). Mỗi hợp đồng được tính thuế riêng, do đó lỗ của hợp đồng này không được bù trừ với lợi nhuận của hợp đồng khác. **Thuế tài nguyên** được thu trên sản lượng theo thuế suất lũy tiến từng phần theo sản lượng khai thác bình quân ngày theo Nghị quyết số 1084/2015/UBTVQH13: đối với dầu thô, 10% cho sản lượng đến 20.000 thùng/ngày, tăng dần qua các mức 12%, 14%, 19% và 24% đến 29% cho sản lượng trên 150.000 thùng/ngày, và đối với dự án khuyến khích đầu tư từ 7% tăng đến 23%; đối với khí thiên nhiên, 2% cho sản lượng đến 5 triệu m³/ngày, 5% cho sản lượng đến 10 triệu m³/ngày và 10% cho phần trên mức đó, hoặc lần lượt 1%, 3% và 6% đối với dự án khuyến khích đầu tư. Trên thực tế, thuế tài nguyên thường được nộp bằng hiện vật từ sản lượng trước khi thu hồi chi phí.

Thuế xuất khẩu được tính đối với dầu thô xuất khẩu theo Biểu thuế xuất khẩu tại Nghị định số 26/2023/NĐ-CP đã được sửa đổi, ở mức 10% đối với lô dầu khí được hưởng chính sách ưu đãi đầu tư và 5% đối với lô được hưởng ưu đãi đầu tư đặc biệt theo Điều 54 Luật Dầu khí. **Phí bảo vệ môi trường** ở mức 100.000 đồng/tấn dầu thô và 50 đồng/m³ khí được áp dụng theo Nghị định số 27/2023/NĐ-CP. **Các khoản hoa hồng** và các khoản thanh toán khác cho Petrovietnam, như hoa hồng chữ ký, hoa hồng phát hiện hoặc hoa hồng sản xuất và phí sử dụng tài liệu, phải trả khi hồ sơ mời thầu và hợp đồng có quy định. Các khoản thanh toán cho nhà thầu phụ nước ngoài chịu thuế nhà thầu nước ngoài (Thuế nhà thầu nước ngoài và hiệp định thuế).

Lô dầu khí được hưởng chính sách ưu đãi đầu tư

Điều 53 quy định tiêu chí đối với hai cấp độ ưu đãi và Điều 54 quy định các điều kiện ưu đãi. Lô hoặc mỏ dầu khí được hưởng **ưu đãi đầu tư** nếu, trong số các trường hợp khác, nằm ở vùng nước sâu, xa bờ hoặc khu vực có điều kiện địa lý đặc biệt khó khăn hoặc địa chất phức tạp; đã được đưa ra theo điều kiện hợp đồng chia sản phẩm dầu khí thông thường mà không có nhà thầu tham dự; được hình thành từ diện tích hoàn trả; là mỏ cận biên; không thể đạt hiệu quả tối thiểu khi kết thúc hợp đồng thông thường; hoặc nhằm đến các đối tượng dầu khí mới chưa được thăm dò. Lô hoặc mỏ được hưởng **ưu đãi đầu tư đặc biệt** nếu đã được đưa ra theo điều kiện ưu đãi mà không có nhà thầu tham dự, được hình thành từ diện tích hoàn trả theo hợp đồng ưu đãi, là mỏ cận biên tại lô được hưởng ưu đãi, không thể đạt hiệu quả tối thiểu khi kết thúc hợp đồng ưu đãi, hoặc nhằm đến **dầu khí phi truyền thống**. Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục (khoản 3 Điều 53).

Lô dầu khí được hưởng chính sách ưu đãi đầu tư chịu **thuế TNDN 32%**, **thuế xuất khẩu dầu thô 10%** và được thu hồi chi phí đến **70%** sản lượng hằng năm; lô được hưởng ưu đãi đầu tư đặc biệt chịu **thuế TNDN 25%**, **thuế xuất khẩu dầu thô 5%** và được thu hồi chi phí đến **80%** (Điều 54). Các lô này còn được hưởng thời hạn hợp đồng dài hơn là 35 năm và giai đoạn tìm kiếm thăm dò 10 năm theo Điều 31. Điều 56 và Điều 57 Nghị định số 45/2023/NĐ-CP hướng dẫn các ưu đãi này, và Điều 55 của Luật cùng các Điều từ 58 đến 61 của Nghị định bổ sung một cơ chế riêng đối với khai thác tận thu các mỏ, cụm mỏ và lô dầu khí khi kết thúc hợp đồng.

Chuyển nhượng, thay đổi quyền kiểm soát và các quyền của Petrovietnam

Theo Điều 36, nhà thầu có thể chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần quyền lợi tham gia và các quyền, nghĩa vụ của mình theo hợp đồng, với điều kiện bên nhận chuyển nhượng cam kết kế thừa các quyền và nghĩa vụ của bên chuyển nhượng, cả hai bên đáp ứng yêu cầu của pháp luật, và bên chuyển nhượng nộp các khoản thuế, phí và lệ phí phát sinh từ việc chuyển nhượng. Việc chuyển nhượng được **Thủ tướng Chính phủ** phê duyệt trên cơ sở thẩm định của Bộ Công Thương và có hiệu lực thông qua Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh. Petrovietnam có **quyền ưu tiên mua** đối với việc chuyển nhượng theo Điều 39, và quyền tham gia sau khi có phát hiện thương mại của Tập đoàn có thể đã được thực hiện (Câu hỏi thường gặp 110). Khoản 5 Điều 59 yêu cầu nhà thầu báo cáo cơ quan có thẩm quyền và PVN khi việc chuyển nhượng quyền lợi làm thay đổi chủ sở hữu của nhà thầu, qua đó đưa việc thay đổi gián tiếp quyền kiểm soát vào phạm vi chế độ báo cáo.

Do đó, thỏa thuận nhận chuyển nhượng quyền lợi tham gia cần quy định điều kiện là có sự phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ, PVN từ bỏ hoặc hết thời hạn thực hiện quyền ưu tiên mua và Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh được cấp, đồng thời cần phân bổ nghĩa vụ thuế phát sinh từ việc chuyển nhượng. Thu nhập của bên chuyển nhượng nước ngoài chịu thuế theo quy định về thuế TNDN đối với chuyển nhượng vốn và chuyển nhượng quyền tham gia dự án, và cơ chế kê khai, nộp thuế cần được thống nhất trong thỏa thuận (Thuế đối với chuyển nhượng cổ phần và cổ tức).

Từ hồ sơ dự thầu đến hợp đồng chia sản phẩm dầu khí được ký kết

- 1 Xem xét lô dầu khí và hồ sơ mời thầu**
Phòng dữ liệu, tình trạng ưu đãi của lô, hình thức lựa chọn nhà thầu và các biến số được mở để chào thầu.
- 2 Thành lập liên danh**
Thống nhất thỏa thuận dự thầu và các nguyên tắc điều hành chung; xác nhận liên danh đáp ứng các tiêu chí về năng lực và kinh nghiệm (Điều 16).
- 3 Nộp hồ sơ dự thầu kèm bảo đảm dự thầu**
Chương trình công tác, tỷ lệ phân chia dầu khí lãi, các khoản hoa hồng nếu có, cam kết về đào tạo và nghiên cứu; bảo đảm dự thầu theo Điều 25.
- 4 Đề nghị phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu**
Đánh giá theo Điều 22; phê duyệt kết quả theo Điều 23.
- 5 Đàm phán hợp đồng với Petrovietnam**
Trên cơ sở mẫu hợp đồng chia sản phẩm dầu khí và thủ tục kế toán tại Nghị định số 45/2023/NĐ-CP; thống nhất các điều khoản về giải quyết tranh chấp và pháp luật áp dụng.

6 Thẩm định và phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ

Bộ Công Thương thẩm định; Thủ tướng Chính phủ phê duyệt hợp đồng, thay thế cho thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư (Điều 26), và ấn định thuế suất thuế TNDN trong khoảng từ 25% đến 50% đối với lô thông thường.

7 Ký hợp đồng, nhận Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và thiết lập hoạt động

Ký hợp đồng với PVN; Bộ Công Thương cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (Điều 27); người điều hành đăng ký văn phòng điều hành và mở tài khoản chung (Điều 38).

Điều khoản tài chính và hợp đồng theo loại lô (Luật số 12/2022/QH15)

Điều khoản	Lô thông thường	Lô được hưởng ưu đãi đầu tư	Lô được hưởng ưu đãi đầu tư đặc biệt
Thời hạn hợp đồng tối đa	30 năm	35 năm	35 năm
Giai đoạn tìm kiếm thăm dò tối đa	5 năm	10 năm	10 năm
Gia hạn (Bộ Công Thương chấp thuận)	Tối đa 5 năm cho mỗi thời hạn hợp đồng và giai đoạn tìm kiếm thăm dò	Như trên	Như trên
Mức trần thu hồi chi phí	50% sản lượng hằng năm	70%	80%
Thuế TNDN	Từ 25% đến 50%, do Thủ tướng Chính phủ ấn định cho từng hợp đồng	32%	25%
Thuế xuất khẩu dầu thô	Biểu thuế xuất khẩu, Nghị định số 26/2023/NĐ-CP đã được sửa đổi	10%	5%
Thuế tài nguyên đối với dầu thô	Từ 10% đến 29% theo sản lượng ngày (từ 7% đến 23% đối với dự án khuyến khích đầu tư)	Theo loại dự án	Theo loại dự án
Phí bảo vệ môi trường	100.000 đồng/tấn dầu thô; 50 đồng/m ³ khí	Như trên	Như trên
Căn cứ	Điều 31 và Điều 33	Điều 31, 33, 53 và 54	Điều 31, 33, 53 và 54

VÍ DỤ MINH HỌA

Ví dụ minh họa cách tính đầu lãi đối với mỏ dầu tại lô được hưởng ưu đãi đầu tư

Một nhóm nhà thầu nắm giữ 100% quyền lợi tham gia tại một lô dầu khí được hưởng chính sách ưu đãi đầu tư có sản lượng bình quân 20.000 thùng dầu thô/ngày, toàn bộ được xuất khẩu, trong một năm có giá bán thực tế là 70 USD/thùng và chi phí được thu hồi là 260 triệu USD. Hợp đồng quy định nhà thầu được

hưởng 50% dầu lãi ở mức sản lượng này. Thuế tài nguyên được giả định nộp bằng hiện vật theo thuế suất 7% áp dụng cho dự án khuyến khích đầu tư, và tỷ giá được giả định là 26.000 đồng/USD. Thử tự tính toán được đơn giản hóa và các số liệu chỉ mang tính minh họa, không phải là bảng tính thuế.

Tổng giá trị sản lượng	$20.000 \times 365 = 7,3$ triệu thùng $\times 70$ USD = 511,0 triệu USD.
Thuế tài nguyên (7%)	35,8 triệu USD, được trích trước.
Dầu thu hồi chi phí	Mức trần: $70\% \times 511,0$ triệu USD = 357,7 triệu USD; chi phí được thu hồi 260,0 triệu USD thấp hơn mức trần và được thu hồi toàn bộ.
Dầu lãi	$511,0 - 35,8 - 260,0 = 215,2$ triệu USD; nhà thầu 50% = 107,6 triệu USD; Petrovietnam 50% = 107,6 triệu USD.
Phần được hưởng của nhà thầu	Dầu thu hồi chi phí 260,0 + dầu lãi 107,6 = 367,6 triệu USD.
Thuế xuất khẩu (10%)	$10\% \times 367,6$ triệu USD = 36,8 triệu USD.
Thuế TNDN (32%)	Thu nhập tính thuế được giả định là $367,6 - 260,0 - 36,8 = 70,8$ triệu USD; thuế TNDN khoảng 22,7 triệu USD.
Phí bảo vệ môi trường	Khoảng 1,0 triệu tấn $\times 100.000$ đồng = 100 tỷ đồng, khoảng 3,8 triệu USD.
Dòng tiền thuần của nhà thầu sau chi phí	$367,6 - 260,0 - 36,8 - 22,7 - 3,8 =$ khoảng 44,3 triệu USD.
Tổng số thu của Nhà nước	$35,8 + 107,6 + 36,8 + 22,7 + 3,8 =$ khoảng 206,7 triệu USD, tương đương khoảng 82% của 251,0 triệu USD còn lại sau chi phí.

Nếu là lô thông thường, mức trần 50% (255,5 triệu USD) sẽ giới hạn dầu thu hồi chi phí ở mức đó và 4,5 triệu USD chi phí được chuyển sang năm sau, thuế tài nguyên sẽ là 10% trừ khi dự án thuộc diện khuyến khích đầu tư, và thuế suất thuế TNDN sẽ do Thủ tướng Chính phủ ấn định trong khoảng từ 25% đến 50%.

Nếu công ty con của Petrovietnam nhận 20% quyền lợi tham gia sau khi có phát hiện, công ty đó cũng sẽ nhận 20% phần được hưởng của nhà thầu và chịu 20% chi phí.

Câu hỏi nhà đầu tư thường gặp về hợp đồng dầu khí và các điều khoản tài chính

Việt Nam sử dụng loại hợp đồng nào đối với dầu khí?

Hợp đồng chia sản phẩm dầu khí là hình thức tiêu chuẩn theo Điều 29 Luật số 12/2022/QH15, theo mẫu kèm theo Nghị định số 45/2023/NĐ-CP. Nhà thầu cấp vốn cho hoạt động bằng rủi ro của mình, thu hồi chi phí từ một phần sản lượng có giới hạn và phân chia dầu khí lãi với Petrovietnam. Các hình thức khác được phép áp dụng theo các nội dung chính do Thủ tướng Chính phủ quyết định.

Nhà thầu được sử dụng bao nhiêu phần sản lượng để thu hồi chi phí?

Tối đa 50% sản lượng hàng năm đối với lô thông thường, 70% đối với lô dầu khí được hưởng chính sách ưu đãi đầu tư và 80% đối với lô được hưởng ưu đãi đầu tư đặc biệt, theo Điều 33 Luật Dầu khí. Chi phí vượt mức trần được chuyển sang các năm sau theo thủ tục kế toán của hợp đồng, và Petrovietnam kiểm toán và quyết toán chi phí được thu hồi.

Thuế thu nhập doanh nghiệp nào áp dụng đối với dầu khí tại Việt Nam?

Từ 25% đến 50%, do Thủ tướng Chính phủ ấn định cho từng hợp đồng dầu khí theo điểm a khoản 4 Điều 10 Luật số 67/2025/QH15, căn cứ vào vị trí, điều kiện khai thác và trữ lượng. Lô dầu khí được hưởng chính sách ưu đãi đầu tư chịu thuế suất 32% và lô được hưởng ưu đãi đầu tư đặc biệt chịu thuế suất 25% theo Điều 54 Luật Dầu khí. Mỗi hợp đồng được tính thuế riêng.

Hợp đồng dầu khí có thời hạn bao lâu?

Tối đa 30 năm với giai đoạn tìm kiếm thăm dò tối đa 5 năm, hoặc lần lượt 35 năm và 10 năm đối với lô dầu khí được hưởng chính sách ưu đãi đầu tư và ưu đãi đầu tư đặc biệt, theo Điều 31 Luật số 12/2022/QH15. Mỗi thời hạn có thể được gia hạn tối đa 5 năm với sự chấp thuận của Bộ Công Thương, và ít nhất hai năm trước khi hết hạn, nhà thầu có thể đề xuất ký hợp đồng mới.

Nhà thầu có thể bán quyền lợi tham gia của mình không?

Có, với sự phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở thẩm định của Bộ Công Thương và Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh, với điều kiện bên mua kế thừa các nghĩa vụ của bên bán và cả hai bên đáp ứng yêu cầu của pháp luật, theo Điều 36. Petrovietnam có quyền ưu tiên mua theo Điều 39, và bên bán phải nộp thuế phát sinh từ việc chuyển nhượng.

THAY ĐỔI DỰ KIẾN NĂM 2027

- Luật số 10/2026/QH16, có hiệu lực từ ngày 1 tháng 3 năm 2027, theo thông tin hiện có sẽ làm cho hợp đồng linh hoạt hơn, cho phép gia hạn thời hạn hợp đồng và điều chỉnh cam kết công việc, đồng thời bổ sung ưu đãi đối với mỏ nhỏ, mỏ cận biên, mỏ nước sâu và xa bờ; các điều khoản cụ thể sẽ được quy định trong văn bản Luật và nghị định hướng dẫn.
- Theo thông tin hiện có, Luật mới sẽ chuyển một số thẩm quyền phê duyệt khỏi Thủ tướng Chính phủ; các hợp đồng và giao dịch chuyển nhượng được phê duyệt sau ngày 1 tháng 3 năm 2027 cần được lập kế hoạch theo sự phân định thẩm quyền cuối cùng.
- Mẫu hợp đồng sửa đổi có thể được ban hành sau Luật mới và nghị định hướng dẫn; nhà thầu tham dự các vòng đấu thầu được tổ chức trong năm 2027 cần kiểm tra mẫu hợp đồng nào được áp dụng.

Thuật ngữ thường gặp trong hồ sơ, tài liệu

Tiếng Anh	Tiếng Việt	Giải nghĩa
Production sharing contract (PSC)	Hợp đồng chia sản phẩm dầu khí	Hợp đồng dầu khí tiêu chuẩn theo Điều 29.

Tiếng Anh	Tiếng Việt	Giải nghĩa
Cost oil	<i>Dầu thu hồi chi phí</i>	Phần sản lượng được dùng để thu hồi chi phí, trong giới hạn mức trần tại Điều 33.
Profit oil	<i>Dầu lãi</i>	Sản lượng còn lại sau thuế tài nguyên và dầu thu hồi chi phí, được phân chia với Petrovietnam.
Participating interest	<i>Quyền lợi tham gia</i>	Tỷ lệ phần trăm quyền và nghĩa vụ của một nhà thầu theo hợp đồng.
Direct appointment	<i>Chỉ định thầu</i>	Việc lựa chọn nhà thầu không qua cạnh tranh, trong các trường hợp xác định (Điều 21).
Competitive offer	<i>Chào thầu cạnh tranh</i>	Hình thức lựa chọn cạnh tranh nhanh hơn (Điều 20).
Incentivised block	<i>Lô dầu khí được hưởng chính sách ưu đãi đầu tư</i>	Lô thuộc danh mục do Thủ tướng Chính phủ ban hành theo Điều 53.
Pre-emption right	<i>Quyền ưu tiên mua</i>	Quyền của Petrovietnam được mua quyền lợi đang được chuyển nhượng (Điều 39).

NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI VÀ NHÀ ĐẦU TƯ VIỆT NAM

Nhà thầu nước ngoài và nhà thầu Việt Nam ký cùng một hợp đồng mẫu và chịu cùng các điều khoản tài chính. Sự khác biệt nằm ở các vấn đề bên lề: Petrovietnam và các công ty con có quyền tham gia và quyền ưu tiên mua mà nhà thầu tư nhân không có; người điều hành nước ngoài phải thành lập văn phòng điều hành; nhà cung cấp ở nước ngoài chịu thuế nhà thầu nước ngoài; và lợi nhuận của nhà thầu nước ngoài được chuyển ra khỏi Việt Nam theo quy định về quản lý ngoại hối. Tranh chấp với nhà thầu nước ngoài thường được giải quyết bằng trọng tài quốc tế theo Điều 37.

LƯU Ý

- Giá định thuế suất thuế TNDN đối với lô thông thường trước khi Thủ tướng Chính phủ ấn định; cần lập mô hình theo khoảng từ 25% đến 50%.
- Bỏ qua thuế tài nguyên, vốn được tính trên sản lượng trước khi thu hồi chi phí và tăng theo sản lượng ngày.
- Chi phí vượt mức trần thu hồi chi phí, vốn được chuyển sang năm sau chứ không bị mất nhưng làm chậm thời gian hoàn vốn, đặc biệt ở mức 50% đối với lô thông thường.
- Thỏa thuận nhận chuyển nhượng quyền lợi tham gia được hoàn tất trước khi có phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ, trước khi quyền ưu tiên mua của PVN hết hiệu lực và trước khi có Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh.
- Thay đổi gián tiếp quyền kiểm soát ở cấp trên nhà thầu, phải được báo cáo theo khoản 5 Điều 59 và có thể phát sinh nghĩa vụ thuế.

NGUỒN CHÍNH THỨC

- Cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản pháp luật (vbpl.vn): Luật số 12/2022/QH15, các Điều từ 15 đến 41 và từ 53 đến 57; Nghị định số 45/2023/NĐ-CP và mẫu hợp đồng chia sản phẩm dầu khí kèm theo — <https://vbpl.vn>
- Cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản pháp luật (vbpl.vn): Luật số 67/2025/QH15, khoản 4 Điều 10; Nghị quyết số 1084/2015/UBTVQH13 — <https://vbpl.vn>
- Bộ Công Thương (thẩm định hợp đồng, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, kế hoạch phát triển mỏ) — <https://moit.gov.vn>
- Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam (Petrovietnam): các vòng đấu thầu và lô mở — <https://www.pvn.vn>

Thu dọn công trình dầu khí, nội địa hóa và Luật Dầu khí năm 2027: kế hoạch và quỹ bảo đảm nghĩa vụ thu dọn công trình dầu khí, thực hiện thu dọn, đào tạo và sử dụng lao động Việt Nam, hàng hóa và dịch vụ Việt Nam, bán sản phẩm trong nước, an toàn, môi trường và bảo hiểm, việc chuyển tiếp sang Luật số 10/2026/QH16 từ ngày 1 tháng 3 năm 2027 và ý nghĩa đối với các hợp đồng hiện hữu, và sự giao thoa với điện gió ngoài khơi và thu giữ carbon

Rà soát ngày 10/10/2026 · Biên soạn bởi một luật sư chuyên về đầu tư nước ngoài (đã nghỉ hưu) với 20 năm kinh nghiệm hành nghề trong lĩnh vực pháp luật đầu tư Việt Nam · Thông tin pháp lý và thuế, không phải ý kiến tư vấn pháp lý · [Cách chúng tôi kiểm tra \(tiếng Anh\)](#) · [Mở trong ứng dụng](#)

NHỮNG ĐIỂM CẦN NHẮM

- Nhà thầu phải lập kế hoạch thu dọn công trình dầu khí để trình phê duyệt và, trong thời hạn một năm kể từ khi có dòng dầu, khí thương mại đầu tiên, thành lập quỹ bảo đảm nghĩa vụ thu dọn công trình dầu khí, đóng góp hằng năm cho Petrovietnam theo tỷ lệ quyền lợi tham gia và được tính là chi phí được thu hồi; phần thiếu hụt được bổ sung và phần dư được hoàn trả (Điều 50 và Điều 51 Luật số 12/2022/QH15; các Điều từ 51 đến 55 Nghị định số 45/2023/NĐ-CP).
- Petrovietnam gửi số tiền chưa sử dụng của quỹ tại ngân hàng thương mại do Nhà nước nắm giữ cổ phần chi phối, và tiền lãi được bổ sung vào quỹ; việc đóng góp phải được hoàn thành trước khi kết thúc hợp đồng hoặc kết thúc giai đoạn khai thác của mỏ (Điều 51).
- Hợp đồng phải bao gồm các cam kết về đào tạo, quỹ nghiên cứu khoa học và ưu tiên sử dụng lao động, dịch vụ Việt Nam, và nhà thầu phải chuyển giao công nghệ, đào tạo và sử dụng lao động Việt Nam và lựa chọn nhà cung cấp theo hình thức cạnh tranh, báo cáo Petrovietnam (Điều 30, khoản 3 và khoản 12 Điều 59).
- Khi Chính phủ yêu cầu, nhà thầu phải bán phần khí và dầu thô của mình, theo giá cạnh tranh quốc tế, tại thị trường Việt Nam (khoản 8 Điều 59).
- Luật số 10/2026/QH16 thay thế Luật số 12/2022/QH15 từ ngày 1 tháng 3 năm 2027, bổ sung trách nhiệm sau đóng mỏ, thu giữ và lưu trữ carbon, hạ tầng dùng chung và năng lượng ngoài khơi gắn với hoạt động dầu khí; Bộ Công Thương đã khẳng định Luật tôn trọng nguyên tắc không hồi tố, nhưng cơ chế chuyển tiếp đối với các hợp đồng hiện hữu cần được xác nhận trong văn bản Luật và nghị định hướng dẫn.

Vì sao việc thu dọn công trình dầu khí được chuẩn bị từ sớm

Các mỏ đang khai thác của Việt Nam đang già đi. Nhiều công trình ngoài khơi tại bể Cửu Long và bể Nam Côn Sơn được xây dựng trong những năm 1980 và 1990, và một số mỏ đang tiến gần hoặc đã qua thời điểm kết thúc hợp đồng ban đầu. Mối quan tâm của Nhà nước là chi phí tháo dỡ giàn khoan, hủy giếng và phục hồi đáy biển không được đổ lên ngân sách nếu nhà thầu rời đi hoặc mất khả năng thực hiện. Luật năm 2022 giải quyết mối quan tâm đó bằng cách yêu cầu việc thu dọn phải được lập kế hoạch sớm và được cấp vốn trong quá trình khai thác, thông qua một quỹ do bên Nhà nước quản lý, thay vì để lại cho bảng cân đối kế toán của nhà thầu khi kết thúc vòng đời mỏ ([Câu hỏi thường gặp 114](#)).

Kế hoạch thu dọn công trình dầu khí

Điều 50 Luật số 12/2022/QH15 yêu cầu nhà thầu lập **kế hoạch thu dọn công trình dầu khí** đối với các công trình trong diện tích hợp đồng, được Bộ Công Thương thẩm định và phê duyệt, với sự tham gia của Petrovietnam; theo Nghị quyết số 66.6/2025/NQ-CP của Chính phủ, một số thẩm quyền phê duyệt loại này được phân cấp cho PVN đến hết ngày 28 tháng 2 năm 2027. Kế hoạch phải được nộp thông qua PVN trong thời hạn một năm kể từ khi có dòng dầu, khí thương mại đầu tiên và được cập nhật ít nhất một năm trước khi kết thúc hợp đồng hoặc kết thúc khai thác mỏ ([Câu hỏi thường gặp 114](#)). Điều 51 Nghị định số 45/2023/NĐ-CP quy định việc lập và nội dung kế hoạch, trên thực tế xác định các công trình phải tháo dỡ, phương pháp, tiến độ, chi phí ước tính và các biện pháp về môi trường và an toàn.

Kế hoạch không nhất thiết phải yêu cầu tháo dỡ toàn bộ mọi công trình. Điều 55 của Nghị định cho phép cơ quan có thẩm quyền phê duyệt việc để lại công trình tại chỗ, hoàn thu dọn, hoặc thu dọn một phần hay toàn bộ, khi đáp ứng các điều kiện quy định tại Nghị định; tái sử dụng giàn khoan cho dự án phát triển mới hoặc, trong tương lai, cho dự án lưu trữ carbon là loại trường hợp có thể đề nghị tháo dỡ một phần hoặc hoàn thu dọn. Quyết định để lại công trình tại chỗ kéo theo các trách nhiệm tiếp diễn, và trách nhiệm sau đóng mỏ được đưa ra trong Luật năm 2027 nhiều khả năng sẽ tác động đến các quyết định đó.

Quỹ bảo đảm nghĩa vụ thu dọn công trình dầu khí

Điều 51 của Luật yêu cầu nhà thầu thành lập **quỹ bảo đảm nghĩa vụ thu dọn công trình dầu khí** trong thời hạn một năm kể từ khi có dòng dầu hoặc khí thương mại đầu tiên từ diện tích hợp đồng. Việc đóng góp được thực hiện **hằng năm**, trên cơ sở kế hoạch thu dọn đã được phê duyệt, và được nộp cho **Petrovietnam**, đơn vị quản lý quỹ; mỗi nhà thầu đóng góp theo tỷ lệ quyền lợi tham gia của mình, và các khoản đóng góp là **chi phí được thu hồi** theo hợp đồng. Việc đóng góp phải được hoàn thành trước khi kết thúc hợp đồng hoặc kết thúc giai đoạn khai thác của mỏ. Trong thời gian chưa sử dụng, Petrovietnam gửi số tiền này tại ngân hàng thương mại do Nhà nước nắm giữ cổ phần chi phối, và tiền lãi, sau khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính liên quan, được bổ sung vào quỹ.

Nếu quỹ không đủ khi tiến hành thu dọn, các nhà thầu phải đóng góp phần thiếu hụt; nếu còn dư sau khi hoàn thành thu dọn, phần dư được hoàn trả cho các bên trong hợp đồng theo quy định của hợp đồng. Các Điều từ 52 đến 54 Nghị định số 45/2023/NĐ-CP quy định cách tính khoản đóng góp, việc quản lý và sử dụng quỹ và quyết toán quỹ. Vì các khoản đóng góp được thu hồi, chúng thực chất được cấp vốn từ sản lượng và làm giảm dầu khí lãi trong những năm đóng góp; vì chúng gắn với chi phí ước tính trong kế hoạch, kế hoạch cập nhật có chi phí ước tính cao hơn sẽ làm tăng khoản đóng góp hằng năm.

Thực hiện thu dọn công trình dầu khí

Điều 52 của Luật yêu cầu việc thu dọn phải được thực hiện theo kế hoạch đã được phê duyệt khi hợp đồng kết thúc, khi mở kết thúc khai thác hoặc khi công trình không còn cần thiết, và khoản 7 Điều 59 quy định việc thu dọn công trình, thiết bị và phương tiện dầu khí là nghĩa vụ của nhà thầu. Quý chi trả cho các công việc đã được phê duyệt. Trường hợp thời hạn của nhà thầu kết thúc và Petrovietnam hoặc tổ chức khác tiếp nhận mỏ theo Điều 41, nghĩa vụ thu dọn và quỹ đi theo công trình, và thỏa thuận bàn giao cần xác định bên nào chịu trách nhiệm nào, bao gồm đối với các giếng đã hủy và công trình được để lại tại chỗ.

Bên mua quyền lợi tham gia tại một mỏ đang khai thác kế thừa phần nghĩa vụ thu dọn tương ứng. Thẩm định pháp lý cần bao gồm kế hoạch đã được phê duyệt và chi phí ước tính gần nhất, số dư quỹ, các khoản đóng góp của từng bên, mọi tranh chấp về chi phí ước tính, và việc phân bổ trách nhiệm thu dọn giữa bên bán và bên mua theo hợp đồng, vấn đề mà pháp luật Việt Nam để các bên tự thỏa thuận với điều kiện nghĩa vụ đối với Nhà nước được bảo đảm.

Nội địa hóa: đào tạo, lao động, dịch vụ và công nghệ

Chế độ nội địa hóa của Việt Nam chủ yếu mang tính hợp đồng. Điều 30 yêu cầu mọi hợp đồng dầu khí phải bao gồm các cam kết về **đào tạo, quỹ nghiên cứu khoa học và ưu tiên sử dụng lao động, dịch vụ Việt Nam**, và các cam kết này là biến số chào thầu trong vòng đấu thầu. Khoản 3 Điều 59 buộc nhà thầu chuyển giao công nghệ, đào tạo và sử dụng lao động Việt Nam và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của họ, và khoản 12 Điều 59 yêu cầu nhà thầu lựa chọn nhà cung cấp dịch vụ và hàng hóa dầu khí thông qua quy trình cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả phù hợp với hợp đồng và báo cáo kết quả lựa chọn cho Petrovietnam (Câu hỏi thường gặp 114). Trên thực tế, các công ty con dịch vụ của chính Petrovietnam, trong lĩnh vực khoan, dịch vụ kỹ thuật, xây lắp và vận tải biển, cạnh tranh mạnh mẽ để giành hợp đồng, và người điều hành phải chứng minh với PVN rằng hoạt động mua sắm của mình tuân thủ hợp đồng.

Chuyên gia nước ngoài được tuyển dụng theo quy định thông thường về giấy phép lao động, cho phép miễn giấy phép và thủ tục đơn giản hóa trong một số trường hợp (Giấy phép lao động cho nhân sự nước ngoài), và người lao động Việt Nam của người điều hành được bảo vệ theo Bộ luật Lao động, pháp luật về bảo hiểm xã hội và nội quy lao động của người điều hành (Chương 4). Việc chuyển giao công nghệ cho bên Việt Nam có thể phải đăng ký theo pháp luật về chuyển giao công nghệ (Chuyển giao công nghệ và chuyển quyền sử dụng).

Bán sản phẩm trong nước, an toàn, môi trường và bảo hiểm

Khoản 8 Điều 59 yêu cầu nhà thầu, khi Chính phủ yêu cầu, bán phần khí thiên nhiên của mình thuộc các dự án phát triển khí tại thị trường Việt Nam theo thỏa thuận, và bán phần dầu thô của mình tại Việt Nam theo giá cạnh tranh quốc tế. Các nhà máy lọc dầu và nhà máy điện khí trong nước phụ thuộc vào nghĩa vụ đó, và hợp đồng mua bán khí được đàm phán trên cơ sở nghĩa vụ này. Khoản 10 Điều 59 yêu cầu nhà thầu chia sẻ hạ tầng hiện có với bên thứ ba theo thỏa thuận khi việc này không làm gián đoạn hoạt động của mình, và khoản 11 Điều 59 yêu cầu cho phép các hoạt động tài nguyên khác trong diện tích hợp đồng không cản trở hoạt động dầu khí.

An toàn được điều chỉnh bởi Điều 8 của Luật và Chương V Nghị định số 45/2023/NĐ-CP (các Điều từ 39 đến 44), quy định về quản lý an toàn, đánh giá rủi ro và ứng phó sự cố đối với công trình dầu khí dưới sự giám sát của Bộ Công Thương. Điều 49 hạn chế việc đốt bỏ và xả khí. Đánh giá tác động môi trường đối với dự án phát triển mỏ và giấy phép môi trường đối với hoạt động vận hành được yêu cầu theo Luật số 72/2020/QH14, và nhà thầu phải duy trì năng lực ứng phó sự cố tràn dầu theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về ứng phó sự cố tràn dầu. Bảo hiểm đối với công trình, giếng khoan, ô nhiễm và trách nhiệm đối với bên thứ ba được quy định trong hợp đồng dầu khí và chương trình bảo hiểm của người điều hành theo pháp luật kinh doanh bảo hiểm Việt Nam; phạm vi bảo hiểm bắt buộc cần được đối chiếu với hợp đồng cụ thể, và có thể phải mua bảo hiểm thông qua hoặc cùng với doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam.

Chuyển tiếp sang Luật số 10/2026/QH16

Luật Dầu khí số 10/2026/QH16 có hiệu lực từ **ngày 1 tháng 3 năm 2027** và thay thế Luật số 12/2022/QH15. Thông tin công bố của Bộ Công Thương vào tháng 9 năm 2026 nêu năm thay đổi cốt lõi: tăng cường phân cấp cho cơ quan quản lý nhà nước và ủy quyền cho Petrovietnam, với thủ tục được đơn giản hóa và tăng cường giám sát, trong khi các thẩm quyền liên quan đến quốc phòng, an ninh và sự kiện bất khả kháng vẫn thuộc các cơ quan có thẩm quyền; bổ sung ưu đãi đối với mỏ nhỏ, mỏ cận biên và dự án nước sâu, xa bờ, và khuyến khích nâng cao hệ số thu hồi và khai thác tận thu; khung pháp lý về thu giữ và lưu trữ carbon, năng lượng ngoài khơi và dịch vụ công nghệ cao gắn với hoạt động dầu khí, bao gồm hạ tầng dùng chung; hợp đồng linh hoạt hơn, bảo vệ quyền lợi của nhà thầu và cho phép gia hạn thời hạn hợp đồng và điều chỉnh cam kết công việc, cùng quy định về cách xử lý chi phí của Petrovietnam khi thực hiện nghĩa vụ thay mặt Nhà nước; và quy định về kế toán, kiểm toán và quyết toán chi phí phù hợp với thông lệ quốc tế. Các thông tin về Luật cũng đề cập đến các quy định về tín chỉ carbon và **trách nhiệm sau đóng mỏ**.

Ý nghĩa của Luật đối với **các hợp đồng hiện hữu** phụ thuộc vào các quy định chuyển tiếp và nghị định hướng dẫn, mà Bộ Công Thương đã đưa ra dự thảo trong năm 2026 để ban hành trước ngày 1 tháng 3 năm 2027. Bộ Công Thương cho biết Luật tuân thủ nguyên tắc không hồi tố, thông thường có nghĩa là các hợp đồng đã được phê duyệt và ký kết theo Luật năm 2022, cùng các điều khoản tài chính của chúng, tiếp tục được áp dụng, trong khi các thủ tục thực hiện sau ngày 1 tháng 3 năm 2027, như phê duyệt kế hoạch, sửa đổi, gia hạn và chuyển nhượng, tuân theo Luật mới. Việc nhà thầu hiện hữu có thể lựa chọn áp dụng các ưu đãi mới hay không, và các hồ sơ đang giải quyết được xử lý như thế nào, cần được xác nhận theo văn bản chính thức trước khi dựa vào bất kỳ giả định nào. Nhà thầu đang đàm phán gia hạn hoặc hợp đồng mới vào cuối năm 2026 nên cân nhắc ký kết trước hay sau thời điểm thay đổi.

Điện gió ngoài khơi và thu giữ carbon: nơi các chế độ pháp lý giao thoa

Hai hoạt động mới sẽ cùng sử dụng vùng biển của Việt Nam với dầu khí. **Điện gió ngoài khơi** là hoạt động phát điện được điều chỉnh bởi Luật Điện lực số 61/2024/QH15, có hiệu lực từ ngày 1 tháng 2 năm 2025 và có các quy định riêng về điện gió ngoài khơi, cùng với pháp luật về biển và đầu tư liên quan đến sử dụng khu vực biển (Câu hỏi thường gặp 93). Các quy định về năng lượng ngoài khơi của Luật Dầu khí năm 2027 liên quan đến công trình và hạ tầng gắn với hoạt động dầu khí, không phải bản thân điện gió ngoài khơi, do đó dự án điện gió vẫn thuộc chế độ pháp lý về điện lực ngay cả khi sử dụng giàn khoan hoặc hành lang đường ống dầu khí. Xung đột về khu vực biển giữa dự án điện gió và lô dầu khí được giải quyết thông qua quy hoạch không gian biển và phê duyệt của các cơ quan có thẩm quyền.

Thu giữ và lưu trữ carbon trước nay chưa có khung pháp lý riêng tại Việt Nam. Luật số 10/2026/QH16 đưa ra các quy định về địa điểm thu giữ carbon, trách nhiệm của tổ chức thu giữ và lưu trữ carbon, sử dụng chung hạ tầng và an toàn, giới hạn ở các hoạt động gắn trực tiếp với hoạt động dầu khí, chẳng hạn như bơm ép carbon dioxide vào các vỉa chứa đã cạn kiệt. Chi tiết sẽ được quy định trong nghị định hướng dẫn. Nhà đầu tư xem xét dự án thu giữ và lưu trữ carbon tại một mỏ của Việt Nam nên coi khung pháp lý này là mới và chưa được kiểm nghiệm, và nên dự liệu rằng việc phân bổ trách nhiệm lưu trữ dài hạn, cùng mối liên hệ với thu dọn công trình dầu khí và trách nhiệm sau đóng mỏ, sẽ là vấn đề trọng tâm.

Chuẩn bị cho ngày 1 tháng 3 năm 2027

Các bước mà nhà thầu, hoặc nhà đầu tư vào hợp đồng dầu khí, nên thực hiện trước khi Luật số 10/2026/QH16 có hiệu lực.

- ☐ **Rà soát các phê duyệt đang chờ**
Lập danh sách các kế hoạch, sửa đổi, gia hạn và chuyển nhượng sẽ được quyết định sau ngày 1 tháng 3 năm 2027, và xác định cơ quan nào sẽ quyết định theo Luật mới và nghị định hướng dẫn.
- ☐ **Rà soát điều khoản hợp đồng so với các ưu đãi mới**
Đánh giá liệu các mỏ cận biên, mỏ nước sâu hoặc xa bờ có thể đáp ứng điều kiện hưởng các ưu đãi mới hay không và có cần sửa đổi hợp đồng hoặc ký hợp đồng mới để được hưởng hay không.
- ☐ **Kiểm tra tình trạng thu dọn công trình dầu khí**
Cập nhật kế hoạch thu dọn và chi phí ước tính; đối chiếu số dư quỹ; xem xét tác động của trách nhiệm sau đóng mỏ đối với công trình được để lại tại chỗ.
- ☐ **Theo dõi các thẩm quyền phê duyệt được phân cấp**
Lưu ý rằng việc phân cấp một số thẩm quyền phê duyệt của Bộ Công Thương cho PVN theo Nghị quyết số 66.6/2025/NQ-CP chấm dứt vào ngày 28 tháng 2 năm 2027.
- ☐ **Lập kế hoạch nhận chuyển nhượng và thoái vốn**
Quyết định việc chuyển nhượng nên được phê duyệt trước hay sau thời điểm thay đổi, căn cứ vào trình tự phê duyệt và các điều kiện mới (nếu có).
- ☐ **Đánh giá khả năng thu giữ, lưu trữ carbon và hạ tầng dùng chung**
Xác định các vỉa chứa đã cạn kiệt, giàn khoan hoặc đường ống có thể được sử dụng để lưu trữ carbon hoặc chia sẻ với bên thứ ba theo các quy định mới.
- ☐ **Cập nhật kế hoạch nội địa hóa**
Xác nhận việc thực hiện đào tạo, quỹ nghiên cứu khoa học và báo cáo mua sắm so với hợp đồng và mọi yêu cầu mới trong nghị định.

Các nghĩa vụ chính hiện nay và định hướng thay đổi năm 2027

Nội dung	Theo Luật số 12/2022/QH15 (đến hết ngày 28 tháng 2 năm 2027)	Theo Luật số 10/2026/QH16 (từ ngày 1 tháng 3 năm 2027, theo thông tin hiện có)
Phê duyệt hợp đồng và chuyển nhượng	Thủ tướng Chính phủ, trên cơ sở thẩm định của Bộ Công Thương (Điều 26 và Điều 36)	Tăng cường phân cấp cho cơ quan quản lý nhà nước và PVN; các vấn đề quốc phòng, an ninh được giữ lại; chi tiết trong văn bản Luật và nghị định
Thu dọn công trình dầu khí	Kế hoạch do Bộ Công Thương phê duyệt; quỹ được đóng góp hằng năm cho PVN trong thời hạn một năm kể từ khi có dòng dầu, khí đầu tiên; được thu hồi (các Điều từ 50 đến 52)	Được kế thừa, bổ sung trách nhiệm sau đóng mỏ
Ưu đãi	Lô dầu khí được hưởng chính sách ưu đãi đầu tư và ưu đãi đầu tư đặc biệt thuộc danh mục do Thủ tướng Chính phủ ban hành (Điều 53 và Điều 54)	Bổ sung ưu đãi đối với mỏ nhỏ, mỏ cận biên, mỏ nước sâu và xa bờ; nâng cao hệ số thu hồi và khai thác tận thu
Tính linh hoạt của hợp đồng	Gia hạn tối đa 5 năm với sự chấp thuận của Bộ Công Thương (Điều 31)	Thuận lợi hơn trong việc gia hạn thời hạn và điều chỉnh cam kết công việc
Thu giữ và lưu trữ carbon	Chưa có khung pháp lý riêng	Khung pháp lý về thu giữ và lưu trữ carbon gắn với hoạt động dầu khí; tín chỉ carbon
Hạ tầng dùng chung và năng lượng ngoài khơi	Nhà thầu phải chia sẻ hạ tầng theo thỏa thuận (khoản 10 Điều 59)	Quy định về sử dụng chung và năng lượng ngoài khơi gắn với hoạt động dầu khí
Kế toán và quyết toán chi phí	Điều 56 và Điều 57; Phụ lục B Nghị định số 45/2023/NĐ-CP	Phù hợp với thông lệ quốc tế; nghị định mới
Nội địa hóa	Cam kết trong hợp đồng về đào tạo, quỹ nghiên cứu khoa học, lao động và dịch vụ Việt Nam (Điều 30 và Điều 59)	Dự kiến tiếp tục áp dụng; cần kiểm tra nghị định mới

VÍ DỤ MINH HỌA

Cấp vốn thu dọn công trình dầu khí cho một mỏ dầu đang ở giữa vòng đời

Một nhóm nhà thầu gồm ba bên (người điều hành 50%, đối tác Nhật Bản 30%, công ty con của Petrovietnam 20%) bắt đầu khai thác thương mại vào tháng 3 năm 2025 và có kế hoạch thu dọn công trình dầu khí đã được phê duyệt với chi phí ước tính 240 triệu USD. Giai đoạn khai thác dự kiến kết thúc vào năm 2040. Các số liệu và lộ trình đóng góp chỉ mang tính minh họa; phương pháp thực tế tuân theo Nghị định số 45/2023/NĐ-CP và hợp đồng.

Thời hạn thành lập quỹ

Trong thời hạn một năm kể từ khi có dòng dầu, khí thương mại đầu tiên: trước tháng 3 năm 2026 (Điều 51).

Thời gian đóng góp	Đóng góp hằng năm từ năm 2026 đến năm 2039, hoàn thành trước khi kết thúc giai đoạn khai thác.
Khoản đóng góp hằng năm (minh họa theo phương pháp đường thẳng)	240 triệu USD trong 14 năm = khoảng 17,1 triệu USD mỗi năm, chưa tính tiền lãi được ghi có vào quỹ.
Phần đóng góp của từng bên	Người điều hành khoảng 8,6 triệu USD, đối tác Nhật Bản khoảng 5,1 triệu USD, công ty con của PVN khoảng 3,4 triệu USD mỗi năm.
Thu hồi chi phí	Các khoản đóng góp là chi phí được thu hồi, được thu hồi trong giới hạn mức trần thu hồi chi phí, do đó làm giảm dần lãi trong mỗi năm đóng góp.
Cập nhật kế hoạch năm 2032	Chi phí ước tính tăng lên 300 triệu USD; các khoản đóng góp còn lại được tính lại để bù đắp phần chênh lệch trước năm 2039.
Thu dọn trong giai đoạn 2040 - 2042	Công việc được thực hiện theo kế hoạch đã được phê duyệt; chi phí thực tế 285 triệu USD; phần dư 15 triệu USD cộng với tiền lãi tích lũy được hoàn trả cho các bên trong hợp đồng theo quy định của hợp đồng.
Nếu đối tác Nhật Bản chuyển nhượng vào năm 2030	Bên mua tiếp nhận 30% phần nghĩa vụ và các khoản đã đóng góp; thỏa thuận nhận chuyển nhượng phân bổ mọi khoản thiếu hụt phát sinh trong giai đoạn trước khi hoàn tất giao dịch.

Nếu mỏ được bàn giao cho Petrovietnam khi hợp đồng hết hạn theo Điều 41, quỹ và nghĩa vụ thu dọn sẽ đi theo công trình, và thỏa thuận bàn giao sẽ giải quyết các trách nhiệm còn lại.

Nếu một phần công trình được phê duyệt để lại tại chỗ cho dự án lưu trữ carbon, kế hoạch và quỹ sẽ được điều chỉnh theo Điều 55 của Nghị định, và trách nhiệm sau đóng mỏ theo Luật năm 2027 sẽ cần được giải quyết.

Câu hỏi nhà đầu tư thường gặp về thu dọn công trình dầu khí, nội địa hóa và Luật năm 2027

Khi nào phải thành lập quỹ bảo đảm nghĩa vụ thu dọn công trình dầu khí đối với một mỏ dầu tại Việt Nam?

Trong thời hạn một năm kể từ khi có dòng dầu hoặc khí thương mại đầu tiên từ diện tích hợp đồng, theo Điều 51 Luật số 12/2022/QH15. Các khoản đóng góp được nộp hằng năm cho Petrovietnam theo tỷ lệ quyền lợi tham gia, trên cơ sở kế hoạch đã được phê duyệt, là chi phí được thu hồi và phải được hoàn thành trước khi kết thúc hợp đồng hoặc kết thúc giai đoạn khai thác của mỏ.

Điều gì xảy ra nếu quỹ bảo đảm nghĩa vụ thu dọn công trình dầu khí quá nhỏ hoặc quá lớn?

Nếu quỹ không đủ khi tiến hành thu dọn, các nhà thầu phải đóng góp phần thiếu hụt. Nếu còn tiền sau khi hoàn thành thu dọn, phần dư được hoàn trả cho các bên trong hợp đồng theo quy định của hợp đồng. Số tiền chưa sử dụng được gửi tại ngân hàng thương mại do Nhà nước nắm giữ cổ phần chi phối và tiền lãi được bổ sung vào quỹ.

Nhà thầu dầu khí có những nghĩa vụ nội địa hóa nào?

Hợp đồng phải bao gồm các cam kết về đào tạo, quỹ nghiên cứu khoa học và ưu tiên sử dụng lao động, dịch vụ Việt Nam theo Điều 30. Nhà thầu phải chuyển giao công nghệ, đào tạo và sử dụng lao động Việt Nam, lựa chọn nhà cung cấp theo hình thức cạnh tranh và báo cáo Petrovietnam theo Điều 59, và bán khí và dầu thô trong nước khi Chính phủ yêu cầu.

Luật Dầu khí năm 2027 có làm thay đổi hợp đồng hiện hữu của tôi không?

Bộ Công Thương cho biết Luật số 10/2026/QH16 tuân thủ nguyên tắc không hồi tố, thông thường giữ nguyên các hợp đồng đã ký và các điều khoản tài chính của chúng, trong khi các thủ tục sau ngày 1 tháng 3 năm 2027 tuân theo Luật mới. Cần kiểm tra các quy định chuyển tiếp và nghị định hướng dẫn, đặc biệt đối với gia hạn, chuyển nhượng và khả năng tiếp cận các ưu đãi mới.

Luật Dầu khí mới có điều chỉnh thu giữ carbon và điện gió ngoài khơi không?

Luật đưa ra khung pháp lý về thu giữ và lưu trữ carbon, hạ tầng dùng chung và năng lượng ngoài khơi, giới hạn ở các hoạt động gắn trực tiếp với hoạt động dầu khí. Điện gió ngoài khơi vẫn là hoạt động phát điện theo Luật Điện lực số 61/2024/QH15 và pháp luật về biển và đầu tư, ngay cả khi sử dụng hạ tầng dầu khí.

THAY ĐỔI DỰ KIẾN NĂM 2027

- Luật số 10/2026/QH16 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 3 năm 2027; các quy định chuyển tiếp và nghị định hướng dẫn mà Bộ Công Thương đã đưa ra dự thảo sẽ quyết định cách xử lý các hợp đồng hiện hữu, hồ sơ đang giải quyết và kế hoạch thu dọn công trình dầu khí, và cần được kiểm tra trước khi dựa vào bất kỳ giả định nào trong mục này.
- Các quy định mới về thu giữ và lưu trữ carbon và về trách nhiệm sau đóng mỏ dự kiến được ban hành trong nghị định hướng dẫn; các quy định này có thể ảnh hưởng đến quyết định để lại công trình tại chỗ và quy mô của quỹ bảo đảm nghĩa vụ thu dọn công trình dầu khí.
- Việc phân cấp thẩm quyền phê duyệt cho Petrovietnam theo Nghị quyết số 66.6/2025/NQ-CP chấm dứt vào ngày 28 tháng 2 năm 2027, và mẫu hợp đồng sửa đổi cũng như danh mục lô dầu khí được hưởng ưu đãi mới có thể được ban hành sau Luật mới.

Thuật ngữ thường gặp trong hồ sơ, tài liệu

Tiếng Anh	Tiếng Việt	Giải nghĩa
Decommissioning	Thu dọn công trình dầu khí	Việc tháo dỡ hoặc bảo đảm an toàn đối với công trình dầu khí (các Điều từ 50 đến 52).
Decommissioning plan	Kế hoạch thu dọn công trình dầu khí	Kế hoạch đã được phê duyệt gồm phương pháp, tiến độ và chi phí ước tính (Điều 50).
Decommissioning fund	Quỹ bảo đảm nghĩa vụ thu dọn công trình dầu khí	Quỹ do Petrovietnam quản lý để bảo đảm việc thu dọn công trình dầu khí (Điều 51).

Tiếng Anh	Tiếng Việt	Giải nghĩa
First commercial production	<i>Dòng dầu, khí thương mại đầu tiên</i>	Sự kiện bắt đầu tính thời hạn một năm để thành lập quỹ.
Research fund	<i>Quỹ nghiên cứu khoa học</i>	Cam kết theo hợp đồng về cấp vốn cho nghiên cứu, một điều khoản về nội địa hóa.
Carbon capture and storage	<i>Thu giữ và lưu trữ carbon</i>	Việc thu giữ và lưu trữ carbon dioxide, được Luật năm 2027 điều chỉnh khi gắn với hoạt động dầu khí.
Post-closure responsibility	<i>Trách nhiệm sau đóng mỏ</i>	Các nghĩa vụ tiếp tục tồn tại sau khi mỏ được đóng cửa, được đưa ra trong Luật năm 2027.
Flaring and venting	<i>Đốt bỏ và xả khí</i>	Việc đốt hoặc xả khí, bị hạn chế theo Điều 49.

NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI VÀ NHÀ ĐẦU TƯ VIỆT NAM

Nghĩa vụ thu dọn công trình dầu khí và nội địa hóa ràng buộc mọi nhà thầu theo tỷ lệ quyền lợi tham gia, dù là nhà thầu Việt Nam hay nước ngoài, kể cả các công ty con của chính Petrovietnam. Đối với nhà thầu nước ngoài, các cam kết nội địa hóa trên thực tế khắt khe hơn, vì nhân sự và nhà cung cấp của họ nhiều khả năng là người nước ngoài: nhà thầu phải đào tạo và sử dụng lao động Việt Nam, xin giấy phép lao động cho chuyên gia nước ngoài, mua sắm theo hình thức cạnh tranh và báo cáo PVN, và chịu thuế nhà thầu nước ngoài đối với dịch vụ cung cấp từ nước ngoài. Luật năm 2027 áp dụng như nhau đối với cả hai.

LƯU Ý

- Không thành lập quỹ bảo đảm nghĩa vụ thu dọn công trình dầu khí trong thời hạn một năm kể từ khi có dòng dầu, khí thương mại đầu tiên.
- Mua quyền lợi tham gia mà không rà soát chi phí thu dọn ước tính, số dư quỹ và việc phân bổ trách nhiệm theo hợp đồng.
- Coi các cam kết nội địa hóa trong hồ sơ dự thầu chỉ mang tính định hướng; đó là các điều khoản hợp đồng được PVN giám sát.
- Cho rằng các ưu đãi mới của Luật năm 2027 tự động áp dụng đối với các hợp đồng hiện hữu.
- Lập kế hoạch lưu trữ carbon tại mỏ đã cạn kiệt mà không giải quyết trách nhiệm lưu trữ dài hạn và mối liên hệ với việc thu dọn công trình dầu khí.

NGUỒN CHÍNH THỨC

- Cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản pháp luật (vbpl.vn): Luật số 12/2022/QH15, Điều 30, các Điều từ 49 đến 52 và Điều 59; Nghị định số 45/2023/NĐ-CP, các Điều từ 39 đến 44 và từ 51 đến 55 — <https://vbpl.vn>
- Cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản pháp luật (vbpl.vn): Luật Dầu khí số 10/2026/QH16 (có hiệu lực từ ngày 1 tháng 3 năm 2027) — <https://vbpl.vn>
- Bộ Công Thương (thông tin về Luật số 10/2026/QH16; dự thảo nghị định hướng dẫn) — <https://moit.gov.vn>
- Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam (Petrovietnam): quản lý quỹ bảo đảm nghĩa vụ thu dọn công trình dầu khí — <https://www.pvn.vn>